

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Thông tin tổ chức phát hành:

- Tên tổ chức: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP
- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Email: cbtt@vimc.co
- Điện thoại: 024 35770825
- Fax: 024 35770850

2. Nội dung công bố thông tin

Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP được tổ chức vào ngày 16/4/2024 tại Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP vào ngày 17/4/2024 tại địa chỉ website: <http://vimc.co>

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Người PTQTCT;
- Lưu: VT, TT. L02.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



**TRƯỞNG BAN TRUYỀN THÔNG
Trần Tuấn Hải**

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Thời gian: ½ ngày, từ 08h30 ngày 16 tháng 4 năm 2024

Địa điểm: Hội trường tầng 3, tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hình thức: Họp trực tiếp

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	Tiếp đón đại biểu/cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông
08h30 - 08h40	Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông Khai mạc Đại hội, giới thiệu đại biểu
08h40 - 08h50	Giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại hội; Giới thiệu Ban Thư ký Đại hội; Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu
08h50 - 08h55	Thông qua Chương trình Đại hội
08h55 - 09h00	Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội
09h00 - 09h50	Trình bày các nội dung nghị sự: 1. Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024. 2. Báo cáo của BKS về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2023. 3. Báo cáo tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2023, Phương hướng hoạt động năm 2024. 4. Báo cáo tài chính năm 2023 của VIMC đã được kiểm toán. 5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của VIMC. 6. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và Kế hoạch tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS.
09h50 - 10h00	Giải lao
10h00 - 10h50	Trình bày các nội dung nghị sự: 7. Cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025. 8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của VIMC. 9. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC. 10. Điều chỉnh, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của VIMC. 11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC.
10h50 - 11h10	Đại hội thảo luận và biểu quyết các nội dung đã trình bày
11h10 - 11h20	Đại diện cơ quan quản lý Nhà nước phát biểu ý kiến
11h20 - 11h30	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội
11h30	Bế mạc Đại hội

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HHVN ngày 26/01/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP về kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (“Đại hội”) bằng hình thức trực tiếp, bỏ phiếu biểu quyết điện tử.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các tổ chức, cá nhân tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

4. Các quy định liên quan đến việc tổ chức Đại hội không quy định chi tiết tại Quy chế này, sẽ được áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy định này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 “Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP” (sau đây gọi tắt là “VIMC”) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 18/8/2020.

1.2 “Đại hội đồng cổ đông” (“ĐHĐCĐ”) là Đại hội đồng cổ đông VIMC.

1.3 “Hội đồng quản trị” (“HDQT”) là Hội đồng quản trị của VIMC.

1.4 “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc của VIMC.

1.5 “Cổ đông” là người sở hữu ít nhất một cổ phần của VIMC, có tên trong Danh sách cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc là người được ủy quyền hợp lệ.

1.6 “Bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông thực hiện biểu quyết trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Quy chế này.

1.7 “Người được ủy quyền” là người được Cổ đông ủy quyền tham dự họp và thực hiện các quyền của Cổ đông tại ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ của VIMC và Quy chế này.

1.8 Tài khoản truy cập bao gồm tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được VIMC cấp duy nhất cho từng cổ đông.

1.9 Thời gian mở cửa Hệ thống biểu quyết điện tử là thời điểm bắt đầu để cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông có thể truy cập, đọc tài liệu Đại hội và có thể biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.

1.10 Thời gian đóng cửa Hệ thống biểu quyết điện tử là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, biểu quyết, ... theo thông báo của Chủ tọa Đại hội.

2. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này sẽ được hiểu theo từng ngữ cảnh cụ thể trong Quy chế và các quy định có liên quan của VIMC và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

Điều 4. Hình thức tham dự Đại hội

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Tham dự trực tiếp và biểu quyết bằng bỏ phiếu điện tử tại Đại hội;

b. Ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết bằng bỏ phiếu điện tử tại Đại hội. Gửi ủy quyền bằng văn bản đến cuộc họp hoặc gửi thông qua người được ủy quyền.

c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

CHƯƠNG II: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể tham dự Đại hội theo một trong các hình thức nêu tại Điều 4 Quy chế này. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự Đại hội. Cổ đông có sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 01 (một) người tham dự Đại hội. Cổ đông có sở hữu từ 10% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa 03 (ba) người tham dự Đại hội. Cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên được ủy quyền tối đa 05 (năm) người tham dự Đại hội. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội được nhận thông báo công khai về nội dung, chương trình Đại hội.

3. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) để thực hiện bỏ phiếu biểu quyết điện tử được cung cấp cho cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội khi đến trực tiếp tham dự Đại hội. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội thông báo cho cổ đông theo hình thức trực tiếp hoặc email/điện thoại (theo thông tin cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp).

4. Cổ đông/đại diện cổ đông có quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ VIMC, Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội

1. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. Thông báo mời tham dự Đại hội.

b. Giấy chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

c. Giấy ủy quyền trong trường hợp được ủy quyền bằng văn bản tham dự Đại hội. Giấy ủy quyền phải có đầy đủ chữ ký và đóng dấu (nếu cổ đông là pháp nhân/tổ chức). Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

2. Cổ đông/đại diện cổ đông chỉ được chính thức tham dự trực tiếp và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông. Khi cổ đông/đại diện cổ đông đăng ký tham dự Đại hội sẽ được cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc mã QR để đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu biểu quyết điện tử.

3. Cổ đông/đại diện cổ đông khi vào phòng họp phải tuân thủ ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/đại diện cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không đổ chuông.

6. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử đối với các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm 05 người: Chủ tọa và 04 thành viên.

Chủ tịch Hội đồng quản trị VIMC làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Để hỗ trợ cho Chủ tọa, Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm 04 thành viên khác cùng tham gia để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền của Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

b. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

c. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản

tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong Chương trình.

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử trên hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình.

e. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

f. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu.

2. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

b. Tiếp nhận ý kiến đăng ký thảo luận của cổ đông. Tổng hợp các ý kiến của cổ đông trong quá trình diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ và gửi tới Đoàn Chủ tọa.

c. Lập Biên bản cuộc họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ VIMC.

e. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội.

Điều 9. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Hội đồng quản trị VIMC quyết định thành lập, trong đó gồm 03 người: Trưởng Ban và 02 thành viên.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

- a. Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- b. Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông tham dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành.
- c. Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 10. Ban Kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - a. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - b. Kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết, lập biên bản tổng hợp kết quả biểu quyết, công bố kết quả biểu quyết; chuyển Biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
 - c. Thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký Đại hội.
 - d. Bàn giao các biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết (nếu có) cho Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - e. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.
 - f. Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu hoặc phân công của Chủ tọa.

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 11. Chương trình Đại hội

1. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội thông qua ngay trong phần khai mạc Đại hội.
2. Trường hợp có sự thay đổi nội dung trong Chương trình họp đã được gửi kèm Thông báo mời họp cho các cổ đông thì các thay đổi phải được Đại hội thông nhất thông qua.

Điều 12. Thảo luận tại Đại hội

1. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.
2. Chỉ có cổ đông/đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận. Cổ đông nếu có ý kiến gửi nội dung cần thảo luận cho Ban Thư ký để chuyển cho Đoàn Chủ tọa hoặc đăng nhập vào tài khoản tham dự Đại hội để gửi nội dung cần thảo luận. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển cho Đoàn Chủ tọa Đại hội.

3. Cổ đông giơ tay khi cần phát biểu hoặc thảo luận, và chỉ được phát biểu khi Đoàn Chủ tọa đồng ý. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

4. Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông.

5. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VIMC trả lời sau.

Điều 13. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

1. Nguyên tắc chung:

1.1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

1.2. Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội.

1.3. Các nội dung theo Chương trình Đại hội được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 29 Điều lệ VIMC.

1.4. Trường hợp cổ đông đăng ký tham dự Đại hội sau khi Đại hội đã biểu quyết một/một số nội dung nhưng chưa kết thúc thì vẫn được đăng ký và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau đó nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

1.5. Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc biểu quyết và kiểm phiếu (nếu có) phải được Đoàn Chủ tọa Đại hội giải quyết trước khi Biên bản họp Đại hội được công bố.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết điện tử:

Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:

2.1. Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập hoặc quét mã QR để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn kèm theo Quy chế này để thực hiện biểu quyết.

2.2. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

2.3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tiếp để thực hiện bỏ phiếu điện tử tính đến thời điểm biểu quyết.

2.4. Cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2.5. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết). Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả

biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu.

2.6. Kể từ thời điểm hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên hệ thống theo tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

3. Thời điểm biểu quyết:

3.1. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

3.2. Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của Đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về Chương trình Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và Quy chế tổ chức Đại hội. Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội.

3.3. Các kết quả bỏ phiếu được tính tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng.

3.4. Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Đoàn Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

4. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền của cổ đông có tham gia biểu quyết và có chọn phương án biểu quyết và hoàn thành việc gửi trên hệ thống.

Trường hợp cổ đông hoặc người đại diện uỷ quyền của cổ đông đăng nhập thành công để thực hiện biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử nhưng không lựa chọn ý kiến nào (không đánh dấu chọn vào ô nào) sẽ được hiểu là cổ đông từ chối quyền và không tham dự biểu quyết tại nội dung đó. Số phiếu của cổ đông này không được cộng vào tổng số phiếu tham gia biểu quyết của nội dung không đánh dấu.

5. Cổ đông chịu trách nhiệm bảo mật thông tin về tài khoản truy cập được VIMC cung cấp và đảm bảo việc sử dụng tài khoản truy cập để biểu quyết đúng quy định.

Điều 14. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp số phiếu Tán thành, Không tán thành và Không có ý kiến.

2. Ban Kiểm phiếu kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử và phiếu biểu quyết do cổ đông gửi đến để tổng hợp kết quả biểu quyết; hoàn thiện Biên bản tổng hợp kết quả biểu quyết.

3. Kết quả biểu quyết được Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.

Điều 15. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội sẽ được công bố thông tin và đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của VIMC theo quy định.

CHƯƠNG IV:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 4 chương, 16 điều, có hiệu lực ngay tại thời điểm được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thông qua.

2. Đoàn Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo các điều khoản tại Quy chế này.

3. Các cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



The image shows a red circular official stamp of the General Meeting of Shareholders (Đại Hội Cổ Đông) of VIMC (Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP). The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0100104595 - C.11.01", "TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP", and "Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI". A blue ink signature is written over the stamp.

Lê Anh Sơn

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN THAM DỰ TRỰC TIẾP VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Quý cổ đông vui lòng truy cập Hệ thống bỏ phiếu điện tử bằng cách quét mã QR trên tem được cấp sau khi thực hiện thành công việc kiểm tra tư cách cổ đông.

	Số DK 0001 VMC-0001	Số CP Sở Hữu 1.000
Họ tên cổ đông/đại diện: Nguyễn Văn A	Tên đăng nhập: 123459789 Mật khẩu: 123456	Số CP Ủy Quyền 0
		Tổng Số Cổ Phần Có Quyền BQ 1.000

Sau khi quét mã Quý cổ đông sẽ được chuyển đến giao diện đăng nhập hệ thống, tên đăng nhập và mật khẩu đã được gán sẵn Quý cổ đông click vào mục “**Đăng nhập**”

[Đăng nhập](#)

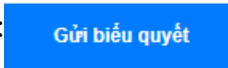


II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Sau khi đăng nhập, tại màn hình chính, Quý Cổ đông kiểm tra thông tin cá nhân được hiển thị và tình trạng tiến trình Đại hội. Quý Cổ đông thực hiện Click chọn mục “**TIẾN HÀNH**” đối với từng đợt biểu quyết để thực hiện quyền biểu quyết.

Biểu quyết	Thảo luận
PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 1 - THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH, QUY CHẾ ĐẠI HỘI, ĐOÀN CHỦ TỊCH VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC	Tiến hành
PHIẾU BIỂU QUYẾT SỐ 2 - THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH	Tiến hành

Với các nội dung biểu quyết, Quý Cổ đông click chọn một trong ba phương án:

“**TÁN THÀNH**”, “**KHÔNG TÁN THÀNH**” HOẶC “**KHÔNG CÓ Ý KIẾN**”, sau đó Quý Cổ đông click vào mục:  Hệ thống sẽ ghi nhận và lưu lại kết quả biểu quyết.

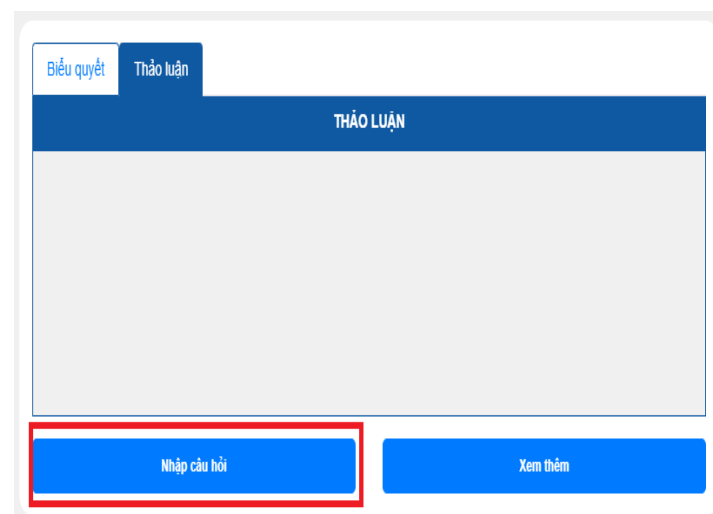
Trường hợp Quý Cổ đông muốn thay đổi các nội dung đã biểu quyết (*chỉ thay đổi được trước khi hết thời hạn biểu quyết do Chủ tọa Đại hội công bố*) thì thực hiện thao tác tương tự như biểu quyết lần đầu. Hệ thống sẽ ghi nhận kết quả cho lần biểu quyết cuối cùng.

III. THẢO LUẬN VÀ GỬI CÂU HỎI TẠI ĐẠI HỘI:

Để gửi câu hỏi cho Đoàn Chủ tịch, Quý Cổ đông click vào mục “**THẢO LUẬN**”, sau đó click vào mục “**NHẬP CÂU HỎI**”. (trước giờ thảo luận). (Các câu hỏi là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp hoặc email do Cổ đông đã đăng ký thông tin với Công Ty)



Sau khi nhập xong câu hỏi, Quý Cổ đông click vào mục “**GỬI Ý KIẾN**” để gửi câu hỏi cho Đoàn Chủ tịch



IV. XEM KẾT QUẢ

Sau khi kết thúc biểu quyết. Quý cổ đông có thể xem kết quả bằng cách ấn vào mục “**XEM KẾT QUẢ**” tại màn hình chính.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) và các quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (HĐQT) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch năm 2024 của HĐQT VIMC như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VIMC NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2023

HĐQT Tổng công ty có 5 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc và 03 thành viên HĐQT, không có sự thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2023.

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế quản lý nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và văn bản pháp luật có liên quan.

HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT, các quy định có liên quan khác của pháp luật và Tổng công ty; thực hiện tốt việc giám sát công tác, điều hành của Ban Tổng giám đốc. HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty nghiêm yết, thực hiện đúng vai trò và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời.

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát VIMC tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý, chỉ đạo trong việc thực hiện các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của HĐQT, mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp cần thiết khác. Các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của VIMC và HĐQT đều được ghi nhận, điều chỉnh thực hiện ngay trong quá trình ban hành các Nghị quyết, Quyết định và triển khai.

* Các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của VIMC

và mời Ban Kiểm soát cùng tham dự họp; thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung họp bao quát, đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, tuân thủ Quy định hiện hành, được các Thành viên HĐQT chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Tổng công ty. Biên bản các cuộc họp của HĐQT đã được lập đầy đủ, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với các quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ của VIMC, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với chiến lược, kế hoạch SXKD đã được thông qua.

Ngoài ra, HĐQT thực hiện việc họp, trao đổi, thảo luận và tham gia các cuộc họp giao ban với Ban điều hành, các cuộc họp/ buổi làm việc với DNTV, chủ trì/ đồng chủ trì một số cuộc họp, hội nghị quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị của VIMC để nắm bắt kịp thời, chỉ đạo linh hoạt, phù hợp.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ 100%. Ngoài các cuộc họp, HĐQT thực hiện lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để thống nhất, ban hành các nghị quyết, quyết định phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Số lượng nghị quyết, quyết định HĐQT ban hành trong năm 2023 là 176 nghị quyết và 107 quyết định.

* Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT:

Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể theo Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT VIMC được ban hành tại Quyết định số 62/QĐ-HHVN ngày 09/02/2021 dựa trên nguyên tắc phát huy thế mạnh của từng thành viên, tạo tính dân chủ và sức mạnh trí tuệ tập thể để hoàn thành trách nhiệm của HĐQT theo quy định một cách hiệu quả nhất. Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện nhiệm vụ, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT phối hợp tốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Tổng công ty, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong tập thể HĐQT đối với quyết định về các mục tiêu, chiến lược, định hướng và nhiệm vụ quan trọng của Tổng công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện kiểm tra, giám sát, đốc thúc Ban Điều hành thực hiện các nội dung, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, cấp trên giao; chủ động trao đổi, thảo luận và nêu ý kiến trong lĩnh vực được phân công.

HĐQT xây dựng chương trình hành động hàng năm. Năm 2023, chương trình hành động HĐQT được ban hành tại Nghị quyết số 11/NQ-HHVN đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT đối với từng khía cạnh mục tiêu. Kết quả năm 2023, các thành viên HĐQT đã hoàn thành hầu hết các nhiệm vụ đề ra. Một số nội dung chưa hoàn thành do nhiều lý do khách quan được chuyển tiếp sang năm tiếp theo để tiếp tục thực hiện.

Cụ thể nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT như sau:

1.1 Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên, Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các đơn vị, bộ phận được giao.

- Phụ trách chung, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT và thay mặt HĐQT giải quyết các công việc quản lý, điều hành hàng ngày theo các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và văn bản pháp luật có liên quan.

- Lĩnh vực phụ trách: Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và giám sát công tác: xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; sắp xếp đổi mới doanh nghiệp; cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; tài chính kế toán; thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, lãng phí; đổi mới sáng tạo; công nghệ thông tin; thông tin và quan hệ cổ đông; phối hợp công tác với Đảng ủy, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty.

1.2 Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác (ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc); hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.

- Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC theo mục tiêu, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT.

1.3 Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến lĩnh vực khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải.

1.4 Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng, ban hành các quy chế quản lý nội bộ; công tác phá sản doanh nghiệp; pháp chế hàng hải; hỗ trợ, giúp việc Chủ tịch HĐQT trong

công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

1.5 Ông Đỗ Hùng Dương - Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ VIMC và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Theo dõi, giám sát hoặc tăng cường chỉ đạo các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến lĩnh vực khai thác vận tải biển.

* Việc triển khai thực hiện các kiến nghị, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán:

Sau khi nhận được Thông báo số 759/TB-KTNN ngày 14/12/2022 của Kiểm toán nhà về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021, VIMC đã ban hành các văn bản để yêu cầu các đơn vị được kiểm toán tổ chức thực hiện và gửi kết quả thực hiện về VIMC. Kết quả đã thực hiện:

- Công ty Mẹ và 11 công ty thuộc đối tượng được kiểm toán đã điều chỉnh sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2021 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

- Đã nộp đầy đủ vào NSNN số tiền phát hiện tăng thêm 56,19 tỷ đồng xong trước ngày 02/3/2023.

- VIMC và các đơn vị đã tổ chức họp kiểm điểm để chấn chỉnh những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý, tài chính, kế toán.

- Ngày 31/3/2023 và ngày 28/12/2023 đã gửi các công văn số 494/HHVN-TCKT và số 2134/HHVN-TCKT đến Kiểm toán nhà nước chuyên ngành VI để báo cáo kết quả thực hiện.

Trong năm 2024, HĐQT VIMC tiếp tục chỉ đạo các DNTV thực hiện tốt công tác quản lý nợ phải thu, quản lý nợ phải trả, quản lý doanh thu chi phí.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao

Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới, trong nước gặp nhiều khó khăn, suy giảm; lạm phát tiếp tục duy trì ở mức cao, nhu cầu tiêu dùng cũng như vận tải hàng hóa suy giảm mạnh. Các cuộc xung đột địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới tiếp tục diễn biến leo thang căng thẳng đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến ngành hàng hải cũng như chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, HĐQT đã bám sát các nội dung Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, xây dựng Chương trình hành động của HĐQT, chỉ đạo quyết liệt với các giải pháp cụ thể, tập trung và đạt được các kết quả, hoạt động như dưới đây:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của VIMC đã giao chỉ tiêu như sau:

- Tổng doanh thu: 2.024 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 310 tỷ đồng.

Kết quả đạt được trong năm 2023 như sau:

- Số liệu Công ty mẹ: Doanh thu đạt 2.067 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 357 tỷ đồng, bằng 115% so với kế hoạch được giao.

- Số liệu Hợp nhất: Doanh thu đạt 13.964 tỷ đồng, bằng 105% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.126 tỷ đồng, bằng 91% kế hoạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của khối cảng biển tiếp tục chịu áp lực cạnh tranh gay gắt, các cảng mới liên tục ra đời kéo theo tình trạng dư cung, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng suy giảm. Sản lượng toàn khối cảng biển giảm so với cùng kỳ và giảm 16% so với kế hoạch năm. Khối vận tải biển năm 2023 có sự sụt giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng từ sự sụt giảm của thị trường. Hoạt động của các đơn vị khối dịch vụ hàng hải tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu chậm lại, doanh thu toàn khối dịch vụ hàng hải chỉ đạt 80% so với kế hoạch năm 2023.

2.2 Công tác đầu tư

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của VIMC đã giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư như sau:

- Tổng vốn đầu tư các dự án năm 2023: 618,9 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp: 263 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới: 355,9 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư tài chính: 247,6 tỷ đồng.

- Thực hiện thoái vốn tại 03 doanh nghiệp có vốn góp, dự kiến tiền thu về khoảng 43 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện năm 2023 như sau:

Công ty mẹ chỉ thực hiện đầu tư tài sản với tổng giá trị khoảng 21,59 tỷ đồng (tương đương 3,49% kế hoạch). Kết quả thực hiện năm 2023 thấp so với kế hoạch chủ yếu do Dự án đầu tư mua tàu và lô vỏ container cho Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) chưa thực hiện, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Dự án đầu tư mua vỏ container) hoặc một số dự án chưa được triển khai thực hiện.

Ở cấp độ toàn VIMC, tổng vốn đầu tư theo kế hoạch năm 2023 là 3.526 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đầu tư toàn VIMC đạt 2.308,8 tỷ đồng (65% kế hoạch). Năm 2023, công tác đầu tư của VIMC đã được đẩy mạnh triển khai, các dự án trọng điểm của VIMC cơ bản đạt được tiến độ theo kế hoạch. Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(1) Dự án Cảng Cần Giờ: liên quan đến nhiều Bộ, Ngành, UBND TP. Hồ Chí Minh; việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam; việc sử dụng đất rừng, ... nên quá trình thẩm định chủ trương đầu tư đến nay chưa hoàn thành.

(2) Dự án Cảng Liên Chiểu: do trong quá trình thực hiện, Chính phủ, UBND Thành phố Đà Nẵng xem xét, điều chỉnh sang phương án đầu tư xây dựng tổng thể các bến tại Khu Liên Chiểu nên các thủ tục thẩm định chưa hoàn thành.

Công tác thoái vốn: Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại Sesco trong tháng 02/2024. Dự kiến tiếp tục thực hiện đấu giá SHC trong Quý II/2024 và tiếp tục thực hiện các thủ tục thoái vốn tại Transvina, Vinabridge.

2.3 Việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của VIMC

Căn cứ Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, VIMC đã xây dựng kế hoạch hành động và triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án. Đồng thời, trong năm 2023, VIMC đã xây dựng, trình ban hành và đã được phê duyệt:

- Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Phê duyệt tại Nghị quyết số 349/NQ-HHVN ngày 18/8/2023 của HĐQT VIMC).

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Phê duyệt tại Nghị quyết số 349/NQ-HHVN ngày 18/8/2023 của HĐQT VIMC).

Để triển khai thực hiện, HĐQT ban hành Nghị quyết số 400/NQ-HHVN ngày 23/10/2023 thông qua Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của VIMC. VIMC đã thành lập Ban Chỉ đạo, các Tổ xây dựng chiến lược, phối hợp với đơn vị tư vấn quốc tế để xây dựng các giải pháp, triển khai Chiến lược phát triển đã được phê duyệt.

2.4 Phân phối lợi nhuận

Thực hiện theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 là Không thực hiện phân phối lợi nhuận do bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước.

2.5 Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho VIMC đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật theo đúng các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.6 Việc thực hiện Quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của HĐQT

Tiền lương, thù lao, phụ cấp và các chi phí hoạt động của HĐQT được thực hiện theo đúng Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023, các quy chế nội bộ của VIMC, trong năm 2023 tổng tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT là 5.885 triệu đồng.

Mức chi cụ thể được công bố tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của VIMC.

3. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành VIMC

3.1 Hình thức và cách thức giám sát

- Hình thức giám sát: HĐQT dự họp với Ban điều hành VIMC để kiểm điểm kết quả thực hiện kinh doanh hàng tháng, quý; thực hiện giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban Kiểm toán nội bộ.

- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành VIMC. Qua kiểm tra, giám sát, HĐQT đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của VIMC, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả, hạn chế các sai sót, rủi ro.

- Việc giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát VIMC được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của VIMC thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết/quyết định của HĐQT. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát thực hiện quản trị theo các chuẩn mực hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông VIMC.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát VIMC với tư cách là giám sát viên đại diện cho cổ đông, HĐQT tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất của Ban Kiểm soát từ đó cân nhắc trong các quyết định quản trị điều hành VIMC.

3.2 Kết quả giám sát

- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao; trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn, đề ra nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường, tìm kiếm việc làm, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Tổng công ty.

- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc VIMC được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ VIMC và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC đảm bảo việc điều hành được thông suốt, đạt hiệu quả cao.

- TGD cũng đồng thời là Thành viên HĐQT, luôn đảm bảo sự giám sát của HĐQT trong hoạt động điều hành Tổng công ty. Tại các phiên họp thường kỳ HĐQT, TGD báo cáo về các mặt hoạt động của Tổng công ty, báo cáo triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT.

- Tổng giám đốc và Ban điều hành chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Tổng công ty; Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ, chỉ đạo tại Nghị quyết của HĐQT; Tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát. Việc sử dụng và quản lý, đầu tư tài sản của VIMC tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định của VIMC.

- Thực hiện đảm bảo các chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Trong năm 2023, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã tập trung mọi nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: Tiếp tục đẩy mạnh văn hóa “Lấy khách hàng làm trung tâm” trên cơ sở “05 tôn chỉ, 06 bước hành động” đảm bảo thực thi nguyên tắc “1 hệ thống, 2 trung tâm, 3 chiến lược” của VIMC; Triển khai cụ thể hóa chương trình hành động năm 2023 của HĐQT VIMC ban hành theo Nghị quyết số 11/NQ-HHVN ngày 19/01/2023 đến các Ban chuyên môn, doanh nghiệp thành viên để thực hiện; Tiếp tục thực hiện rà soát, số hoá toàn bộ hệ thống các quy trình, quy chế của VIMC; triển khai giao chỉ tiêu BSC-KPI và kế hoạch SXKD năm 2023 cho Người đại diện phần vốn/ doanh nghiệp thành viên sau khi được HĐQT phê duyệt; Tiếp tục sắp xếp lại các đơn vị hạch toán phụ thuộc; Tiếp tục rà soát phối hợp với các doanh nghiệp trong xử lý, cơ cấu các khoản nợ vay; Tiếp tục rà soát bám sát, đôn đốc tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm; Tổ chức đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; Cùng doanh nghiệp kiến nghị/đề xuất với Chính phủ, các Bộ Ban ngành nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA HĐQT VIMC

Năm 2024, HĐQT VIMC tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, chủ động thích ứng, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn theo tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ là *"Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững"*. HĐQT đã ban hành Chương trình hành động của HĐQT năm 2024 nhằm mục tiêu tiếp tục thực hiện các nội dung tại Tuyên bố hành động Đại Lãi và thực thi nguyên tắc “1 hệ thống, 2 trung tâm, 3 chiến lược” (Chiến lược 123). Cụ thể như sau:

1. Công tác tài chính

1.1 Giám sát, thúc đẩy hoàn thành các chỉ tiêu năm 2024 được phê duyệt.

1.2 Mở rộng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận xung quanh hoạt động cốt lõi.

1.3 Công tác tái cơ cấu, đổi mới mô hình kinh doanh thực hiện Chiến lược 123.

1.4 Tập trung các dự án đầu tư trọng điểm, các cảng nước sâu.

2. Công tác khách hàng

Chỉ đạo thiết kế marketing chuỗi cho VIMC Lines và hàng nông sản ở cấp độ tổng thể toàn Tổng công ty.

3. Quy trình nội bộ

3.1 Thúc đẩy hoàn thành chuẩn hoá các SOP và giám sát thực thi các SOP đã công bố.

3.2 Tiếp tục chỉ đạo xây dựng hệ thống quản trị, khai thác nguồn lực One System trên nền tảng dữ liệu tập trung và số hoá: Chuẩn hóa các quy trình liên

quan trực tiếp tới khai thác, khách hàng, quản trị nguồn lực (nhân lực và vật lực) theo hướng tinh gọn, linh hoạt, dễ kiểm soát, dễ phân bổ trách nhiệm.

4. Học hỏi phát triển

4.1 Thúc đẩy, triển khai các công cụ của Kaizen trong quản trị tại cấp lãnh đạo các doanh nghiệp thành viên.

4.2 Hoàn thành Kế hoạch chi tiết triển khai chiến lược phát triển 2021-2030, tầm nhìn 2035.

4.3 Triển khai chương trình lãnh đạo tài năng và chuyên gia xuất sắc.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các TV HĐQT;
- Các Ban: TT, KTNB;
- Lưu: VT, TK-TH. HT02

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Sơn

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD,
GIÁM SÁT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát VIMC;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (BKS) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ĐHĐCĐ) về Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của VIMC, hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc VIMC như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 29/9/2006, Tổng công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo

Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/6/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/6/2020, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/8/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/8/2020.

Tổng công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/7/2010. Từ ngày 18/8/2020, Tổng công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Vốn điều lệ tại 31/12/2023: 12.005.880.000.000 đồng, tương đương 1.200.588.000 cổ phần.

Vốn thực góp đến 31/12/2023: 12.005.880.000.000 đồng (Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cổ đông lớn, nắm quyền kiểm soát 99,469% vốn điều lệ).

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Ngày 20/4/2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Đại hội đã ban hành Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 giao HĐQT, BKS Tổng công ty triển khai thi hành.

Hội đồng quản trị VIMC với 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm nhiệm Tổng giám đốc và 04 thành viên chuyên trách, như vậy tính từ đầu nhiệm kỳ 13/8/2020 đến hết năm 2023 không có sự biến động đối với các thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC và các quy định của pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách về việc giám sát hoạt động quản trị của HĐQT, việc tham gia các cuộc họp của HĐQT; rà soát các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, các Quy chế do HĐQT ban hành.

Với quyết tâm đổi mới toàn diện các hoạt động nhằm hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2030 - VIMC vươn lên vị trí số một của ngành hàng hải Việt Nam và ghi dấu ấn trên bản đồ hàng hải quốc tế, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của "Tuyên bố hành động Đại Lải", tiếp tục xây dựng và đổi mới hệ thống quản trị, mô hình phát triển, đảm bảo thực thi Nguyên tắc "1 HỆ THỐNG, 2 TRUNG TÂM, 3 CHIẾN LƯỢC", ngày 19/01/2023, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HHVN về *Chương trình hành động của HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2023* cụ thể hóa các nhiệm vụ, lấy đó làm kim chỉ nam để triển khai chỉ đạo, tổ chức thực hiện xuyên suốt cho cả năm.

Trong năm 2023, HĐQT đã bám sát kế hoạch SXKD năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chỉ đạo Ban điều hành (BDH) thực hiện. Hội đồng quản trị được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực hoạt động. Hội đồng quản trị đã sát sao trong công tác giám sát điều hành của Ban điều hành dựa trên kết quả thực hiện các chỉ tiêu và tiến độ đã được đặt ra tại Nghị quyết số 11/NQ-HHVN, Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023, định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình và đề ra phương hướng cho kỳ tới để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp và nhiều buổi hội ý, làm việc với Ban Điều hành/Người đại diện phần vốn (NDDPV) của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp, Hội đồng quản trị đã nhận 314 tờ trình của Ban điều hành, ban hành 176 Nghị quyết và 107 Quyết định tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến SXKD; tái cơ cấu nợ và nâng cao năng lực tại 02 cảng liên doanh SSIT, CICT; tái cơ cấu Cảng Sài Gòn và CPI gắn liền với các hoạt động khai thác các cảng liên doanh theo định hướng khai thác container và hàng rời; tái cơ cấu và kiểm soát tài chính đối với các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả như VMSC, VIMC Logistics, Vinabridge và thực hiện kiểm soát tình hình hoạt động doanh nghiệp (VIMC Hậu Giang, VIMC Đình Vũ, ...), sắp xếp lại các đơn vị hạch toán phụ thuộc; công tác đầu tư dự án Bến 3, 4 Lạch Huyện tại Cảng Hải Phòng, Bến số 1 Cảng Quy Nhơn, Dự án đầu tư bãi sau cầu 4, 5 Cảng Tiên Sa thuộc Cảng Đà Nẵng, đẩy nhanh thủ tục triển khai các dự án cảng nước sâu tại Cần Giò, Liên Chiểu; hoàn thiện văn bản quy phạm nội bộ; công tác cán bộ; mua sắm, thanh lý tài sản, thi tuyển Phó Tổng giám đốc VIMC, triển khai áp dụng 02 người đại diện theo pháp luật tại các công ty con VIMC, các nội dung đề NDDPV tại các đơn vị có vốn góp biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Thực hiện Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025" và thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, ngày 20/4/2023, Đại hội đồng cổ đông VIMC đã phê duyệt Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-

2025 (tại Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023) và ngày 18/8/2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã phê duyệt và ban hành Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC (tại Nghị quyết số 349/NQ-HHVN ngày 18/8/2023).

Từng thành viên HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT phối hợp tốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Tổng công ty, tạo được sự đồng thuận, thống nhất cao trong tập thể HĐQT đối với quyết định về các chính sách, chiến lược, định hướng và nhiệm vụ quan trọng của Tổng công ty.

III. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát giám sát BDH thông qua việc BDH tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua và Nghị quyết số 11/NQ-HHVN ngày 19/01/2023 của HĐQT. Công tác giám sát BDH được thực hiện thường xuyên cụ thể ở các cuộc họp giao ban, tham gia các cuộc làm việc của BDH với các đơn vị thành viên. Ban điều hành gồm 04 thành viên, trong đó có Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc (ngày 01/11/2023 HĐQT VIMC ban hành Quyết định số 416/QĐ-HHVN bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc phụ trách quản lý, khai thác vận tải biển thông qua thi tuyển công khai). Ngay sau khi có biến động nhân sự, ngày 02/01/2024, Ban điều hành đã kịp thời ban hành Quyết định số 02/QĐ-HHVN về việc phân công nhiệm vụ giữa Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc. Ban điều hành đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT và chỉ đạo các bộ phận liên quan triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời. Luôn tuân thủ sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, các quy định, quy chế nội bộ, Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Trong năm 2023, Ban Điều hành tập trung mọi nguồn lực để thực hiện toàn diện Tuyên bố hành động Đại Lải, triển khai xây dựng đổi mới hệ thống quản trị, mô hình phát triển của Tổng công ty, đảm bảo thực thi Nguyên tắc “1 HỆ THỐNG, 2 TRUNG TÂM, 3 CHIẾN LƯỢC” với sự thúc đẩy của chương trình Kaizen VIMC, áp dụng ở cấp độ doanh nghiệp thành viên (DNTV). Trong đó, xác định các mục tiêu hoạt động bao gồm: đổi mới và tái cơ cấu toàn diện các hoạt động quản trị điều hành, SXKD theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp trên cơ sở lấy khách hàng làm trung tâm và lấy phát triển con người làm trung tâm; Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, chú trọng công tác Marketing, quảng bá hình ảnh của VIMC, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đổi mới phương thức kinh doanh, xây dựng văn hóa lắng nghe, thấu hiểu khách hàng; Phát triển mạnh dịch vụ chuỗi logistics tích hợp trên nền hệ sinh thái Cảng biển, Vận tải biển và Logistics; Triển khai các giải pháp và biện pháp cụ thể để quản trị doanh nghiệp, quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD thông qua việc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong 03 lĩnh vực: Vận tải biển, Cảng biển và Dịch vụ hàng hải, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước, khai thác tối đa nguồn lực.

Trong năm 2023, Ban điều hành tiếp nhận triển khai 176 Nghị quyết của HĐQT, trong đó đã thực hiện 173 Nghị quyết và 03 Nghị quyết đang triển khai xử lý tiếp.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát hiệu quả hoạt động SXKD năm 2023 của Tổng công ty cũng như tại các đơn vị có vốn góp của VIMC, Ban điều hành đã sát sao trong việc hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình phù hợp điều kiện thực tiễn, phân cấp mạnh hơn tạo sự chủ động cho cấp dưới mà vẫn tuân thủ quy định pháp luật, thường xuyên cập nhật, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy phạm nội bộ trình HĐQT, đến 31/12/2023, VIMC có tổng số 77 quy chế, quy định đang có hiệu lực. Trong năm 2023, đã đánh dấu sự đổi mới hơn nữa trong công tác triển khai xây dựng các quy trình (SOP) từ Công ty mẹ xuống đến các DNTV, tại Công ty mẹ kết quả đã ban hành được 15 quy trình (tập trung vào 4 nhóm chính: Kinh doanh và khách hàng; Triển khai hoạt động SXKD cốt lõi; Quản lý và phát triển nguồn lực; Quản lý rủi ro và đảm bảo tuân thủ).

- Tổng giám đốc và BĐH chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật có liên quan, tuân thủ sự chỉ đạo của HĐQT, các quy định, quy chế nội bộ, Điều lệ của Tổng công ty trong công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ kinh doanh của Tổng công ty, BĐH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động SXKD theo đúng các mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của HĐQT. Căn cứ Chương trình hành động năm 2023, BĐH luôn kịp thời đưa ra các biện pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động SXKD, phân công, chỉ đạo triển khai cụ thể hóa kế hoạch hành động đến các Phó Tổng giám đốc và các Ban chuyên môn nghiệp vụ thuộc Tổng công ty. Tuy nhiên, tình hình SXKD chung của cả Tổng công ty năm 2023 mặc dù đã có sự chuẩn bị trước nhưng cũng không tránh khỏi tình trạng suy thoái chung trên toàn cầu, hoạt động SXKD của khối cảng biển chịu áp lực cạnh tranh gay gắt, các cảng mới liên tục ra đời kéo theo tình trạng dư cung, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng suy giảm, khối Vận tải biển năm 2023 cũng sụt giảm nhiều so với cùng kỳ do ảnh hưởng từ sự sụt giảm của thị trường. Hoạt động của các đơn vị khối Dịch vụ hàng hải tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu chậm lại, kết quả SXKD chung của cả tập đoàn năm 2023 có sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: Sản lượng vận tải biển giảm 5%, hàng hoá thông qua cảng giảm 7%, doanh thu giảm 9% và lợi nhuận trước thuế giảm 30%. So với kế hoạch 2023 chỉ tiêu Sản lượng vận tải biển đạt 20,8 triệu tấn tương ứng 117%, hàng hoá thông qua cảng đạt 114,8 triệu tấn tương ứng 85%, doanh thu đạt 13.964 tỷ đồng tương ứng 105% và lợi nhuận trước thuế đạt 2.126 tỷ đồng tương ứng 91%.

- Đảm bảo các chế độ theo quy định Nhà nước, điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và các chế độ khác đối với người lao động.

- Đối với cổ đông: VIMC đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin tới cổ đông cũng như tới đối tác, các đối tượng quan tâm được đầy đủ, kịp thời,

đúng quy định theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản liên quan.

IV. Kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh năm 2023, giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023

1. Kết quả thẩm định Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành VIMC về tình hình và kết quả kinh doanh của VIMC.

Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, tình hình thực hiện kết quả SXKD năm 2023 đạt được như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nội dung	Thực hiện 2022	Năm 2023		So sánh (%)	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2023/ KH2023	TH2023/ TH2022
Sản lượng (triệu tấn)	5,6	4,1	5,62	137%	100%
Tổng doanh thu	2.417,38	2.024,00	2.067,26	102%	86%
- Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	1.839,47	1.534,00	1.468,72	96%	80%
- Doanh thu hoạt động tài chính	547,99	462	546,6	118%	100%
- Thu nhập khác	29,92	28	51,94	186%	174%
Tổng chi phí	1.764,35	1.714,00	1.709,98	100%	97%
Lợi nhuận trước thuế	653,03	310	357,28	115%	55%

Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ chủ yếu từ lĩnh vực vận tải biển, một phần từ hoạt động cho thuê tòa nhà, hoạt động tài chính (cổ tức/lợi nhuận được chia từ các công ty có vốn góp) và một số hoạt động khác.

Cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2023 của Công ty mẹ là 2.067,26 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch, bằng 86% so với cùng kỳ năm ngoái đã giảm 350,12 tỷ đồng. Trong đó:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.468,72 tỷ đồng, giảm 370,75 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do doanh thu hoạt động vận tải biển giảm mạnh (doanh thu vận tải biển năm 2023 đạt 1.278,89 tỷ đồng, đã giảm so với doanh thu vận tải biển năm 2022 là 421,19 tỷ đồng tương ứng giảm 24,77%). Đây là hoạt động chiếm tỷ trọng cao nhất 87,08% trong doanh thu bán

hàng và cung cấp dịch vụ). Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi năm 2023 là 125,48 tỷ đồng, tăng 31,85 tỷ đồng tương ứng tăng 34,02% so với năm ngoái. Doanh thu dịch vụ hàng hải năm 2023 là 12,29 tỷ đồng giảm 20,37 tỷ đồng tương ứng giảm 62,36%.

+ Doanh thu hoạt động tài chính là 546,6 tỷ đồng, đạt 100% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do ảnh hưởng bởi doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia năm 2023 là 417,09 tỷ đồng, giảm 32,69 tỷ đồng tương ứng giảm 7,27%; lãi tiền gửi, tiền cho vay năm 2023 là 93,49 tỷ đồng, tăng 51,49 tỷ đồng tương ứng tăng 122,62%; lãi chênh lệch tỷ giá là 20,84 tỷ đồng giảm 35,02 tỷ đồng, tương ứng giảm 62,7%.

+ Thu nhập khác năm 2023 là 51,94 tỷ đồng, tăng 22,02 tỷ đồng tương ứng tăng 73,6% so với năm trước.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 357,28 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch năm 2023, bằng 55% so với thực hiện năm 2022. Trong đó: hoạt động SXKD của Văn phòng VIMC lãi 341,15 tỷ đồng, Công ty Vận tải biển VIMC lãi 11,47 tỷ đồng, Chi nhánh Hải Phòng lãi 3,12 tỷ đồng, Kho bãi Hải Phòng lãi 1,29 tỷ đồng, Ban QLDA lãi 1,09 tỷ đồng, MMS lãi 0,641 tỷ đồng và Chi nhánh Hồ Chí Minh âm 1,18 tỷ đồng. Kết quả SXKD của Công ty mẹ năm 2023 đã hoàn thành vượt kế hoạch được giao tuy nhiên có giảm mạnh so với năm 2022 do các nguyên nhân khách quan đã phân tích ở trên.

2. Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

2.1 Tình hình thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022

Trong năm 2023, VIMC tuân thủ Nghị quyết không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 của VIMC do còn phải bù đắp lỗ lũy kế của các năm trước, số lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 là âm 217.032.223.045 đồng.

2.2 Kế hoạch bán tàu

Theo kế hoạch bán tàu năm 2023, VIMC đề xuất bán 03 tàu: Green, Glory, Galaxy, tuy nhiên, đến nay việc thực hiện kế hoạch vẫn chưa hoàn thành. Tàu Green và tàu Glory đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục hồ sơ thanh lý, tàu Galaxy chuyển tiếp sang năm 2024 thực hiện.

2.3 Kế hoạch đầu tư

Theo kế hoạch đầu tư năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nguồn vốn cho kế hoạch đầu tư là 618,8 tỷ đồng, gồm giá trị dự án dở dang chuyển tiếp từ năm 2022 sang là 262,995 tỷ đồng, giá trị dự án đầu tư mới là 322,939 tỷ đồng. Trong năm 2023, kết quả thực hiện đầu tư tại Công ty mẹ đạt giá trị khoảng 21,59 tỷ đồng (tương đương 3,49% kế hoạch), trong đó, Dự án đầu tư XDCB giải ngân được 4,476 tỷ đồng tương đương 5,11%, Mua sắm thiết bị giải ngân được 9,631 tỷ đồng tương đương 2,16%, đầu tư CNTT giải ngân được 1 tỷ đồng tương đương 5,99%, dự án khác giải ngân được 6,483 tỷ đồng tương đương 9,4%. Nguyên nhân chính làm tỷ lệ hoàn thành thấp so với kế

hoạch, chủ yếu do Dự án đầu tư 02 mua tàu container và lô vỏ container cho Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) tổng vốn đầu tư 439,357 tỷ đồng chưa thực hiện.

*** Việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn của VIMC:**

Thực hiện Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”; thực hiện chỉ đạo của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, trong năm 2023, Tổng công ty đã xây dựng, trình ban hành và đã được phê duyệt:

- Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Nghị quyết số 349/NQ-HHVN ngày 18/8/2023 của HĐQT VIMC).

- Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Nghị quyết số 349/NQ-HHVN ngày 18/8/2023 của HĐQT VIMC).

- Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023).

*** Công tác đầu tư vốn:**

Tính đến thời điểm 31/12/2023, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đang đầu tư vốn tại 37 công ty với tổng giá trị là 10.102,336 tỷ đồng, bao gồm 19 công ty con với giá trị là 9.681,323 tỷ đồng; 14 công ty liên doanh, liên kết là 403,834 tỷ đồng và 04 công ty đầu tư khác là 17,18 tỷ đồng.

Thực hiện kế hoạch đầu tư, thoái vốn năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, sau khi đủ điều kiện thực hiện theo Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ, VIMC đã đẩy nhanh công tác đầu tư, thoái, giảm vốn tại các doanh nghiệp. Tình hình thực hiện như sau:

a. Công tác thoái vốn: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty tại 03 doanh nghiệp là: Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco), Công ty cổ phần Hàng hải Sài Gòn (SHC), Công ty TNHH Hàng công nghệ cao (Transvina).

- Thoái vốn tại Sesco, SHC: Hoàn thành thẩm định giá trị khoản đầu tư tại 02 doanh nghiệp; phê duyệt phương án chuyển nhượng, hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng tại 02 doanh nghiệp và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp phép chào bán (hoàn thành thoái vốn tại Sesco trong tháng 02/2024 và dự kiến tiếp tục thực hiện đấu giá SHC trong Quý II/2024).

- Thoái vốn tại Transvina: Đã hoàn thiện công tác thẩm định giá xác định giá trị phần vốn đầu tư tại Transvina. Tuy nhiên, công tác thoái vốn tại Transvina chưa thuận lợi nên VIMC điều chỉnh, chuyển tiếp sang năm 2024.

Ngoài ra, trên cơ sở đánh giá sự cần thiết, Tổng công ty đã triển khai sớm công tác thoái vốn tại Vinabridge. Hiện nay, đã hoàn thành công tác thẩm định giá và trình các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương chuyển nhượng vốn tại Vinabridge.

b. Công tác đầu tư, tăng vốn tại các doanh nghiệp thành viên:

- Góp vốn đầu tư thành lập VIMC Lines: Hoàn thành phương án thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC; đã báo cáo các cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định góp vốn. Hiện đang thực hiện các thủ tục thành lập Công ty, VIMC Lines sẽ chính thức đi vào hoạt động trong năm 2024.

- Tăng vốn điều lệ của Cảng Hải Phòng: phối hợp với Cảng Hải Phòng triển khai phương án chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược; thẩm định giá trị tài sản để xác định giá chào bán cổ phần; đàm phán với các đối tác chiến lược để chào bán cổ phần của cảng Hải Phòng như Wanhai, PSA, ...

- Tăng vốn điều lệ của Vinaship, Cảng Cần Thơ: VIMC đã hoàn thành báo cáo các cơ quan có thẩm quyền về phương án tăng vốn điều lệ của Vinaship và chủ trương tăng vốn điều lệ của Cảng Cần Thơ.

*** Công tác thanh lý tài sản:**

Hoàn thành thanh lý tài sản còn lại thuộc Dự án Vân Phong với số tiền thu là 41,5 tỷ đồng, đồng thời đã tiết giảm được chi phí bảo quản, trông coi tài sản và xử lý dứt điểm các tồn tại liên quan đến Dự án Vân Phong đã kéo dài từ lâu.

2.4 Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của VIMC

Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 310/QĐ-HHVN ngày 04/7/2023 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023” của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, theo đó, nhà thầu trúng thầu là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY - là đơn vị soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 cho VIMC. Giá trúng thầu 436 triệu đồng.

2.5 Việc thông qua Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của HĐQT và Ban Kiểm soát VIMC

Quỹ tiền lương chung năm 2023:

Năm 2023, VIMC đã thực hiện chi trả đầy đủ, đúng quy định tiền lương cho người lao động, người quản lý theo đúng Quy chế tiền lương đã ban hành. Căn cứ Văn bản số 684/UBQLV-TCCB ngày 18/4/2023 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023, VIMC đã thực hiện quyết toán quỹ tiền lương năm 2022 và phân bổ quỹ tiền lương kế hoạch 2023 cho Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị phụ thuộc theo các chỉ tiêu SXKD kế hoạch và tiền lương kế hoạch được duyệt tại Văn bản số 1918/HHVN-TCNS ngày 23/11/2023. Hiện VIMC đã xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 trình Ủy ban để phân phối cho người lao động, người quản lý. Cụ thể:

- Tổng lao động tại 31/12/2023 là 856 người, trong đó số người lao động là 845 người và người quản lý là 11 người, đã giảm được 146 người so với số lao động đầu năm 01/01/2023 (là 1.002 người).

- Tổng Quỹ tiền lương, thù lao của VIMC trích vào chi phí năm 2023 là 213.736 triệu đồng, trong đó:

+ Quỹ lương người lao động: 202.690 triệu đồng, bằng 90,25% kế hoạch (số KH là 224.580 triệu đồng)

+ Quỹ lương người Quản lý: 10.833 triệu đồng, bằng 85,9% kế hoạch (số KH là 12.609 triệu đồng)

+ Tiền lương bình quân người lao động là: 19,8 triệu đồng/người/tháng, bằng 104,2% kế hoạch.

+ Tiền lương bình quân người quản lý là: 88,8 triệu đồng/người/tháng, bằng 120% kế hoạch năm (74 triệu đồng/người/tháng), tiền lương bình quân tăng phù hợp với quy định của Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và Điều b, Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2016/NĐ-CP.

Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2023:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGĐ). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương HĐQT, BKS: 8.524.800.000 đồng; tiền lương bình quân: 88.800.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 213.120.000 đồng.

V. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

1. Nhận xét về Báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của VIMC năm 2023 và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, là đơn vị nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2023:

Kiểm toán viên lưu ý:

“Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 12: Tổng công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” (mã số 251) của Bảng Cân đối kế toán riêng với giá trị là 415,46 tỷ đồng. Đây là giá trị mà Tổng công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (Công ty Hợp Thành) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền

sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2023, các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Tại thuyết minh số 35.4: Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.”

Và Ban Kiểm soát cũng thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty năm 2023, như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

- Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất:

Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “1. Tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng - Công ty con Tổng công ty:

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình " (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng. Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã

dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên cảng Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này.

Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên cảng Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên Cảng Chùa Vẽ của Công ty.

Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bên cảng Cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Tổng Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty (đính kèm).

2. Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông - Công ty con Tổng công ty

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu sổ sách của Công ty và thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được liên quan đến khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) của Dự án tàu Container 1730 TEU V22 đang có sự chênh lệch tại thời điểm 01/01/2023 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 54.886.802,34 USD, tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 59.208.393,37 USD. Nguyên nhân là do Công ty đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Các thủ tục kiểm toán khác không thể cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/09/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty. Công

ty áp dụng hướng dẫn của Công văn 751 đối với các khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh từ năm 2017 trở về trước. Từ năm 2018 đến năm 2021, Công ty chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Từ năm 2022 tới nay, Công ty áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/06/2021; công văn số 751/BTC-TCĐN ngày 17/09/2015; công văn số 5883/BTC-TCĐN ngày 08/05/2017; công văn số 1440/BTC-TCĐN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty áp dụng nhất quán quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023, chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 2.104,86 tỷ VND và tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 2.166,26 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu Thu nhập khác (Mã số 31) năm 2022 và năm 2023 tăng lên lần lượt là 444,08 tỷ VND và 61,38 tỷ VND.”

Bên cạnh đó, kiểm toán viên cũng lưu ý người đọc Báo cáo tài chính Hợp nhất một số vấn đề cần nhấn mạnh tại các trang 6 và 7 Mục “Vấn đề cần nhấn mạnh” tại Báo cáo tài chính Hợp nhất. Cụ thể như: (1) phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa tại Công ty mẹ VIMC, (2) VIMC và Nhà đầu tư vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn, (3) Các vấn đề liên quan đến Dự án xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước, (4) liên quan đến tiền thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội chưa có đơn giá thuê đất chính thức tính đến thời điểm CSG ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông. (5) Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I và Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Cui giai đoạn II với ” được triển khai lần lượt từ năm 2002 và 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu 230,3 tỷ đồng và 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Công ty con Tổng Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có đủ điều kiện. (6) Chênh lệch tiền lãi phải trả liên quan Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang giữa số liệu Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang đang theo dõi và số liệu các bên cho vay/ứng vốn lũy kế đến 31/12/2023 là hơn 465 tỷ đồng, ...

Ngoại trừ các vấn đề nêu trên, Ban Kiểm soát cũng thống nhất với ý kiến của Công ty kiểm toán UHY đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty năm 2023: “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày

31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất”.

2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính

2.1. Tại Công ty mẹ

Căn cứ số liệu tại Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2023, Ban Kiểm soát lập bảng tổng hợp sau:

Tình hình Tài sản - Nguồn vốn tại ngày 31/12/2023:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A	Tài sản	13.777,62	13.837,86
I	I. Tài sản ngắn hạn	2.511,36	2.225,46
II	II. Tài sản dài hạn	11.266,26	11.612,40
B	Nguồn vốn	13.777,62	13.837,86
I	I. Nợ phải trả	1.631,49	2.049,02
1	Nợ ngắn hạn	1.469,93	1.907,48
2	Nợ dài hạn	161,56	141,54
II	Vốn chủ sở hữu	12.146,13	11.788,85
1	Vốn góp của chủ sở hữu	12.005,88	12.005,88
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	140,25	(217,03)

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A	Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,60	1,07
2	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,71	1,17
3	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	8,44	6,76
B	Cơ cấu Tài sản, nguồn vốn			
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	18,23	16,08
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	81,77	83,92

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày	Tại ngày
3	Tổng nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	11,84	14,80
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	88,16	85,20
C	Hệ số Nợ			
1	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	13,43	17,37
2	Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	%	11,84	14,80
D	Chỉ số hiệu quả hoạt động			
1	Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS)	%	24,33	35,50
2	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	2,59	4,72
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,94	5,54

Nhận xét:

Các chỉ số tài chính về khả năng thanh toán đều có hệ số lớn hơn 1 và tại thời điểm cuối năm 2023 đã tốt hơn so với số đầu năm, cho ta thấy được tình hình tài chính cũng như dòng tiền của Công ty tốt, đảm bảo khả năng thanh toán kịp thời và an toàn. Cơ cấu tài sản nguồn vốn cân đối và hợp lý hơn so với đầu năm khi Tài sản ngắn hạn tăng và nợ phải trả giảm 20% so với đầu năm. Hệ số nợ trên tổng tài sản đều và vốn chủ sở hữu giảm đến 32,7% so với số đầu năm.

2.2. Tình hình SXKD hợp nhất của VIMC

Kết quả kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Năm 2023		So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH2023/TH2022	TH2023/KH2023
1	Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	21,8	17,8	20,8	95%	117%
2	Sản lượng hàng thông qua cảng	Triệu tấn	124	134,7	114,8	93%	85%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	15.301	13.354	13.964	91%	105%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.053	2.331	2.126	70%	91%

Tình hình Tài sản - Nguồn vốn tại ngày 31/12/2023:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A	Tài sản	27.537,46	26.939,00
I	I. Tài sản ngắn hạn	11.965,38	12.828,48
II	II. Tài sản dài hạn	15.572,09	14.110,52
B	Nguồn vốn	27.537,46	26.939,00
I	I. Nợ phải trả	12.168,96	12.861,96
1	Nợ ngắn hạn	7.417,14	8.330,39
2	Nợ dài hạn	4.751,82	4.531,57
II	Vốn chủ sở hữu	15.368,50	14.077,04
1	Vốn góp của chủ sở hữu	12.005,88	12.005,88
2	Thặng dư vốn cổ phần	10,95	10,95
3	Vốn khác của chủ sở hữu	82,96	89,94
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(3.190,41)	(3.251,79)
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	40,80	18,60
6	Quỹ đầu tư phát triển	2.086,66	1.586,19
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(239,78)	(652,15)
9	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.571,35	4.269,33

- Tổng tài sản của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 27.537,46 tỷ đồng, tăng 598,46 tỷ đồng tương ứng tăng 2,2% so với thời điểm đầu năm. Cơ cấu tài sản như sau:

Tài sản cố định là 15.527,09 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 57,55% tổng tài sản, lớn nhất trong tổng tài sản, đây là các hạng mục tài sản cố định có giá trị lớn như đội tàu, hệ thống bến cảng, kho bãi, phương tiện thiết bị...

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là 5.276,99 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 19,16% tổng tài sản. Đây là Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại của VIMC và các công ty con.

- Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2023 tăng 598,46 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, trong đó: nợ phải trả là 12.168,96 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 44,19% tổng nguồn vốn; vốn chủ sở hữu là 15.368,5 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 56,81% tổng nguồn vốn (vốn góp của chủ sở hữu là 12.005,9 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối là âm 239,78 tỷ đồng đã giảm lỗ lũy kế so với cùng kỳ 412,37 tỷ đồng).

VI. Tình hình thực hiện các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước

Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2021: Năm 2023 VIMC tiếp tục có các văn bản số 494/HHVN-TCKT ngày 31/3/2023 và văn bản số 2134/HHVN-TCKT ngày 28/12/2023 gửi Kiểm toán Nhà nước Chuyên ngành VI báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị tại Thông báo số 759/TB-KTNN ngày 14/12/2022 và các Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước tại 11 đơn vị được kiểm toán về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 cho đến nay. Cụ thể:

1.1 Đối với kiến nghị về điều chỉnh số liệu kế toán và BCTC năm 2021: VIMC và các đơn vị đã hoàn thành việc điều chỉnh sổ sách, lập lại BCTC năm 2021.

1.2 Đối với các kiến nghị về Xử lý tài chính, nộp vào Ngân sách nhà nước 56.194 triệu đồng: VIMC và các đơn vị đã hoàn thành.

1.3 Việc Chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán: công tác sử dụng tiền và tương đương tiền; Công tác quản lý nợ phải thu; Công tác quản lý nợ phải trả; Công tác quản lý sử dụng TSCĐ; Quản lý tiền lương và các khoản trích theo lương; Công tác quản lý doanh thu, chi phí; Thực hiện nghĩa vụ với NSNN; Công tác quản lý mua sắm vật tư, hàng hoá, tài sản, thuê ngoài cung cấp dịch vụ; Công tác quản lý hàng tồn kho; Công tác Quản lý đầu tư tài chính: VIMC đã có các văn bản đôn đốc, thường xuyên giám sát và yêu cầu các công ty có liên quan báo cáo kết quả thực hiện.

1.4 Kiến nghị, xem xét, kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến các tồn tại đã nêu tại báo cáo kiểm toán: Tổng công ty đã thực hiện (theo Biên bản họp ngày 27/3/2023 về kiểm điểm theo Kết luận số 759/TB-KTNN ngày 14/12/2022 và Kết luận số 1133/TB-KTNN ngày 27/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước).

Cho đến thời điểm hiện nay, về cơ bản, Tổng công ty đã thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện Văn bản số 1614/UBQLV-CNHT ngày 07/8/2023 về kết quả rà soát hồ sơ phục vụ công tác lập báo cáo giám sát tài chính năm 2022 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và các đơn vị thành viên, VIMC đã có Văn bản số 1503/BC-HHVN-TCKT ngày 30/8/2023 và Báo cáo số 1756/HHVN-TCKT ngày 30/10/2023 báo cáo Ủy ban, cụ thể:

2.1 Về việc phân phối lợi nhuận của các Công ty con thuộc VIMC: VIMC sẽ chỉ đạo Người đại diện phần vốn của VIMC tại các doanh nghiệp rà soát và biểu quyết phân phối nguồn lợi nhuận còn được phân phối của các đơn vị có liên

quan, cùng với lợi nhuận sau thuế năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024 xem xét đối với các đơn vị đủ điều kiện phân phối theo quy định.

2.2 Về chính sách thương mại của Cảng Hải Phòng: Về chính sách chiết khấu chính sách thưởng đối ngoại của Cảng Hải Phòng VIMC đã có một số kiến nghị với Cảng Hải Phòng và đề nghị Cảng có một số giải pháp nhằm hạn chế tiêu cực xảy ra như: quy định trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc tặng quà, chi thưởng cho khách hàng. VIMC sẽ tiếp tục chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại Cảng Hải Phòng, các lãnh đạo phòng cần có biện pháp kiểm soát sâu hơn nữa như: sau khi giao cho nhân viên các phòng ban chuyên cho khách hàng thì thường xuyên hoặc đột xuất có sự gọi điện hỏi thăm khách hàng kết hợp kiểm tra lại việc chuyển tiền thưởng đảm bảo đã đến đúng khách hàng, có biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm, không chuyển tiền đến khách hàng và đưa các quy định về xử lý vi phạm vào quy chế liên quan.

2.3 Việc triển khai các nội dung chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 3364/VPCPCN ngày 12/5/2023 đối với Đề án di dời bến cảng Hoàng Diệu thuộc cảng biển Hải Phòng: VIMC đang thực hiện.

2.4 Đối với việc rà soát, đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư, góp vốn, bảo lãnh khoản vay, các khoản cho vay để đảm bảo hiệu quả bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại VIMC, cũng như vốn của VIMC đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, tránh gây thất thoát, lãng phí và mất vốn đầu tư:

2.4.1 Các khoản đầu tư, góp vốn ra ngoài doanh nghiệp: Để thực hiện quản lý, giám sát các khoản đầu tư vốn, VIMC đã ban hành Quy chế quản lý và hoạt động của Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp, Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và Quy chế đầu tư và quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Công tác quản lý, giám sát các khoản đầu tư vốn của VIMC được thực hiện thường xuyên, liên tục. Bên cạnh đó, VIMC cũng bám sát Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng VDB để thực hiện cơ cấu nợ tại Ngân hàng VDB ngay sau khi Nghị định sửa đổi Nghị định số 32/2017/NĐ-CP được ban hành. Đối với các khoản nợ tại Ngân hàng thương mại (chủ yếu ở Bisco, Đông Đô và Inlaco Sài Gòn, Vitranschart), VIMC chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành doanh nghiệp trực tiếp làm việc, đàm phán với các Ngân hàng để tái cơ cấu nợ. Hiện tại, VIMC đang triển khai một số các công tác theo Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 đã được ĐHCĐ năm 2023 phê duyệt và Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035 và Kế hoạch SXKD và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty.

2.4.2 Đối với các khoản bảo lãnh, cho vay:

- Đối với các khoản bảo lãnh của VIMC: VIMC đã thực hiện tăng cường các biện pháp giám sát dòng tiền, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp bảo lãnh để đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp tăng trả nợ các khoản vay có nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC, báo cáo Dư nợ vay, bảo lãnh, số tiền thanh toán nợ có

bảo lãnh định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng. Đồng thời, VIMC cũng chỉ đạo, hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện tái cơ cấu nợ để giảm nghĩa vụ bảo lãnh. Như trường hợp bảo lãnh cho Vitranschart vay tại Ngân hàng ACB đã tái cơ cấu nợ xong và xoá được nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC. Các khoản bảo lãnh tàu đóng mới còn lại tại Ngân hàng VDB: VIMC và các doanh nghiệp đang chờ cơ chế xử lý nợ tại Ngân hàng VDB được ban hành để thực hiện cơ cấu nợ, giảm nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC. Trong năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023, nghĩa vụ bảo lãnh của VIMC giảm được 541,0 tỷ đồng. Như vậy, các khoản bảo lãnh của VIMC tại các doanh nghiệp thành viên đã giảm đáng kể so với giai đoạn trước.

- Đối với các khoản VIMC cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn: VIMC đang cho 03 doanh nghiệp thành viên vay vốn là Cảng Cần Thơ, VIMC Hậu Giang và SP-PSA. Đối với các khoản VIMC cho doanh nghiệp thành viên vay vốn, định kỳ, VIMC vẫn thực hiện đối chiếu, đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn. Cụ thể: (i) Đối với Cảng Cần Thơ (phát sinh nợ đến hạn trả): VIMC yêu cầu các doanh nghiệp gửi kế hoạch dòng tiền hàng Quý kèm kế hoạch trả nợ để giám sát việc trả nợ của doanh nghiệp. Cảng Cần Thơ vẫn thực hiện trả nợ VIMC theo các Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng đã ký kết. (ii) Đối với SP-PSA: nguồn cho vay lại từ khoản vay PSA Vietnam; SP-PSA sau khi được tái cấu trúc nợ năm 2021 đã có nguồn trả nợ định kỳ cho các cổ đông. (iii) Đối với VIMC Hậu Giang: hiện chưa đến hạn trả theo Hợp đồng hỗ trợ tài chính đã ký kết giữa các bên, tuy nhiên, định kỳ hai bên vẫn đối chiếu nợ gốc, lãi phát sinh theo đúng quy định. Đối với các khoản cho vay của VIMC, hiện tại, các khoản nợ cho các doanh nghiệp thành viên vay vốn đều đang được VIMC theo dõi, giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo thu hồi cho vay, hiệu quả sử dụng vốn của VIMC.

2.5 Đầu tư vốn tại 03 cảng liên doanh: Tại thời điểm 31/12/2016 khi xác định lại giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty, giá trị vốn đầu tư tại 03 cảng liên doanh là 55,9 tỷ đồng trong đó: giá trị vốn góp tại SSIT là 55,9 tỷ đồng, giá trị vốn góp tại SPPSA và CMIT là 0 đồng. Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị vốn đầu tư của VIMC tại 03 cảng liên doanh là 225,3 tỷ đồng, trong đó: giá trị vốn góp tại SSIT là 55,9 tỷ đồng, giá trị vốn góp tại SP-PSA là 169,4 tỷ đồng, giá trị vốn góp tại CMIT là 0 đồng. Hiện tại, số trích lập dự phòng là 55,3 tỷ đồng (tại SP-PSA), khoản đầu tư tại CMIT và SSIT không phải trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư tại 03 cảng liên doanh, VIMC đã có văn bản số 1485/HHVN-TCKT gửi Người đại diện phần vốn tại Cảng Sài Gòn đề nghị phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Cảng Sài Gòn rà soát, báo cáo các vấn đề theo yêu cầu của Ủy ban.

3. Đối với các kiến nghị tại các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác

VIMC đã chỉ đạo các Ban, các đơn vị thành viên thực hiện các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Cụ thể tình hình thực hiện các kiến nghị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền như sau:

- Bộ Tài chính: Thực hiện Kết luận thanh tra số 1134/KL-TTr ngày 06/12/2019 của Thanh tra Bộ Tài chính về Thanh tra việc chấp hành pháp luật

về tài chính, kế toán và thuế, tiếp theo Văn bản số 406/HHVN-TCKT ngày 28/02/2020, năm 2023 VIMC đã gửi tiếp Văn bản số 1772/HHVN-TCKT ngày 31/10/2023 báo cáo tình hình thực hiện các kiến nghị: 10/12 kiến nghị đã hoàn thành; 02/12 kiến nghị đang triển khai thực hiện, cụ thể: Công tác Quyết toán vốn tại Công ty CP cảng Sài Gòn và Công ty CP Cảng Hải Phòng, Quyết toán 03 tàu đóng mới tại Công ty CP Vận Tải Biển Việt Nam.

- Thanh tra Chính phủ: Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 1420/TTr-P5 ngày 29/11/2023 về việc báo cáo kết quả thực hiện Kết luận Thanh tra số 1566/KL-TTCP ngày 17/9/2018 của Thanh tra Chính phủ về việc cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, Tổng công ty đã có Báo cáo số 174/HHVN-ĐT ngày 04/12/2023 về kết quả thực hiện Kết luận thanh tra số 1566/KL-TTCP ngày 17/9/2018, đến nay, VIMC đã hoàn thành 04/6 kiến nghị và 02/6 kiến nghị đang triển khai thực hiện (ngày 18/01/2024 Cảng Quy Nhơn đã được niêm yết và giao dịch 40,4 triệu cổ phiếu của tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM).

Đối với các kiến nghị đang thực hiện, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục theo dõi, đôn đốc và báo cáo cổ đông tại kỳ ĐHĐCĐ tới.

VII. Đánh giá việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc với Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp cần thiết khác.

- Hầu hết các ý kiến đóng góp kịp thời của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty đều được ghi nhận và được điều chỉnh ngay trong quá trình ra các nghị quyết, quyết định và triển khai thực hiện.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc góp phần tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, tài sản nói chung cũng như tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và quản lý rủi ro trong Tổng công ty.

VIII. Báo cáo về các giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác

Trong năm 2023, Công ty không có phát sinh hợp đồng giao dịch liên quan đến các thành viên HĐQT, TGD và người điều hành khác.

PHẦN II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2024 và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, Ban Kiểm soát xin có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Công tác quyết toán cổ phần hóa: Kính đề nghị Ủy ban sớm phê duyệt quyết toán tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty làm cơ sở thực hiện bàn giao giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần.

2. Hội đồng quản trị VIMC tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả SXKD đối với nhóm các công ty có vốn góp có dấu hiệu mất an toàn tài chính; thực hiện thoái vốn các doanh nghiệp trong kế hoạch vào thời điểm phù hợp thu được hiệu quả cao nhất.

Nhiều đơn vị thuộc VIMC có số nợ phải thu và số dư thuế giá trị gia tăng được khấu trừ lớn, bị chiếm dụng vốn, giảm hiệu quả sử dụng vốn. Đề nghị HĐQT chỉ đạo, thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ hiệu quả, các biện pháp để giảm số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

3. Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành VIMC tiếp tục thực hiện và có báo cáo về tình hình thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Tài chính và tại các kết luận thanh kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS (để t/h);
- Lưu: VT, BKS, TT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lương Đình Minh

Số: 651/BC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN
KIỂM SOÁT NĂM 2023, PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ sửa đổi của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 22/04/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên VIMC năm 2023;

Ban Kiểm soát (“BKS”) Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023

1.1 Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025, gồm 03 thành viên:

- Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Phạm Cao Nhuệ - Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên Ban Kiểm soát

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay nhân sự Ban Kiểm soát không có thay đổi.

1.2 Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 của Ban Kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và kiểm tra hoạt động SXKD của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về kiểm tra, giám sát, BKS luôn đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng như tại các đơn vị thành viên được kiểm tra.

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát có 08 (tám) cuộc họp, định kỳ mỗi quý ít nhất họp một lần đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Ngoài ra BKS cũng đã thường xuyên trao đổi, đánh giá các vấn đề liên quan công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty phục vụ cho mục đích kiểm soát của BKS.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ toàn Tổng Công ty thông qua các báo cáo hàng tháng, quý và cả năm 2023.

- Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, việc chấp hành Điều lệ VIMC, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế, quy định, nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2023.

- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban điều hành Tổng công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc tham dự các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp với Ban điều hành.

- Giám sát việc thực hiện Kiến nghị của đoàn Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến Quản lý, sử dụng Vốn, tài sản Nhà nước năm 2021 tại Tổng công ty Hàng hải Việt Nam của KTTN ngày 14/12/2022. Theo đó, các vấn đề tại Kiến nghị kiểm toán đối với Công ty mẹ và các công ty thành viên đã và vẫn đang được Ban kiểm soát VIMC giám sát.

- Tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung, soát xét hệ thống tài liệu quản trị nội bộ trong Tổng Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và BCTC hợp nhất VIMC năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán UHY nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.

- Thông qua các nội dung, quy trình về đấu thầu lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2023.

- Thông qua hoạt động kiểm tra giám sát, BKS đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, quy định nội bộ, góp phần nâng

cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD trong năm 2023.

Ban Kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC. Duy trì tốt mối quan hệ công tác và phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành. Thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập, cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP.

1.3 Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát

- Với tinh thần trách nhiệm cao, trong quá trình hoạt động, từng thành viên Ban kiểm soát luôn khẳng định năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động kinh doanh chung. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Tổng Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát đã hoạt động tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty.

- Từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, đánh giá các nội dung công việc theo phân công một cách nghiêm túc, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, tinh thần làm việc tập thể, thực hiện công việc một cách khách quan và đạt hiệu quả cao nhất.

- Các thành viên đã chủ động trong công việc, có nhiều ý kiến đóng góp cho HĐQT/ Ban điều hành, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao năm 2023.

1.4 Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023

Lương và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo chế độ của Công ty, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Năm 2023, do cả 03 kiểm soát viên đều làm việc chuyên trách nên không có phát sinh tiền thù lao, tổng tiền lương của các thành viên Ban Kiểm soát VIMC là 2.426,83 triệu đồng.

Các chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện đúng định mức chi theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Tổng Công ty.

2. Phương hướng hoạt động năm 2024

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và nhiệm vụ được giao tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, Ban Kiểm soát lập kế hoạch hoạt động chi tiết cho năm 2024

trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ và kế hoạch năm năm 2021 - 2025.

- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, cả năm của Tổng công ty.

- Giám sát các chỉ tiêu tài chính; Bảo toàn và phát triển vốn; Thực hiện các dự án đầu tư và hiệu quả đầu tư; Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ.

- Kiểm tra việc tuân thủ các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Kiểm tra tình hình thực hiện công tác xây dựng các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Kiểm tra giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và cẩn trọng của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Làm việc với người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của VIMC và Ban kiểm soát các đơn vị này về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác kiểm tra giám sát.

- Giám sát việc thực hiện, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của VIMC, tuân thủ các quy định của pháp luật nhà nước; Tuân thủ các chỉ đạo của Hội đồng quản trị, của Tổng giám đốc.

- Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ Tổng công ty. Đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác giám sát tại công ty.

- Tham gia cùng các đoàn kiểm tra giám sát của Ban KTNB và Ban Điều hành VIMC trong việc kiểm tra giám sát công tác hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên của Tổng công ty (nếu có).

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, đoàn thanh kiểm tra trong việc kiểm tra giám sát công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của các đoàn thanh kiểm tra, kiểm toán tại VIMC (nếu có).

- Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

- Cập nhật chính sách, quy định mới ban hành, tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn.

(Chi tiết Kế hoạch hoạt động năm 2024 kèm theo báo cáo này)

Trên đây là báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động nhiệm vụ của Kiểm soát viên và của Ban Kiểm soát năm 2023, phương hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024. Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS (đề t/h);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lương Đình Minh

TỜ TRÌNH

Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của VIMC đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các nội dung như sau:

1. Về Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của VIMC

Báo cáo tài chính riêng năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Ý kiến kiểm toán viên về Báo cáo tài chính như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính” và “chấp nhận toàn phần của chúng tôi” đối với Báo cáo tài chính.

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 sau kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

A	Bảng Cân đối kế toán	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2022
I	Tổng tài sản	13.777.616.310.724	13.837.863.535.040
1	Tài sản ngắn hạn	2.511.356.461.711	2.225.422.927.550

2	Tài sản dài hạn	11.266.259.849.013	11.612.400.607.490
II	Tổng nguồn vốn	13.777.616.310.724	13.837.863.535.040
1	Nợ phải trả	1.631.485.332.118	2.049.015.758.085
2	Vốn chủ sở hữu	12.126.130.978.606	11.788.847.776.955

B	Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2023	Năm 2022
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.655.450.723	584.867.661.272
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	316.318.324.070	634.063.204.422
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.283.201.651	653.030.672.269
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	357.283.201.651	653.030.672.269

C	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2023	Năm 2022
1	Lợi nhuận trước thuế	357.283.201.651	653.030.672.269
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.929.683.033	441.205.411.041
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	392.017.304.702	(135.077.266.314)
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(66.812.514.027)	(680.184.037.561)
6	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	329.034.473.708	(374.055.892.834)
7	Tiền và tương đương tiền đầu năm	149.475.735.653	524.059.162.487
8	Tiền và tương đương tiền cuối năm	480.875.972.938	149.475.735.653

2. Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của VIMC

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Trong Báo cáo kiểm toán độc lập có nêu:

"1. Tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng - công ty con của Tổng công ty

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04,05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoản thời gian từ năm 2014 đến 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng. Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của

Hội đồng quản trị, Công ty đã dùng trích khấu hao, dùng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này.

Ngày 08/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP/TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04,05 và bãi Container bến Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04,05 và bãi Container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty.

Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04,05 và bãi Container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Tổng công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty”.

2. Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông - công ty con của Tổng công ty

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu sổ sách của Công ty và thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được liên quan đến khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy (“VFC”) của Dự án tàu Container 1730 TEU V22 đang có sự chênh lệch tại thời điểm 01/01/2023 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 54.886.802,34 USD, tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 59.208.393,37 USD. Nguyên nhân là do Công ty đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Các thủ tục kiểm toán khác không thể cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cho các số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

Theo hướng dẫn của Bộ tài chính tại công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty. Công ty áp dụng hướng dẫn của công văn 751 đối với các khoản nợ gốc và lãi vay phải trả

các tổ chức tín dụng phát sinh từ năm 2017 trở về trước. Từ năm 2018 đến năm 2021, Công ty chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ DATC với giá trị khoản gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Từ năm 2022 tới nay, Công ty áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/6/2021, công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/9/2015, công văn số 5883 /BTC-TCDN ngày 08/5/2017, công văn số 1440/BTC-TCDN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty áp dụng nhất quán quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong ghi nhận các khoản này thì trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2023, chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 2.104,86 tỷ VND và tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống 2.166,26 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu Thu nhập khác (Mã số 31) năm 2022 và năm 2023 tăng lên lần lượt là 444,08 tỷ VND và 61,38 tỷ VND”.

Đối với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng: Đây là yếu tố khách quan do phương án xử lý đối với các tài sản cầu số 4, số 5 và bãi container cảng Chùa Vẽ vẫn chưa được các cơ quan quản lý phê duyệt. Tồn tại này được nêu trên Báo cáo tài chính của Công ty kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần (từ ngày 01/7/2014).

Đối với ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông: Công ty kiểm toán không có ý kiến ngoại trừ đối việc hạch toán kế toán của Công ty Biển Đông mà chỉ ngoại trừ đối với việc áp dụng chính sách kế toán chưa nhất quán giữa các năm trong giai đoạn cổ phần hóa, thực hiện phương án tái cơ cấu để chuyển sang công ty cổ phần. Việc hạch toán của Công ty Biển Đông vẫn đảm bảo phù hợp các quy định pháp lý có liên quan.

Tóm tắt một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 sau kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: VND

A	Bảng Cân đối kế toán	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2022
I	Tổng tài sản	27.537.463.616.495	26.938.999.519.068
1	Tài sản ngắn hạn	11.965.376.076.582	12.828.475.575.082
2	Tài sản dài hạn	15.572.087.539.913	14.110.523.943.986
II	Tổng nguồn vốn	27.537.463.616.495	26.938.999.519.068
1	Nợ phải trả	12.168.959.809.699	12.861.957.369.313
2	Vốn chủ sở hữu	15.368.503.806.796	14.077.042.149.755

B	Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2023	Năm 2022
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.403.014.876.794	3.976.259.070.003

2	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	153.835.939.153	173.774.366.661
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.780.363.893.364	2.714.069.380.233
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.126.014.151.227	3.052.664.331.481
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.701.819.140.313	2.537.811.802.991

C	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2023	Năm 2022
1	Lợi nhuận trước thuế	2.126.014.151.227	3.052.664.331.481
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.066.041.757.855	2.609.143.365.124
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.244.736.019.469)	(834.749.046.746)
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(417.919.181.174)	(1.783.966.730.383)
6	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	403.386.557.212	(9.572.412.005)
7	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.384.234.648.554	2.373.919.151.232
8	Tiền và tương đương tiền cuối năm	2.771.448.217.598	2.384.234.648.554

(Xin gửi kèm theo BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 của VIMC đã được kiểm toán).

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT, TKTH, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Sơn

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính – Kế toán
------------------	--------------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh 35.3 – Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Cảnh Tinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Số: 221/2024/UHY- BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 12: Tổng Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty con" (mã số 251) của Bảng Cân đối kế toán riêng với giá trị là 415,46 tỷ đồng. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (Công ty Hợp Thành) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2023, các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Tại thuyết minh số 35.4: Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 100223.005/BCTC.KT5 ngày 10/02/2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.511.356.461.711	2.225.462.927.550
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	480.875.972.938	149.475.735.653
Tiền	111		400.875.972.938	148.475.735.653
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	1.530.400.000.000	1.538.772.575.569
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.530.400.000.000	1.538.772.575.569
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.883.149.312	261.470.954.166
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	127.491.538.729	133.237.428.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	61.405.892.519	83.857.141.754
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	13.216.000.000	9.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	363.047.109.705	322.859.528.197
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(292.705.958.590)	(289.311.711.182)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	1.428.566.949	1.428.566.949
Hàng tồn kho	140	11	153.482.119.491	193.232.596.605
Hàng tồn kho	141		357.936.012.141	467.681.498.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.453.892.650)	(274.448.902.067)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.715.219.970	82.511.065.557
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	7.463.577.609	11.981.300.419
Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.796.496.026	62.048.264.628
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	7.455.146.335	8.481.500.510
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.266.259.849.013	11.612.400.607.490
Các khoản phải thu dài hạn	210		187.599.743.783	171.776.514.856
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	153.331.321.528	153.496.821.528
Phải thu dài hạn khác	216	8	34.304.989.955	18.316.261.028
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(36.567.700)	(36.567.700)
Tài sản cố định	220		1.036.046.199.031	1.320.048.906.877
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.024.624.456.869	1.306.718.087.711
- Nguyên giá	222		6.245.913.260.678	6.216.926.244.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.221.288.803.809)	(4.910.208.157.231)
Tài sản cố định vô hình	227	14	11.421.742.162	13.330.819.166
- Nguyên giá	228		28.181.758.628	27.364.758.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.760.016.466)	(14.033.939.462)
Bất động sản đầu tư	230	15	231.505.088.170	258.190.269.835
- Nguyên giá	231		442.711.786.623	438.664.592.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(211.206.698.453)	(180.474.322.763)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.403.776.017	646.500.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.403.776.017	646.500.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	9.790.818.999.914	9.835.468.105.972
Đầu tư vào công ty con	251		9.681.323.395.201	9.681.323.395.201
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		403.834.081.788	403.834.081.788
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.179.300.748	17.179.300.748
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(311.517.777.823)	(266.868.671.765)
Tài sản dài hạn khác	260		18.886.042.098	26.270.309.950
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	18.886.042.098	26.270.309.950
TỔNG TÀI SẢN	270		13.777.616.310.724	13.837.863.535.040

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.631.485.332.118	2.049.015.758.085
Nợ ngắn hạn	310		1.469.926.809.480	1.907.478.123.389
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	120.657.522.218	195.017.839.232
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	2.936.761.500	18.867.338.392
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	897.628.499	20.106.574.828
Phải trả người lao động	314		64.790.331.601	87.909.512.265
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	23.767.395.200	38.885.262.915
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.203.916.965	307.705.473
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	1.011.976.213.604	1.238.874.336.364
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	240.671.555.973	307.484.070.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.483.920	25.483.920
Nợ dài hạn	330		161.558.522.638	141.537.634.696
Phải trả dài hạn khác	337	21	40.679.522.638	24.074.134.696
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	120.879.000.000	117.463.500.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.146.130.978.606	11.788.847.776.955
Vốn chủ sở hữu	410	23	12.146.130.978.606	11.788.847.776.955
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		140.250.978.606	(217.032.223.045)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(217.032.223.045)	(870.062.895.314)
- LNST chưa phân phối lũy kế năm nay	421b		357.283.201.651	653.030.672.269
TỔNG NGUỒN VỐN	440		13.777.616.310.724	13.837.863.535.040

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.468.719.468.851	1.839.479.188.682
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	13.061.772
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.468.719.468.851	1.839.466.126.910
Giá vốn hàng bán	11	26	1.381.064.018.128	1.254.598.465.638
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.655.450.723	584.867.661.272
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	546.597.897.046	547.995.986.447
Chi phí tài chính	22	28	88.513.606.302	255.842.075.016
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.168.826.790	131.183.269.938
Chi phí bán hàng	25	29	20.757.680.927	15.902.592.343
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	208.663.736.470	227.055.775.938
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		316.318.324.070	634.063.204.422
Thu nhập khác	31	31	51.938.641.658	29.919.295.082
Chi phí khác	32	32	10.973.764.077	10.951.827.235
Lợi nhuận khác	40		40.964.877.581	18.967.467.847
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		357.283.201.651	653.030.672.269
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		357.283.201.651	653.030.672.269

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		357.283.201.651	653.030.672.269
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		344.539.099.272	336.124.229.979
Các khoản dự phòng	03		(21.951.655.951)	103.080.571.430
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.720.689.173)	10.330.687.832
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(510.583.305.368)	(492.647.246.866)
Chi phí lãi vay	06		21.168.826.790	131.183.269.938
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.735.477.221	741.102.184.582
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.584.576.590	(76.752.049.515)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		109.745.486.531	(20.944.051.805)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(91.037.847.971)	(145.464.609.442)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.901.990.662	(9.236.062.779)
Tiền lãi vay đã trả	14		(225.000.000.000)	(47.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.929.683.033	441.205.411.041
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75.680.027.360)	(19.225.106.686)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.431.043.247
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.966.818.482.684)	(1.622.747.205.887)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.954.790.166.684	1.032.556.866.451
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		480.625.648.062	472.907.136.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		392.917.304.702	(135.077.266.314)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.812.514.027)	(680.184.037.561)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.812.514.027)	(680.184.037.561)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		329.034.473.708	(374.055.892.834)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	149.475.735.653	524.059.162.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.365.763.577	(527.534.000)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	480.875.972.938	149.475.735.653

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc




Nguyễn Cảnh Tinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP TRONG KỶ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Do ảnh hưởng của lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia và cuộc xung đột Nga - Ukraine đã và đang làm tăng gánh nặng lên nền kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới khiến cho sức tiêu dùng suy giảm ảnh hưởng lớn đến thị trường vận tải biển quốc tế. Ngoài ra, nguồn cung thị trường tàu rời, tàu container tăng trưởng mạnh mẽ, giá nhiên liệu tiếp tục tăng cao trong kỳ cũng gây ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác đội tàu của Tổng Công ty. Các yếu tố trên là nguyên nhân tác động đến kết quả kinh doanh của năm 2023 dẫn đến lợi nhuận kinh doanh trước thuế của Tổng Công ty năm 2023 chỉ đạt 357 tỷ VND, giảm 45% so với năm 2022 (năm 2022 lãi 653 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

Thông tin về Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh 12 – phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Ngày 29/9/2023 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-HHVN về việc chấm dứt hoạt động Công ty Vận tải biển Container VIMC – Chi nhánh Tổng Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
2	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
3	Công ty Vận tải biển VIMC	Hà Nội	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển
4	Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ hàng hải
5	Công ty Nhân lực VIMC – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	
6	Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	Quản lý dự án

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và được tổng hợp từ báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Đối với các tài sản cố định được ghi nhận tăng trước ngày 31/12/2016, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH (TIẾP)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 – 08
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm	03

3.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước hoặc trong ngày 31/12/2016 (thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa), nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Tổng Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 3.3.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khối ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần, vốn đầu tư của chủ sở hữu được hạch toán điều chỉnh về đúng vốn điều lệ của Công ty cổ phần đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn chủ sở hữu tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vốn điều lệ của công ty cổ phần được Tổng Công ty hạch toán vào chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác để nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.16 GHI NHẬN DOANH THU*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá, lãi thoái vốn tại các công ty cổ phần..., cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

3.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kiểm toán số 28 – Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.319.125.484	3.045.738.729
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	398.556.847.454	145.429.996.924
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	1.000.000.000
	480.875.972.938	149.475.735.653

(*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	34.774.715.693	(792.992.581)	46.202.153.635	(792.907.655)
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	594.804.860	-	2.105.570.376	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	93.020.000	-	725.760.000	-
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	134.890.470	-	134.890.470	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	28.248.778.197	-	34.485.013.594	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	24.089.654	-	3.683.498	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	4.710.287.937	-	7.795.336.659	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	107.061.950	-	113.427.685	-
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	562.351	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	1.285.373	-	13.223.362	-
- Công ty TNHH Honda Logistic Việt Nam	66.942.320	-	2.327.136	-
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	-	-	30.013.200	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashan	792.992.581	(792.992.581)	792.907.655	(792.907.655)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên khác	92.716.823.036	(24.294.872.882)	87.035.274.813	(23.358.822.708)
- Công ty TNHH Hapag - Lloyd	9.178.877.773	-	9.670.557.040	-
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
- Ocean Network Express Pte Ltd	12.766.067.281	-	19.917.076.304	-
- Các khách hàng khác	54.113.609.258	(7.636.604.158)	40.789.372.745	(6.700.553.984)
	127.491.538.729	(25.087.865.463)	133.237.428.448	(24.151.730.363)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (*)	49.239.258.319	(49.239.258.319)	49.239.258.319	(49.239.258.319)
Centurion Bulk Pte Ltd	-	-	8.259.605.152	-
Chengxi Shipyard Co	-	-	10.970.651.180	-
Các đối tượng khác	12.166.634.200	(7.211.839.670)	15.387.627.103	(7.211.839.670)
	61.405.892.519	(56.451.097.989)	83.857.141.754	(56.451.097.989)

(*) Khoản ứng trước vượt quá giá trị quyết toán của Hợp đồng số 01/VNL-BD ngày 22/11/2010 ký giữa Tổng Công ty và Công ty Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng tàu BV-11.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.216.000.000	-	9.400.000.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	6.716.000.000	-	9.400.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (ii)	6.500.000.000	-	-	-
Dài hạn	153.331.321.528	-	153.496.821.528	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (iii)	119.196.000.000	-	115.879.500.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	33.585.321.528	-	37.617.321.528	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	550.000.000	-	-	-
	166.547.321.528	-	162.896.821.528	-
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	166.547.321.528	-	162.896.821.528	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	40.301.321.528	-	47.017.321.528	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	6.500.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	119.196.000.000	-	115.879.500.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	550.000.000	-	-	-

(i) Số dư gốc và lãi vay của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Tổng Công ty trả hộ theo Văn bản thỏa thuận đã ký ngày 30/09/2019 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ, thời hạn trả nợ đến hết năm 2027, lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh lại theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức bình quân lãi suất huy động của 04 Ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản đảm bảo và Quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ với giá trị dự kiến được xác định là 65.726.937.914 đồng.

(ii) Khoản cho vay Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, lãi suất 6%/năm, mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất cho thời gian gia hạn tiền độ sử dụng đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1. Khoản vay không tài sản đảm bảo, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn thu từ việc chuyển nhượng 21ha đất để hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD theo Hợp đồng vay có đóng ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất LIBOR 6 tháng + (0,8-1,6%)/năm, được hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty PSA Việt Nam (bên cho vay).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngân hạn	363.047.109.705	(209.738.428.189)	322.859.528.197	(207.280.315.881)
Tạm ứng	5.401.509.033	-	5.907.485.045	-
Ký cược, ký quỹ	563.376.875	(162.556.875)	568.696.875	-
Có tức, lợi nhuận được chia	78.275.906.975	(77.066.663.975)	80.775.906.975	(75.857.420.975)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	39.009.465.756	-	15.854.174.651	-
Phải thu lãi cho vay	57.156.382.558	(7.733.305.729)	49.257.017.793	(7.753.305.729)
Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi (1)	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	15.042.900.975	-	6.104.009.168	-
Công ty CP Vinalines Nha Trang (2)	106.230.769.573	(101.992.278.014)	103.659.263.483	(99.013.115.846)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	17.334.975.914	(5.601.848.023)	17.322.657.163	(5.589.529.272)
Các khoản phải thu khác	31.221.070.580	(17.181.775.573)	30.599.565.578	(19.066.944.059)
Dài hạn	34.304.989.955	(36.567.700)	18.316.261.028	(36.567.700)
Ký cược, ký quỹ	3.328.702.424	-	3.170.192.785	-
Lãi cho vay	10.884.963.779	-	6.691.298.735	-
Phải thu từ Công ty CP Vận tải biển Việt Nam tiền vật tư tàu (3)	20.054.756.052	-	8.418.201.808	-
Phải thu khác	36.567.700	(36.567.700)	36.567.700	(36.567.700)
	397.352.099.660	(209.774.995.889)	341.175.789.225	(207.316.883.581)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác là các bên liên quan	301.092.098.930	(197.043.158.083)	294.212.184.572	(194.840.288.081)
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	100.600.000	-	131.200.000	-
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	12.810.751.466	-	14.810.751.466	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	180.000.000	-	-	-
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	-	-	-	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	15.255.984.448	(2.211.389.083)	12.856.665.617	(3.000.000.000)
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	48.000.000	-	142.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư Cảng Cái Lân	823.841.637	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	70.726.548.706	(70.704.005.549)	79.153.845.036	(70.704.005.549)
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	174.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	6.660.000.000	(6.600.000.000)	6.635.000.000	(6.600.000.000)
- Công ty CP Vinalines Nha Trang (2)	106.230.769.573	(101.992.278.014)	103.659.260.483	(99.013.115.846)
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam	-	-	488.000.000	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	2.418.486.000	-	2.394.486.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	-	150.000.000	-
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	-	-	-	-
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	7.369.868.635	-	4.819.085.705	-
- Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	3.310.988.907	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đồng Đô	-	-	4.900.000	-
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	6.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông (OSTC)	6.661.648.507	(6.622.648.507)	6.705.648.507	(6.622.648.507)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.590.141.641	-	1.670.808.308	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	49.389.493.496	-	39.830.887.380	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	-	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	-	-	126.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (4)	17.334.975.914	(5.601.848.023)	17.322.657.163	(5.589.529.272)

(1) Đây là khoản thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của Dự án xây dựng bến số 2 – Cảng Ba Ngòi (Giai đoạn 1) mà Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã chuyển giao tài sản cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- (2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang mà Tổng Công ty đã trả hộ gốc vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để đóng tàu Âu Cơ 1; khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng mới tàu Âu Cơ 1 và tàu Hoa Lư, lãi phát sinh tương ứng.
- (3) Phải thu tiền nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư tàu là giá trị lượng vật tư chưa tồn trên tàu theo Hợp đồng cho thuê tàu giữa Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, sẽ được quyết toán khi bàn giao thanh lý Hợp đồng.
- (4) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin bao gồm tiền BHXH, BHYT, BHYT được Tổng Công ty trả hộ và khoản tiền mà Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin nhận nợ từ Quỹ hỗ trợ sáp nhập doanh nghiệp Trung ương được chuyển sang ghi tăng vốn Nhà nước tại Tổng Công ty. Tổng Công ty sẽ thực hiện thu hồi khoản phải thu này thông qua bù trừ với tiền thanh lý tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin đang phản ánh trên chi tiêu “Phải trả ngắn hạn khác”.

9. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị trích lập dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Ngắn hạn	304.621.684.486	(292.705.958.590)	11.915.725.896	293.287.822.833	(289.311.711.182)	3.976.111.651
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	49.239.258.319	(49.239.258.319)	-	49.239.258.319	(49.239.258.319)	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	70.704.005.549	(70.704.005.549)	-	70.704.005.549	(70.704.005.549)	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	104.941.493.917	(101.992.278.014)	2.949.215.903	102.362.939.604	(99.013.115.846)	3.349.823.758
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.622.648.507	(6.622.648.507)	-	6.642.648.507	(6.642.648.507)	-
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-
- Denmar Chartering & Trading Gmbh	16.658.268.724	(16.658.268.724)	-	16.658.268.724	(16.658.268.724)	-
- Các đối tượng khác	49.856.009.470	(40.889.499.477)	8.966.509.993	41.080.702.130	(40.454.414.237)	626.287.893
Dài hạn	36.567.700	(36.567.700)	-	36.567.700	(36.567.700)	-
- Các đối tượng khác	36.567.700	(36.567.700)	-	36.567.700	(36.567.700)	-
	304.658.252.186	(292.742.526.290)	11.915.725.896	293.324.390.533	(289.348.278.882)	3.976.111.651

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Thất thoát dầu Tàu VNL Trader	534.955.789	(534.955.789)	534.955.789	(534.955.789)
- Thất thoát dầu Tàu VNL Ocean	893.611.160	(893.611.160)	893.611.160	(893.611.160)
	1.428.566.949	(1.428.566.949)	1.428.566.949	(1.428.566.949)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	141.797.196.285	-	144.534.011.542	-
- Công cụ, dụng cụ	321.366.323	-	333.303.163	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.850.530.301	-	5.890.158.165	-
- Hàng hóa (*)	210.966.919.232	(204.453.892.650)	316.924.025.802	(274.448.902.067)
	357.936.012.141	(204.453.892.650)	467.681.498.672	(274.448.902.067)

(*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. 02 máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2023, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.453.892.650 đồng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Ngắn hạn	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-	1.538.772.575.569	1.538.772.575.569	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-	1.538.772.575.569	1.538.772.575.569	-
	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-	1.538.772.575.569	1.538.772.575.569	-

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng các Ngân hàng Thương mại.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2023		01/01/2023		Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Giá gốc (i)		Giá gốc (i)				
	VND	%	VND	%			
Dầu tư vào công ty con	9.681.323.395.201	(192.877.799.191)	9.681.323.395.201	(151.456.679.823)			
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	166.306.435.800	-	166.306.435.800	-		51,05%	51,05%
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	59.670.000.000	-	59.670.000.000	-		51,00%	51,00%
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	75.684.000.000	-	75.684.000.000	-		51,00%	51,00%
- Công ty CP VIMC Logistics	47.563.558.000	-	47.563.558.000	-		56,72%	56,72%
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	582.796.641.000	-	582.796.641.000	-		80,90%	80,90%
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-		51,00%	51,00%
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	4.781.733.756.600	-	4.781.733.756.600	-		92,56%	92,56%
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	125.101.000.800	-	125.101.000.800	-		51,00%	51,00%
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	1.132.519.248.000	-	1.132.519.248.000	-		65,45%	65,45%
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	1.435.500.000.000	-	1.435.500.000.000	-		75,00%	75,00%
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	31.459.005.992	(16.608.659.372)	31.459.005.992	(12.324.323.056)		60,00%	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	38.073.259.493	(17.040.247.499)	38.073.259.493	(19.858.271.661)		56,00%	56,00%
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	-	-	-		100,00%	100,00%
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	124.763.766.837	(59.506.818.715)	124.763.766.837	(37.705.562.632)		51,00%	51,00%
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	-	-	-		56,58%	56,58%
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	395.301.093.431	(99.722.073.605)	395.301.093.431	(81.568.522.474)		100,00%	100,00%
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	259.192.479.128	-	259.192.479.128	-		99,01%	99,01%
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	-	-	-	-		91,79%	91,79%
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn (ii)	415.459.150.120	-	415.459.150.120	-		75,01%	75,01%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá gốc (i)		Dự phòng		Giá gốc (i)		Dự phòng	
	VND	%	VND	Tỷ lệ biểu quyết	VND	%	VND	Tỷ lệ biểu quyết
Dầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	403.834.081.788		(117.535.195.342)		403.834.081.788		(114.307.208.652)	
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	35.865.600.000	44,61%	(35.865.600.000)	50,00%	35.865.600.000	44,61%	(35.865.600.000)	47,44%
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	39.266.565.460	50,00%	-	50,00%	39.266.565.460	50,00%	-	50,00%
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG-SSA	55.886.479.724	50,00%	-	50,00%	55.886.479.724	50,00%	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	50,00%	-	50,00%	-	50,00%	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	169.387.500.000	50,00%	(55.327.559.522)	50,00%	169.387.500.000	50,00%	(52.099.572.832)	50,00%
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	-	49,14%	-	49,14%	-	49,14%	-	49,14%
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.131.513.820	49,35%	(3.131.513.820)	49,35%	3.131.513.820	49,35%	(3.131.513.820)	49,35%
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	20.846.179.892	49,00%	-	49,00%	20.846.179.892	49,00%	-	49,00%
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	11.993.146.000	48,97%	(11.993.146.000)	48,97%	11.993.146.000	48,97%	(11.993.146.000)	48,97%
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại Hàng hải	25.344.000.000	33,49%	-	33,49%	25.344.000.000	33,49%	-	33,49%
- Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	-	26,46%	-	26,46%	-	26,46%	-	26,46%
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	30.895.720.892	49,00%	-	49,00%	30.895.720.892	49,00%	-	49,00%
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	7.286.400.000	36,00%	(7.286.400.000)	36,00%	7.286.400.000	36,00%	(7.286.400.000)	36,00%
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	3.930.976.000	49,00%	(3.930.976.000)	49,00%	3.930.976.000	49,00%	(3.930.976.000)	49,00%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc (l)	Dự phòng	Giá gốc (l)	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	17.179.300.748	(1.104.783.290)	17.179.300.748	(1.104.783.290)
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	4.431.254.923	-	4.431.254.923	-
- Công ty CP Dầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	11.643.115.357	-	11.643.115.357	-
- Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	147.178	-	147.178	-
- Công ty Liên doanh Gemasa Corporation	1.104.783.290	(1.104.783.290)	1.104.783.290	(1.104.783.290)
	10.102.336.777.737	(311.517.777.823)	10.102.336.777.737	(266.868.671.765)

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

(ii) Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("QNP") theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Dầu tư và Khoáng sản Hợp Thành ("Hợp Thành"). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn ("QNP"), ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu.

- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2023, các bên vẫn chưa xác định được giá trị (2) lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCD HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ						
01/01/2023	245.659.183.693	40.204.723.882	5.919.223.061.277	11.599.221.090	240.055.000	6.216.926.244.942
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	599.801.024	-	-	-	-	599.801.024
- Mua mới trong kỳ	-	883.954.016	12.182.830.696	235.271.818	-	13.302.056.530
- Tăng do quyết toán giá trị tài sản	-	-	17.698.899.092	-	-	17.698.899.092
- Phân loại sang Bất động sản đầu tư	-	(2.087.840.910)	-	(525.900.000)	-	(2.613.740.910)
31/12/2023	246.258.984.717	39.000.836.988	5.949.104.791.065	11.308.592.908	240.055.000	6.245.913.260.678
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	(124.303.854.898)	(18.859.958.042)	(4.757.027.717.558)	(9.835.946.893)	(180.679.840)	(4.910.208.157.231)
- Khấu hao trong kỳ	(13.701.292.390)	(4.208.421.045)	(294.014.644.817)	(239.825.704)	(30.256.932)	(312.194.440.888)
- Tăng/Giảm khác	-	766.013.948	-	347.780.362	-	1.113.794.310
31/12/2023	(138.005.147.288)	(22.302.365.139)	(5.051.042.362.375)	(9.727.992.235)	(210.936.772)	(5.221.288.803.809)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	121.355.328.795	21.344.765.840	1.162.195.343.719	1.763.274.197	59.375.160	1.306.718.087.711
31/12/2023	108.253.837.429	16.698.471.849	898.062.428.690	1.580.600.673	29.118.228	1.024.624.456.869

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 357.621.120.096 đồng (tại ngày 31/12/2022 là: 321.422.658.480 đồng).

Giá trị còn lại của TSCD hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2023 là: 275.082.500.001 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 331.319.359.620 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, bằng sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	397.725.529	351.898.800	26.615.134.299	27.364.758.628
- Mua trong năm	-	-	817.000.000	817.000.000
31/12/2023	<u>397.725.529</u>	<u>351.898.800</u>	<u>27.432.134.299</u>	<u>28.181.758.628</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2023	(397.725.529)	(351.898.800)	(13.284.315.133)	(14.033.939.462)
- Khấu hao trong kỳ	-	-	(2.726.077.004)	(2.726.077.004)
31/12/2023	<u>(397.725.529)</u>	<u>(351.898.800)</u>	<u>(16.010.392.137)</u>	<u>(16.760.016.466)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	-	-	13.330.819.166	13.330.819.166
31/12/2023	-	-	<u>11.421.742.162</u>	<u>11.421.742.162</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 7.204.664.169 đồng (tại ngày 31/12/2022 là: 6.516.031.069 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2023 <u>VND</u>	Tăng trong năm <u>VND</u>	Giảm trong năm <u>VND</u>	31/12/2023 <u>VND</u>
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	438.664.592.598	4.047.194.025	-	442.711.786.623
- Nhà cửa	438.664.592.598	4.047.194.025	-	442.711.786.623
HAO MÒN LŨY KẾ	(180.474.322.763)	(30.732.375.690)	-	(211.206.698.453)
- Nhà cửa	(180.474.322.763)	(30.732.375.690)	-	(211.206.698.453)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	258.190.269.835	-	(26.685.181.665)	231.505.088.170
- Nhà cửa	258.190.269.835	-	(26.685.181.665)	231.505.088.170

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty phản ánh giá trị tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vimadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.463.577.609	11.981.300.419
- Phí bảo hiểm	6.202.726.141	6.173.371.556
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	30.128.788	4.637.253.193
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	457.792.885	334.378.320
- Các khoản khác	772.929.795	836.297.350
Dài hạn	18.886.042.098	26.270.309.950
- Chi phí thuê đất	16.176.816.435	16.431.169.239
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.171.742.782	9.369.177.123
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	323.823.480	170.087.823
- Chi phí trả trước dài hạn khác	213.659.401	299.875.765
	26.349.619.707	38.251.610.369

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÀN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	25.913.429.807	25.913.429.807	34.550.973.086	34.550.973.086
Công ty CP Cảng Sài Gòn	6.455.987.545	6.455.987.545	5.234.505.070	5.234.505.070
Công ty CP Cảng Hải Phòng	81.474.391	81.474.391	1.486.980.881	1.486.980.881
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	1.820.343.856	1.820.343.856	1.863.655.974	1.863.655.974
Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	34.781.773	34.781.773	-	-
Công ty CP Cảng Cần Thơ	420.829.870	420.829.870	-	-
Công ty CP Cảng VIMC Đinh Vũ	2.009.410.801	2.009.410.801	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	13.600.000	13.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.766.657.933	2.766.657.933	2.424.045.910	2.424.045.910
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	1.739.374.695	1.739.374.695	-	-
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	156.764.859	156.764.859	-	-
Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	9.472.126.452	9.472.126.452	23.528.895.451	23.528.895.451
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	529.416.000	529.416.000	-	-
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	88.128.000	88.128.000	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	60.561.000	60.561.000	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	224.752.000	224.752.000	-	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT)	39.220.632	39.220.632	12.889.800	12.889.800
Phải trả người bán khác	94.744.092.411	94.744.092.411	160.466.866.146	160.466.866.146
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	78.877.193.376	78.877.193.376
Các nhà cung cấp khác	62.676.949.677	62.676.949.677	81.589.672.770	81.589.672.770
Cộng	120.657.522.218	120.657.522.218	195.017.839.232	195.017.839.232

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	555.973.222	6.324.687.787	6.135.133.406	745.527.603
- Thuế thu nhập cá nhân	212.100.587	6.862.828.309	6.922.828.000	152.100.896
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	633.338.800	11.972.810.778	12.606.149.578	-
- Các loại thuế khác	7.000.000	8.657.616	15.657.616	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.698.162.219	7.000.000	18.705.162.219	-
	20.106.574.828	25.175.984.490	44.384.930.819	897.628.499
	01/01/2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu/bù trừ trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	65.980.504	81.791.254	81.791.254	65.980.504
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.111.282.260	-	-	7.111.282.260
- Thuế thu nhập cá nhân	304.237.746	-	26.354.175	277.883.571
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	8.481.500.510	81.791.254	1.108.145.429	7.455.146.335

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lynux Shipping Bulk Pte Ltd.	281.551.622	-
Al Farqad General Trading LLC	-	1.044.740.380
Asean Seas Line Co.,Ltd	-	2.445.042.875
Philfirst Global Marketing Inc	-	9.456.166.250
Glory Shipping Marine Co.,Ltd	-	2.339.897.189
Các đối tượng khác	2.655.209.878	3.581.491.698
	2.936.761.500	18.867.338.392
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	631.281.518	2.222.479.147
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	383.654.800	767.309.600
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	247.626.718	890.486.162
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	-	486.683.385
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	-	78.000.000

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	23.767.395.200	38.885.262.915
- Chi phí sửa chữa tàu	6.506.366.832	33.570.143.631
- Phải trả về sự cố trên tàu	3.659.006.045	2.117.163.155
- Chi phí phải trả khác	13.602.022.323	3.197.956.129
	23.767.395.200	38.885.262.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.011.976.213.604	1.238.874.336.364
Kinh phí công đoàn	3.624.234.861	2.737.924.902
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.320.730.375	4.215.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.007.031.248.368	1.231.921.411.462
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (*)	27.285.346.321	26.541.745.482
- Phải trả tiền lãi vay	969.887.946.555	1.195.959.434.063
- Phải trả tiền thuế TNCN của nhân viên	2.435.874.424	2.256.519.590
- Phải trả, phải nộp khác	7.422.081.068	7.163.712.327
Dài hạn	40.679.522.638	24.074.134.696
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	40.679.522.638	24.074.134.696
	1.052.655.736.242	1.262.948.471.060
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	27.369.346.321	26.770.545.482
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	-	8.000.000
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	-	16.000.000
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	-	26.000.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	15.200.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	8.000.000
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	6.400.000
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	40.000.000
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	60.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	12.000.000	6.000.000
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	12.000.000	12.000.000
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	-	14.200.000
- Công ty CP Vận tải & thuê tàu biển Việt Nam	-	17.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	27.285.346.321	26.541.745.482
Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan	22.054.062.951	9.906.004.145
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	21.285.058.806	9.137.000.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	357.798.600	357.798.600
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	58.416.540	58.416.540
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	105.012.600	105.012.600
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	73.888.200	73.888.200
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	42.864.000	42.864.000
- Công ty Cổ phần phát triển Hàng hải	131.024.205	131.024.205

(*) Là khoản tiền thu được từ bán thanh lý các tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin trước đây với giá trị là 1.074.714,26 USD được chuyển về các tài khoản ngân hàng của Tổng Công ty nhằm mục đích thanh toán các khoản nợ mà Tổng Công ty đã đứng ra trả hộ. Khi được giải ngân từng phần, Tổng Công ty sẽ thực hiện bù trừ tiền thanh lý tàu nên trên với công nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (được trình bày tại chỉ tiêu “Phải thu khác” – Thuyết minh số 8).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	240.671.555.973	240.671.555.973	-	66.812.514.027	-	307.484.070.000	307.484.070.000	
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>240.671.555.973</i>	<i>240.671.555.973</i>	-	-	-	<i>307.484.070.000</i>	<i>307.484.070.000</i>	
- Ngân hàng phát triển Việt Nam (1)	240.671.555.973	240.671.555.973	-	66.812.514.027	-	307.484.070.000	307.484.070.000	
Vay dài hạn	120.879.000.000	120.879.000.000	-	-	3.415.500.000	117.463.500.000	117.463.500.000	
- PSA Viet Nam Pte.,Ltd (2)	120.879.000.000	120.879.000.000	-	-	3.415.500.000	117.463.500.000	117.463.500.000	
	361.550.555.973	361.550.555.973	-	66.812.514.027	3.415.500.000	424.947.570.000	424.947.570.000	

(1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án đóng tàu. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng. Toàn bộ các hợp đồng vay này đều đã được cơ cấu lại nợ gốc.

(2) Khoản vay PSA Viet Nam để cho Liên danh SP-PSA vay lại theo hợp đồng vay có đồng ngày 26/08/2008, tổng giá trị khoản vay của các cổ đông cho Liên danh SP-PSA vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD, trong đó tỷ lệ cổ phần đối với Tổng Công ty là 15% tương ứng số gốc vay 4.950.000 USD. Mục đích vay của Liên danh chi được áp dụng cho các chi phí dự án. Lãi suất áp dụng được tính căn cứ lãi suất Libor. Căn cứ theo hợp đồng phụ, toàn bộ các khoản nợ mà Liên danh và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Liên danh hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đồng ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn có đồng thì toàn bộ cổ tức và các khoản phân chia khác (nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2022	12.005.880.000.000	(870.062.895.314)	11.135.817.104.686
- Lãi trong năm		653.030.672.269	653.030.672.269
31/12/2022	12.005.880.000.000	(217.032.223.045)	11.788.847.776.955
01/01/2023	12.005.880.000.000	(217.032.223.045)	11.788.847.776.955
- Lãi trong năm	-	357.283.201.651	357.283.201.651
31/12/2023	12.005.880.000.000	140.250.978.606	12.146.130.978.606

23.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	12.005.880.000.000	100,00%	12.005.880.000.000	100,00%

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	22.017.721.772	22.017.721.772
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Toàn Cầu	3.846.155.590	3.846.155.590
Công ty TNHH Thương mại vận tải Dương Hoàng Thịnh	2.940.349.810	2.940.349.810
DNTN thương mại dịch vụ Nhật An	1.393.800.000	1.393.800.000
Bạch Việt Phương	2.548.102.000	2.548.102.000
Các đối tượng khác	11.289.314.372	11.289.314.372
Ngoại tệ các loại		
USD	15.258.265,76	1.500.008,20
EUR	-	0,98

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	42.231.372.024	4.062.244.327
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.426.488.096.827	1.835.416.944.355
+ Doanh thu vận tải	1.278.891.273.808	1.700.087.599.986
+ Doanh thu dịch vụ hàng hải	12.295.883.141	32.667.459.419
+ Dịch vụ khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	125.481.121.372	93.629.854.994
+ Dịch vụ khác	9.819.818.506	9.032.029.956
	1.468.719.468.851	1.839.479.188.682

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.875.720.597	3.930.591.419
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.340.633.995.681	1.266.165.625.723
- Giá vốn dịch vụ vận tải	1.228.037.345.058	1.162.379.507.776
- Giá vốn dịch vụ hàng hải	11.770.917.719	33.406.862.350
- Giá vốn khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	93.367.787.659	66.049.861.287
- Giá vốn dịch vụ khác	7.457.945.245	4.329.394.310
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.445.698.150)	(15.497.751.504)
	1.381.064.018.128	1.254.598.465.638

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.489.969.278	41.995.057.811
Cổ tức, lợi nhuận được chia	417.093.336.090	449.789.833.920
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	20.835.410.024	55.851.738.174
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	14.655.408.246	17.784.202
Các doanh thu tài chính khác	523.773.408	341.572.340
	546.597.897.046	547.995.986.447

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	21.168.826.790	131.183.269.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kì	21.134.257.031	18.634.146.451
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kì	934.719.073	10.348.472.934
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	44.649.106.058	94.335.577.986
Chi phí hoạt động tài chính khác	626.697.350	1.340.607.707
	88.513.606.302	255.842.075.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***29. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.251.521.655	12.626.394.667
Chi phí khác bằng tiền	4.506.159.272	3.276.197.676
	20.757.680.927	15.902.592.343

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.269.059.900	1.450.920.966
Chi phí nhân công	128.385.933.095	128.901.909.368
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.842.368.046	1.847.593.398
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	12.493.690.400	14.432.418.687
Thuế, phí và lệ phí	8.471.009.330	8.175.693.220
Chi phí dự phòng	3.394.247.409	24.244.007.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.972.286.262	17.428.907.156
Chi phí bằng tiền khác	35.835.142.028	30.574.325.394
	208.663.736.470	227.055.775.938

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	305.503.840	862.355.135
Tiền phạt thu được	758.154.546	480.280.217
Tiền thuê đất được giảm	2.421.851.700	1.295.136.216
Thù lao từ đại diện vốn góp	7.226.040.914	6.423.864.419
Thu từ phí đào tạo nhân sự và tiếp xúc thị trường	5.474.248.812	13.578.205.303
Thu nhập từ bồi thường	3.313.610.457	-
Thu nhập từ miễn giảm lãi vay	27.647.524.728	-
Các khoản khác	4.791.706.661	7.279.453.792
	51.938.641.658	29.919.295.082

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi thù lao người đại diện vốn không chuyên trách	7.338.691.429	7.324.882.920
Chi tài trợ ủng hộ	2.610.000.000	2.435.000.000
Chi đền bù vỏ container	684.909.091	
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	165.530.940	2.860.020
Các khoản khác	174.632.617	1.189.084.295
	10.973.764.077	10.951.827.235

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.283.201.651	653.030.672.269
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.065.234.426	462.984.975
- Khấu hao TSCĐ là xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ	155.793.072	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.271.223.187	-
- Các khoản tiền phạt và chi phí không được trừ	2.638.218.167	462.984.975
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	417.093.336.090	449.789.833.920
- Cổ tức lợi nhuận được chia	417.093.336.090	449.789.833.920
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(55.744.900.013)	203.703.823.324
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(203.703.823.324)
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	331.714.303.348	268.701.197.621
Chi phí nhân công	265.330.328.302	282.617.869.337
Chi phí công cụ dụng cụ	2.771.218.237	3.380.244.722
Chi phí vận chuyển	-	
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	344.539.099.272	336.124.229.979
Thuế, phí và lệ phí	8.464.285.193	13.822.420.464
Chi phí dự phòng	1.937.638.706	39.741.759.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.832.066.329	532.560.198.408
Chi phí khác bằng tiền	80.290.356.746	49.613.944.516
	1.572.879.296.133	1.526.561.864.300

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	71.836.562	4.625.008.929
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	190.545.455	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	13.123.431.662	22.870.065.600
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	1.434.574.382	619.066.800
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	4.547.359.090	3.625.702.636
- Công ty CP Cảng VIMC	Công ty con	1.672.790.041	7.200.000
Đình Vũ			
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	176.633.922.946	110.102.541.084
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	1.766.926.290	1.137.635.364
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	Công ty con	45.890.589	47.925.083
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	1.430.306.537	1.202.417.975
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam	Công ty con	460.608.575	469.464.196
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Công ty con	7.717.723.382	17.394.142.893
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Công ty con	340.627.102	335.848.649
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	11.657.073.166	28.437.452.746
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	3.438.465.741	3.296.475.944
- Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty con	-	8.953.196.374
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	264.450.723	5.953.153.580
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	166.998.948	166.708.078
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	496.219.491	475.784.343
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	Công ty liên kết	1.920.193.522	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Công ty con	-	619.561.271
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Công ty nhận đầu tư của TCT	442.581.830	2.009.489.594
		227.822.526.034	212.348.841.139

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác từ bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	4.689.697.875	4.625.008.929
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty con	748.946.943	8.953.196.374
		5.438.644.818	13.578.205.303
Mua hàng với bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	14.096.323.812	6.275.065.239
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	2.596.838.408	11.980.731.036
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	10.298.894.664	4.504.134.486
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	15.088.435	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	1.949.279.445	412.876.926
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	586.846.826	1.625.192.607
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	9.740.462.856	6.375.998.946
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty con	570.667.803	-
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	1.211.743.707	10.712.450.297
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	544.993.116	544.993.116
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con	-	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt nam	Công ty con	273.855.933	-
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	4.660.375.747	-
- Công ty CP VIMC Logistic	Công ty con	-	259.739.796
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	8.975.233.330	-
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	-	-
- Công ty CP Cảng Vinalines Đình Vũ	Công ty liên kết	6.728.995.409	-
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	Công ty liên kết	31.500.000	622.603.200
- Công ty CP Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	27.200.000	-
		62.308.299.491	43.313.785.649

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi cho vay bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	2.520.840.360	2.355.672.619
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	331.499.999	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết	8.300.547.775	3.589.099.418
		11.152.888.134	5.944.772.037
Thu nhập từ cổ tức với bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	10.902.658.250	23.787.618.000
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	84.938.943.600	84.938.943.600
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	121.056.550.800	121.056.550.800
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	111.375.000.000	111.375.000.000
- Công ty CP Phát triển Hàng	Công ty con	4.590.000.000	3.672.000.000
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	6.255.050.040	6.035.574.600
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	17.992.095.000	17.992.095.000
- Công ty CP VIMC Logistics	Công ty con	-	2.418.486.000
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Công ty con	36.374.714.400	60.624.524.000
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	7.063.056.000	6.527.440.920
- Công ty LD Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	4.000.000.000	5.500.000.000
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	3.975.468.000	2.981.601.000
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Công ty liên kết	3.456.000.000	2.898.000.000
- Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	Công ty liên kết	4.895.100.000	-
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Đầu tư khác	218.700.000	-
		417.093.336.090	449.807.833.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.305.463.296	1.005.848.804
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.435.076.670	1.030.641.601
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.090.282.922	1.010.112.498
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.036.082.291	1.001.472.516
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.018.900.419	963.648.452
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	987.087.356	967.696.527
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.010.387.356	1.137.808.127
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/11/2023)	72.512.320	-
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	999.717.917	1.051.723.581
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên	745.057.792	893.825.454
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên	682.057.792	731.601.389

35.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- (1) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê văn phòng từ ngày 15/06/1998 đến 25/06/2048. Diện tích khu đất thuê là 6.851,0 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- (2) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 163 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê từ 19/06/2002 đến 19/06/2052. Diện tích khu đất thuê là 330,0 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT (TIẾP)**

(3) Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Mục đích	Hình thức thuê đất	Thời hạn thuê đất
1	Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	161.745,0	Trung tâm trung chuyển hàng hóa	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	40 năm (từ 24/02/2004 đến 24/01/2044)
2	Số 282 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	8.310,1	Kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	50 năm (từ 25/07/1994 đến 25/07/2044)
3	11B Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	112,0	Văn phòng làm việc	Thuê đất, trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê	50 năm (từ 15/10/1993 đến 15/10/2043)
Tổng cộng		170.176,1			

35.3 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 08/01/2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua Nghị quyết số 07/NQ-HHVN về việc phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) tại Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabridge) – Công ty con của Tổng Công ty với nội dung chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Tổng Công ty đang sở hữu tại Vinabridge, tỷ lệ nắm giữ sau chuyển nhượng là 0%.

Ngày 02/02/2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua Quyết định số 40/QĐ-HHVN về việc phê duyệt đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) với các nội dung: Giá trị vốn góp 1.014.550.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 99,956% vốn điều lệ của VIMC Lines, hình thức góp vốn bằng tiền và tài sản, thời điểm góp vốn: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày VIMC Lines được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngày 07/02/2024, Tổng Công ty đã thông báo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco) – Công ty liên kết của Tổng Công ty theo Thông báo số 209/TB-HHVN ngày 07/02/2024. Theo đó, toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Sesco đã được chuyển nhượng cho 02 nhà đầu tư trong nước, tỷ lệ nắm giữ sau chuyển nhượng là 0%.

35.4 THÔNG TIN KHÁC

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và điều chỉnh hồi tố thông tin liên quan đến khoản lợi nhuận được chia trong giai đoạn trước ngày Tổng Công ty cổ phần hóa từ Công ty TNHH Vận chuyển hàng công nghệ cao – Công ty con của Tổng Công ty, chi tiết các thông tin ảnh hưởng như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Trước điều chỉnh VND	01/01/2023	
			Số điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.224.622.927.550	840.000.000	2.225.462.927.550
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	260.630.954.166	840.000.000	261.470.954.166
Phải thu ngắn hạn khác	136	322.019.528.197	840.000.000	322.859.528.197
TỔNG TÀI SẢN	270	13.837.023.535.040	840.000.000	13.837.863.535.040
NỢ PHẢI TRẢ	300	2.048.175.758.085	840.000.000	2.049.015.758.085
Nợ ngắn hạn	310	1.906.638.123.389	840.000.000	1.907.478.123.389
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.266.574.828	840.000.000	20.106.574.828
TỔNG NGUỒN VỐN	440	13.837.023.535.040	840.000.000	13.837.863.535.040

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	08 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14 - 67

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/11/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Cảnh Tinh - Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính – Kế toán
------------------	--------------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được Thuyết minh tại Thuyết minh số 37.4 – Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Cảnh Tinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 08 đến trang 67, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng – Công ty con Tổng Công ty

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang ghi nhận tại chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" (mã số 221) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ với tổng nguyên giá là 279,7 tỷ đồng, giá trị còn lại là 150,47 tỷ đồng. Nguồn vốn hình thành nên các tài sản này được ghi nhận tại chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" (mã số 338) trên Bảng Cân đối kế toán với giá trị tương ứng là 342,1 tỷ đồng. Đây là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II do Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư, sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản và vốn đối ứng của Chính phủ. Theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Công ty đã tạm nộp vào Ngân sách nhà nước một số khoản có liên quan đến dự án nêu trên, bao gồm: khấu hao của các tài sản thuộc cầu cảng 04, 05 và bãi container Cảng Chùa Vẽ trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến ngày 31/12/2018 là 44,8 tỷ đồng, chi phí lãi vay ODA Nhật Bản tạm trích trước là 149,3 tỷ đồng. Thực hiện theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã dừng trích khấu hao, dừng ghi nhận chi phí lãi vay kể từ ngày 01/01/2020 đối với các tài sản thuộc cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ để chờ được phê duyệt phương án quản lý chính thức đối với các tài sản này.

Ngày 8/6/2023, Công ty đã có văn bản số 1674/CHP-TCKT báo cáo Bộ Giao thông vận tải đề xuất phương án tiếp tục giao Cảng Hải Phòng được quản lý, khai thác các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ theo nội dung tại văn bản số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chưa có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước đối với hình thức quản lý các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến Cảng Chùa Vẽ của Công ty.

Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định các chi phí liên quan đến việc sử dụng các cầu cảng số 04, 05 và bãi container bến cảng Cảng Chùa Vẽ của Công ty từ năm 2020 đến năm 2023.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Cơ quan Quản lý về phương án vay, trả nợ, Tổng Công ty sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của toàn bộ các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty (đính kèm).

2. Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông – Công ty con Tổng Công ty

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu sổ sách của Công ty và thư xác nhận độc lập mà chúng tôi nhận được liên quan đến khoản vay và chi phí lãi vay phải trả Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") của Dự án tàu Container 1730 TEU V22 đang có sự chênh lệch tại thời điểm 01/01/2023 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 54.886.802,34 USD, tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 28.667.314,77 USD và 59.208.393,37 USD. Nguyên nhân là do Công ty đã thực hiện chuyển nợ gốc và lãi vay phải trả VFC sang cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng ("Bạch Đằng") theo biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 với Bạch Đằng. Các thủ tục kiểm toán khác không thể cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp cho số dư tại thời điểm đầu năm, số liệu phát sinh trong năm và số dư cuối năm của các khoản vay và chi phí lãi vay phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các chỉ tiêu này và các ảnh hưởng nếu có đến Báo cáo tài chính kèm theo hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCĐN ngày 17/09/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận tăng giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty. Công ty áp dụng hướng dẫn của Công văn 751 đối với các khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh từ năm 2017 trở về trước. Từ năm 2018 đến năm 2021, Công ty chuyển sang áp dụng các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, theo đó khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Từ năm 2022 tới nay, Công ty áp dụng hướng dẫn của Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/06/2021; công văn số 751/BTC-TCĐN ngày 17/09/2015; công văn số 5883/BTC-TCĐN ngày 08/05/2017; công văn số 1440/BTC-TCĐN ngày 08/02/2021 của Bộ Tài chính. Nếu Công ty áp dụng nhất quán quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong việc ghi nhận các khoản này thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2023, chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 2.104,86 tỷ VND và tại ngày 31/12/2023, chỉ tiêu Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ tăng lên một khoản 2.166,26 tỷ VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu Thu nhập khác (Mã số 31) năm 2022 và năm 2023 tăng lên lần lượt là 444,08 tỷ VND và 61,38 tỷ VND.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất các nội dung sau:

- Như đã nêu tại Thuyết minh số 37.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

- Tại thuyết minh số 1.6: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh giá trị khoản đầu tư vào Công ty con này là 415,46 tỷ VND. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Nhà đầu tư”) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2023, Tổng Công ty và Nhà đầu tư vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Tại thuyết minh 2.1: Các báo cáo tài chính của một số Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này. Các báo cáo tài chính của các đơn vị này đang được lập và trình bày trên giả định hoạt động liên tục.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

- Liên quan đến Dự án xây dựng Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước:

+ Tại thuyết minh số 22(4) và 22(5): Công ty CP Cảng Sài Gòn đã tiếp nhận tiền ứng vốn từ Ngân sách Nhà nước và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Công ty CP Cảng Sài Gòn. Đến thời điểm hiện tại dự án này vẫn đang tiếp tục triển khai thực hiện.

+ Tại Thuyết minh số 19: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Công ty con của Tổng Công ty đã tạm tính các chi phí phải nộp liên quan đến tiền thuê đất tại Khu vực Cảng Nhà Rong - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông ("Ngọc Viễn Đông") (chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rong - Khánh Hội theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh). Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế về cơ sở tính tiền thuê đất và thuế đất phải nộp.

- Tại thuyết minh số 19: Công ty đã tạm nộp về tiền thuê đất và thuế đất theo thông báo của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về cơ sở của việc phải nộp số tiền thuê đất bổ sung.

- Tại Thuyết minh số 17: "Dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I" được triển khai từ năm 2002 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu 230,3 tỷ đồng; "Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Cui giai đoạn II" được triển khai từ năm 2009 với tổng mức đầu tư theo dự toán ban đầu là 829,8 tỷ đồng. Việc đầu tư 02 dự án đã kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu và hiện vẫn chưa hoàn thành. Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Công ty con Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai đầu tư để hoàn thành đưa các hạng mục dự án để sử dụng cho hoạt động kinh doanh.

- Tại thuyết minh 22(2) và 24(1), đến thời điểm hiện tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Liên quan đến nguồn vốn dùng để đầu tư dự án này, Công ty đang thực hiện ghi nhận lãi suất tái cơ cấu căn cứ Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. Tuy nhiên các bên cho vay/ứng vốn: Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC), Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) chưa thực hiện cơ cấu nợ theo nghị quyết nêu trên. Chênh lệch tiền lãi phải trả giữa số liệu Công ty đang theo dõi và số liệu các bên cho vay/ứng vốn lũy kế đến 31/12/2023 là hơn 465 tỷ đồng (đến 31/12/2022 là hơn 433 tỷ đồng).

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 040323/BCTC.KT5 ngày 04/03/2023 với ý kiến ngoại trừ liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.965.376.076.582	12.828.475.575.082
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.771.448.217.598	2.384.234.648.554
Tiền	111		1.522.178.429.592	1.510.559.243.549
Các khoản tương đương tiền	112		1.249.269.788.006	873.675.405.005
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.276.990.271.626	6.399.790.495.268
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11	5.276.990.271.626	6.399.790.495.268
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.735.069.537.601	2.945.271.206.779
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.503.172.355.537	1.886.696.734.187
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	723.652.104.304	768.289.825.134
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	65.212.000.000	1.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	784.983.811.557	758.108.314.766
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(346.213.562.598)	(471.002.264.108)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.262.828.801	1.778.596.800
Hàng tồn kho	140	10	493.411.636.746	591.366.541.579
Hàng tồn kho	141		697.865.529.396	865.815.443.646
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.453.892.650)	(274.448.902.067)
Tài sản ngắn hạn khác	150		688.456.413.011	507.812.682.902
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	88.853.920.088	64.068.198.873
Thuế GTGT được khấu trừ	152		438.142.458.714	299.739.656.118
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	161.460.034.209	144.004.827.911

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.572.087.539.913	14.110.523.943.986
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.123.241.189.041	614.527.131.885
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	102.843.157.875	90.097.201.044
Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	24.653.398.581	24.653.398.581
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	883.211.680.000	365.787.180.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	112.569.520.285	134.025.919.960
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(36.567.700)	(36.567.700)
Tài sản cố định	220		9.019.043.281.010	9.498.926.039.541
Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.296.680.031.903	8.763.795.905.237
- Nguyên giá	222		31.225.381.315.244	31.096.611.392.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.928.701.283.341)	(22.332.815.487.489)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	48.144.234.401	51.058.756.289
- Nguyên giá	225		58.290.437.844	58.290.437.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.146.203.443)	(7.231.681.555)
Tài sản cố định vô hình	227	14	674.219.014.706	684.071.378.015
- Nguyên giá	228		929.988.480.979	917.341.930.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(255.769.466.273)	(233.270.552.962)
Bất động sản đầu tư	230	15	456.095.448.921	493.684.119.050
- Nguyên giá	231		799.763.848.418	795.716.654.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(343.668.399.497)	(302.032.535.343)
Tài sản dở dang dài hạn	240	17	2.514.612.161.897	1.012.392.553.088
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		38.937.789.457	38.767.126.456
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.475.674.372.440	973.625.426.632
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.029.159.377.540	1.940.715.358.546
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	1.641.806.308.629	1.544.608.361.131
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	11	411.417.655.941	420.851.466.281
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(24.064.587.030)	(24.744.468.866)
Tài sản dài hạn khác	260		429.936.081.504	550.278.741.876
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	400.626.923.848	519.796.174.138
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.309.157.656	30.427.163.738
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	55.404.000
TỔNG TÀI SẢN	270		27.537.463.616.495	26.938.999.519.068

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		12.168.959.809.699	12.861.957.369.313
Nợ ngắn hạn	310		7.417.142.296.057	8.330.391.684.136
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.172.462.471.665	1.382.791.674.098
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.343.194.352	63.181.455.408
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	19	292.996.021.234	300.097.919.334
Phải trả người lao động	314		598.141.572.144	556.372.125.742
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.238.687.385.014	2.166.656.333.778
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	19.997.232.312	38.801.882.176
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.414.180.365.311	1.693.526.397.336
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	1.496.330.731.754	1.943.480.316.361
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.018.000.000	72.438.282.134
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		126.985.322.271	113.045.297.769
Nợ dài hạn	330		4.751.817.513.642	4.531.565.685.177
Chi phí phải trả dài hạn	333	20	14.310.819.982	14.739.076.642
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	44.662.204.284	40.236.147.240
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.407.085.935.506	2.403.694.669.758
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	1.792.085.060.787	1.581.286.917.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	23	493.673.493.083	491.608.874.101
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.368.503.806.796	14.077.042.149.755
Vốn chủ sở hữu	410	25	15.368.503.806.796	14.077.042.149.755
Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.945.029.557	10.945.029.557
Vốn khác của chủ sở hữu	414		82.963.929.693	89.940.729.693
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(3.190.407.830.469)	(3.251.786.782.350)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		40.796.738.792	18.595.399.399
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.086.664.356.715	1.586.187.454.224
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		92.227.503	92.227.502
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(239.780.880.851)	(652.146.559.060)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.402.094.080.168)	(2.484.029.847.354)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.162.313.199.317	1.831.883.288.294
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.571.350.235.856	4.269.334.650.790
TỔNG NGUỒN VỐN	440		27.537.463.616.495	26.938.999.519.068

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	12.820.166.123.213	14.343.686.248.489
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.146.652.716	687.278.604
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.815.019.470.497	14.342.998.969.885
Giá vốn hàng bán	11	28	10.412.004.593.703	10.366.739.899.882
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.403.014.876.794	3.976.259.070.003
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	664.610.287.475	548.659.637.558
Chi phí tài chính	22	30	257.553.794.521	501.962.831.162
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>202.077.736.231</i>	<i>375.556.814.773</i>
Lãi (lỗ) đầu tư Công ty liên doanh, liên kết	24		153.835.939.153	173.774.366.661
Chi phí bán hàng	25	31	138.049.421.642	155.691.014.821
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.045.493.993.895	1.326.969.848.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.780.363.893.364	2.714.069.380.233
Thu nhập khác	31	33	484.846.885.838	409.268.446.027
Chi phí khác	32	34	139.196.627.975	70.673.494.779
Lợi nhuận khác	40		345.650.257.863	338.594.951.248
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.126.014.151.227	3.052.664.331.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		421.040.443.445	515.778.893.467
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.154.567.469	(926.364.977)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.701.819.140.313	2.537.811.802.991
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.162.313.199.317	1.832.183.773.196
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		539.505.940.996	705.628.029.795
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	968	1.526

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc




Nguyễn Cảnh Tinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.126.014.151.227	3.052.664.331.481
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.317.079.959.847	1.321.487.506.136
Các khoản dự phòng	03	(246.955.748.464)	184.539.341.872
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(32.704.482.287)	22.177.903.219
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(611.684.852.217)	(716.316.004.745)
Chi phí lãi vay	06	202.077.736.231	375.639.793.526
Các điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.753.826.764.337	4.240.192.871.489
Tăng giảm các khoản phải thu	09	196.137.602.937	(36.404.126.141)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	167.779.251.249	(85.673.296.832)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(287.772.220.054)	(223.841.722.639)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	94.383.529.075	(62.293.228.469)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	468.838
Tiền lãi vay đã trả	14	(283.278.203.057)	(390.531.546.577)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(377.463.564.339)	(473.295.323.451)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.826.302.805
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(197.571.402.293)	(361.837.033.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.066.041.757.855	2.609.143.365.124
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.385.642.111.728)	(1.180.608.613.590)
Tiền thu thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	95.187.760.339	213.665.948.377
Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.186.708.335.708)	(7.426.933.137.651)
Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.745.841.396.984	7.218.895.372.419
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.447.862.450)	(12.528.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.585.790.150	3.287.801.850
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	471.447.342.944	349.471.581.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.244.736.019.469)	(834.749.046.746)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	352.321.414.309	591.468.850.836
Tiền trả nợ gốc vay	34	(557.972.094.150)	(2.112.578.741.842)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(212.268.501.333)	(262.856.839.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(417.919.181.174)	(1.783.966.730.383)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	403.386.557.212	(9.572.412.005)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.384.234.648.554	2.373.919.151.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(16.172.988.168)	19.887.909.327
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.771.448.217.598	2.384.234.648.554

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Do ảnh hưởng của lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia và cuộc xung đột Nga - Ukraine đã và đang làm tăng gánh nặng lên nền kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới khiến cho sức tiêu dùng suy giảm ảnh hưởng lớn đến thị trường vận tải biển quốc tế. Ngoài ra, nguồn cung thị trường tàu rời, tàu container tăng trưởng mạnh mẽ, giá nhiên liệu tiếp tục tăng cao trong kỳ cũng gây ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác đội tàu của Tổng Công ty. Các yếu tố trên là nguyên nhân tác động đến kết quả kinh doanh năm 2023 dẫn đến lợi nhuận kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 chỉ đạt hơn 2.126 tỷ VND, giảm 30% so với năm 2022 (năm 2022 lãi hơn 3.052 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,05%	51,05%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
Công ty Cổ Phần VIMC Logistics	TP. Hà Nội	59,72%	60,59%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	80,90%	80,90%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải biển
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	92,56%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Nghệ An	51,00%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	65,45%	65,45%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	75,00%	75,00%	Dịch vụ cảng biển
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	TP. Hải Phòng	60,00%	60,00%	Dịch vụ vận tải biển
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	TP. Hà Nội	56,00%	56,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	TP. Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải biển
Công ty Cổ phần Cảng VIMC Đình Vũ	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh	56,58%	56,58%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	Hậu Giang	100,00%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp, vận chuyển
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	TP. Cần Thơ	99,01%	99,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Khánh Hòa	91,79%	91,79%	Dịch vụ vận tải biển
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Bình Định	75,01%	75,01%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp

(i)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Khánh Hòa	41,26%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	TP. Hải Phòng	47,21%	51,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	55,54%	60,00%	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ khám chữa bệnh
Công ty TNHH MTV Đào tạo kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	TP. Hải Phòng	92,56%	100,00%	Dịch vụ đào tạo
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	48,52%	74,13%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước	TP. Hồ Chí Minh	59,26%	90,54%	Dịch vụ cảng biển, bốc xếp
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	41,44%	63,31%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	33,38%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	34,51%	52,72%	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực VOSCO	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Cung ứng nhân lực
Công ty Cổ phần dịch vụ Cảng Hậu Giang	Hậu Giang	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	TP. Hải Phòng	51,00%	51,00%	Dịch vụ hàng hải
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	TP. Quy Nhơn	75,01%	75,01%	Dịch vụ hàng hải

(i) Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”), ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNL-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2023, các bên vẫn chưa xác định được giá trị (2) lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính riêng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (Các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con. Báo cáo tài chính của một số Công ty con và Công ty liên kết gồm: Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang, Công ty TNHH quốc tế Cảng Cái Mép có các sự kiện cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các Công ty này như lỗ lũy kế lớn, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn... nhưng báo cáo tài chính của các Công ty này vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng, với việc các đơn vị đang trong quá trình quyết liệt tái cơ cấu các khoản nợ vay, đồng thời thị trường vận tải biển đang có những chuyển biến hết sức tích cực thì giả định hoạt động liên tục để lập Báo cáo tài chính của các công ty này là phù hợp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***2.2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẢNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.3 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3.4 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thể thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thể thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thể thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước. Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuận đến đầu kỳ báo cáo;
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuận.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ. Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng dịch vụ hoặc hạng mục tư vấn dự án chưa nghiệm thu hoàn thành. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn được tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh của dự án đầu tư bất động sản để bán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Chính sách khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Tổng Công ty và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 – 10
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
Phần mềm	03
Tài sản cố định vô hình khác	02 – 21

3.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Quyền sử dụng đất	50
Cơ sở hạ tầng	47

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.11 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau. Đối với giá trị lợi thế kinh doanh và giá trị công cụ dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.
- Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại ngoại tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.17 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

3.18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.19 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày cuối kỳ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu – là vốn điều lệ của Tổng Công ty được Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 277/QĐ-UBQLV ngày 18/06/2020.

Tại Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông: Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17/09/2015, khoản chênh lệch giữa số tiền Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam (DATC) với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng phát sinh trước ngày chuyển đổi chủ nợ được ghi nhận tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam (khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Công ty ghi nhận khoản chênh lệch gốc vay và lãi vay trong năm 2017 là 1.660,78 tỷ VND, năm 2022 là 444,08 tỷ VND, năm 2023 là 61,38 tỷ đồng vào tăng giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty. Trong khi đó, giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 Công ty ghi nhận khoản chênh lệch gốc vay, lãi vay phải trả vào Thu nhập khác trong các năm tương ứng. Nếu Công ty ghi nhận khoản chênh lệch này theo đúng quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam thì trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản (Mã số 416) sẽ giảm xuống và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) tại ngày 31/12/2023 sẽ tăng lên một khoản là 2.166,24 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023 là 2.104,86 tỷ VND).

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

3.20 GHI NHẬN DOANH THU***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.20 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)**

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

3.21 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

3.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

3.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

a) Chi phí thuế TNCN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm tài chính hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

3.26 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm 2023 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	14.337.111.932	14.142.875.977
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.507.841.317.660	1.496.416.367.572
Các khoản tương đương tiền (*)	1.249.269.788.006	873.675.405.005
	<u>2.771.448.217.598</u>	<u>2.384.234.648.554</u>

(*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.503.172.355.537	(241.635.972.042)	1.886.696.734.187	(368.751.052.782)
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i>	<i>105.921.327.083</i>	<i>(4.547.772.210)</i>	<i>435.435.716.231</i>	<i>(156.681.006.833)</i>
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	61.904.007	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	6.037.373	-	13.223.362	-
Công ty TNHH Honda Logistic Việt Nam	839.194.499	-	997.970.201	-
Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	9.729.489.380	-	9.824.068.429	-
Công ty cổ phần đại lý tàu biển và LOGISTICS VOSCO	578.875.817	-	329.133.622	-
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	32.151.600	-	39.074.400	-
Công ty CP HPH Logistic	4.455.304.425	-	4.183.347.411	-
Công ty CP Vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng	5.108.531.636	-	3.350.394.695	-
Công ty Cổ phần Lai Dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	22.860.365	-	100.455.700	-
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	22.522.052.280	-	330.028.728.348	(152.133.319.549)
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	53.363.974.040	-	81.292.681.870	-
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	1.603.791.697	-	333.237.625	-
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	430.443.612	-	102.015.612	-
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	20.269.200	-	19.017.600	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	3.754.779.629	(3.754.779.629)	3.754.779.629	(3.754.779.629)
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân	1.949.475.000	-	274.680.072	-
Công ty CP Hàng hải Đông Đô	115.000.000	-	-	-
Công ty CP Cảng tổng hợp Thị Vải	167.400.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	792.992.581	(792.992.581)	792.907.655	(792.907.655)
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	112.994.111	-	-	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	8.000.000	-	-	-
Công ty CP sửa chữa tàu biển Nosco-Vinalines	245.805.831	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên khác	1.397.251.028.454	(237.088.199.832)	1.451.261.017.956	(212.070.045.949)
Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	65.437.185.833	(59.727.257.172)	78.218.111.207	(61.816.505.182)
SITC Container Lines Co., Ltd	32.427.170.314	-	46.418.157.382	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	(21.977.044.420)	21.977.044.420	(21.977.044.420)
Công ty Cổ phần Than cảng Sài Gòn	58.323.842.519	-	61.322.495	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	42.354.563.913	-	18.764.470.365	-
Các khách hàng khác	1.160.072.952.731	(138.725.629.516)	1.269.163.643.363	(111.618.227.623)
Dài hạn	102.843.157.875	-	90.097.201.044	-
Phải thu khách hàng là bên liên quan	102.843.157.875	-	90.097.201.044	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (*)	102.843.157.875	-	90.097.201.044	-
	1.606.015.513.412	(241.635.972.042)	1.976.793.935.231	(368.751.052.782)

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT) liên quan đến tiền thuê cơ sở kết cấu hạ tầng tại Cảng Cái Mép. Trong đó bao gồm khoản phải thu liên quan khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019. Khoản tiền này sẽ thanh toán trong 24 kỳ kể từ sau ngày 30/06/2019 cho đến ngày 31/12/2030. Ngày 30/06/2023, CMIT đã ký kết Thỏa thuận tạm hoãn thanh toán với các bên cho thuê, theo đó tiền khoản tiền thuê đất được giãn theo thỏa thuận Hợp đồng cho giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2019 trong 4 kỳ đầu tiên sẽ được hoãn lại và thực hiện kể từ ngày 30/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	723.652.104.304	(57.539.883.989)	768.289.825.134	(57.567.717.569)
<i>Các bên liên quan</i>	590.830.480	-	3.933.009.693	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	590.830.480	-	1.882.034.200	-
Công ty CP Hàng hải Đông Đô	-	-	2.050.975.493	-
<i>Các bên khác</i>	723.061.273.824	(57.539.883.989)	764.356.815.441	(57.567.717.569)
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (1)	69.262.562.009	(49.239.258.319)	69.262.562.009	(49.239.258.319)
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu (2)	260.255.705.789	-	257.955.705.789	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	-	-	219.869.378.168	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Huỳnh	44.988.000.000	-	44.988.000.000	-
Đối tượng khác	348.555.006.026	(8.300.625.670)	147.627.770.894	(8.328.459.250)
Dài hạn	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
Công ty Cổ phần Địa ốc 10	24.653.398.581	-	24.653.398.581	-
	748.305.502.885	(57.539.883.989)	792.943.223.715	(57.567.717.569)

(1) Bao gồm:

- Khoản ứng trước liên quan đến Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty và Công ty Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng 03 tàu BV-10, BV-11, BV-12 số tiền 49.239.258.319 VND. Đây là số tiền ứng trước theo hợp đồng vượt quá giá trị quyết toán do dừng thực hiện dự án.
- Số còn lại là khoản ứng trước cho việc đóng tàu Lucky Star và tàu Blue Star với Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Hiện nay các bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.

(2) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu về việc đóng tàu Vosco Sunrise của Công ty CP Vận tải biển Việt Nam. Hai bên đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để quyết toán hoàn thành giá trị tàu.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	65.212.000.000	-	1.400.000.000	-
<i>Bên liên quan</i>	<i>63.812.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	63.812.000.000	-	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>-</i>
Các đối tượng khác	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Dài hạn	883.211.680.000	-	365.787.180.000	-
<i>Bên liên quan</i>	<i>883.211.680.000</i>	<i>-</i>	<i>365.787.180.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (i)	514.108.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (ii)	369.103.680.000	-	365.787.180.000	-
	2.514.612.161.897	-	1.012.392.553.088	-

- (i) Khoản cho vay theo Nghị quyết số 119/NQ-CSG ngày 16/03/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn ("Cảng Sài Gòn") – Công ty con Tổng Công ty về việc đồng ý các nội dung tái cơ cấu khoản nợ vay của Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA ("SSIT") với các tổ chức tín dụng tại Điều khoản Thỏa thuận và Thỏa thuận khoản tài trợ của Chủ sở hữu. Cụ thể, các Cổ đông đồng ý tài trợ cho việc mua lại khoản vay và tất cả các nghĩa vụ nợ của SSIT với tổng kinh phí cần thiết là 48.000.000 USD, trong đó Cảng Sài Gòn hỗ trợ tài chính 24.000.000 USD (thông qua việc cung cấp một khoản vay có kỳ hạn bằng 24.000.000 USD với tỷ giá hối đoái thực hiện là 23.518 VND/ USD). Ngày 23/06/2023, Cảng Sài Gòn đã hoàn tất chuyển 564.432.000.000 VND cho SSIT vay theo Hợp đồng vay Cổ đông ngày 28/04/2023 và Thỏa thuận tái cơ cấu SSIT. Khoản vay thời hạn 05 năm, lãi suất 6,3%/năm, hình thức đảm bảo: tín chấp.
- (ii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD (tại Công ty mẹ - Tổng Công ty) và 11.880.000 USD (tại Công ty CP Cảng Sài Gòn) theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty và 36% của Công ty CP Cảng Sài Gòn tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất LIBOR 6 tháng + (0,8 - 1,6%)/năm, được hoàn trả khi có yêu cầu của bên cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	784.983.811.557	(47.034.686.907)	758.108.314.766	(40.860.926.808)
- Tạm ứng	23.006.540.315	-	28.188.136.509	-
- Ký cược, ký quỹ	13.654.904.236	(162.556.875)	8.340.189.519	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.875.445.211	(3.287.420.975)	12.669.022.937	(3.287.420.975)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	199.192.408.141	(7.733.305.729)	170.787.606.011	(7.753.305.729)
- Các khoản chi hộ	38.563.631.216	(96.597.406)	19.887.605.019	(96.597.406)
- Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
- Tiền thu cổ phần hóa	28.719.686.558	-	29.137.413.831	-
- Các khoản phải thu khác	464.160.444.414	(35.754.805.922)	476.287.589.474	(29.723.602.698)
+ Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (I)	50.193.406.832	-	48.717.115.132	-
+ Khấu hao và lãi vay đối với tài sản cầu số 4, số 5 bãi container Chùa Vẽ (II)	194.218.263.761	-	194.218.263.761	-
+ Phải thu khác	219.748.773.821	(35.754.805.922)	233.352.210.581	(29.723.602.698)
Dài hạn	112.569.520.285	(36.567.700)	134.025.919.960	(36.567.700)
- Ký cược, ký quỹ	41.454.390.526	-	32.489.764.394	-
- Phải thu về chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, chi phí tạm cư	51.220.150.029	-	50.952.950.029	-
- Phải thu khác	19.894.979.730	(36.567.700)	50.583.205.537	(36.567.700)
	897.553.331.842	(47.071.254.607)	892.134.234.726	(40.897.494.508)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	168.251.045.998	(23.872.306.009)	156.831.325.135	(23.872.306.009)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.680.469.752	-	1.670.808.308	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	54.519.493.496	-	44.960.887.380	-
- Công ty CP Vinalines Hòa Lạc Logistic	324.126.585	-	324.126.585	-
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.310.988.907	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế				
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.661.648.507	(6.622.648.507)	6.705.648.507	(6.622.648.507)
- Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	154.250.000	-	154.250.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	81.375.306.536	(12.932.016.846)	98.697.963.699	(12.932.016.846)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	1.006.651.749	(1.006.651.749)	1.006.651.749	(1.006.651.749)
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	66.000.000	-	-	-
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	19.152.110.466	-	-	-

- (i) Thực hiện Nghị quyết số 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("SBIC") về việc Phê duyệt nội dung điều chuyển đối tượng nhận nợ từ nguồn ủy thác của SBIC tại Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy liên quan đến điều chuyển Dự án đầu tư đóng mới tàu 1.730 TEU - V22 từ Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông ("Biển Đông") sang Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng ("Bạch Đằng") và Biên bản bàn giao ký ngày 05/08/2015 giữa Biển Đông với Bạch Đằng, Biển Đông đã bàn giao Dự án này cùng các khoản nợ gốc vay và lãi vay liên quan sang cho Bạch Đằng từ ngày 05/08/2015. Khoản nợ trên là số còn lại phải thu Bạch Đằng sau khi bàn giao chi phí, công nợ vay, lãi vay của Dự án.
- (ii) Khoản tiền đã được Công ty CP Cảng Hải Phòng – Công ty con nộp vào ngân sách Nhà nước đối với chi phí khấu hao và lãi vay trong giai đoạn từ năm 2014 đến 31/12/2018 của cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại văn bản số 3910/BTC-TTr ngày 03/04/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***9. NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	569.181.279.304	222.967.716.706	665.767.596.168	194.765.332.060
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	49.239.258.319	-	49.239.258.319	-
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	-	16.658.268.724	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại DIC	65.437.185.833	5.709.928.661	78.218.111.207	16.401.606.025
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	16.547.728.383	-	22.137.257.655	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	21.977.044.420	-	21.977.044.420	-
- Công ty Liên doanh dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	-	-	287.316.934.578	135.183.615.029
- Các đối tượng khác	399.321.793.625	217.257.788.045	190.220.721.265	43.180.111.006
Dài hạn	36.567.700	-	36.567.700	-
Các khoản phải thu khác	36.567.700	-	36.567.700	-
	569.217.847.004	222.967.716.706	665.804.163.868	194.765.332.060

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	-	-	15.158.278.731	-
- Nguyên liệu, vật liệu	446.133.145.057	-	476.314.083.957	-
- Công cụ, dụng cụ	23.996.756.296	-	23.633.693.726	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.327.422.057	-	23.289.190.563	-
- Hàng hóa (*)	215.806.187.804	(204.453.892.650)	327.342.560.305	(274.448.902.067)
- Hàng gửi đi bán	602.018.182	-	77.636.364	-
	697.865.529.396	(204.453.892.650)	865.815.443.646	(274.448.902.067)

(*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. 02 máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2023, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.453.892.650 đồng.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	5.276.990.271.626	5.276.990.271.626	6.399.790.495.268	6.399.790.495.268
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	5.276.990.271.626	5.276.990.271.626	6.399.790.495.268	6.399.790.495.268
	5.276.990.271.626	5.276.990.271.626	6.399.790.495.268	6.399.790.495.268

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng các Ngân hàng Thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Công ty	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (i)	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị (i)
	%	%	VND	%	%	VND
Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	49,00%	49,00%	32.552.707.590	49,00%	49,00%	25.689.748.366
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	50,00%	28,34%	-	50,00%	28,34%	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy và Vận tải Cần Thơ	33,45%	33,45%	-	33,45%	33,45%	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	46,45%	23,69%	20.328.470.544	46,45%	23,69%	19.824.016.828
Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	44,61%	44,61%	(0)	47,44%	47,44%	-
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	49,35%	49,35%	-	49,35%	49,35%	-
Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	21,00%	13,74%	12.940.195.879	21,00%	13,74%	20.072.288.087
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	30,52%	28,25%	31.999.714.649	30,52%	28,25%	32.233.675.361
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại hàng hải Hải Phòng	40,53%	38,48%	36.004.561.863	40,53%	38,48%	36.248.668.911
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Hải Âu	26,46%	26,46%	6.680.107.925	26,46%	26,46%	6.683.470.293
Công ty CP Đại lý tàu biển và Logistic Vosco	36,00%	18,36%	2.202.661.742	36%	18,36%	1.981.451.613
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Hưng Phúc	20,00%	13,09%	300.000.000	20,00%	13,09%	300.000.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải & Thương mại (Transco)	33,49%	33,49%	60.056.914.581	33,49%	33,49%	50.392.986.595
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	48,97%	48,97%	-	48,97%	48,97%	-
Công ty CP HPH Logistics	38,81%	35,92%	16.164.948.515	38,81%	35,92%	14.694.199.947
Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài	24,83%	24,83%	-	24,85%	24,85%	-
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ hàng hải Cửa Lò	36,00%	18,36%	5.876.541.454	36,00%	18,36%	5.596.708.298
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn	20,12%	18,62%	1.678.103.402	20,12%	13,09%	4.956.221.747
Công ty Cổ phần Logistic Cảng Đà Nẵng	45,10%	33,83%	25.501.991.538	45,10%	33,83%	24.987.510.068
Công ty TNHH KM Cargo Service Hải Phòng	36,00%	33,32%	21.380.249.716	36,00%	33,32%	15.660.026.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Giá trị (i)	Tỷ lệ biểu	Tỷ lệ	Giá trị (i)
	biểu quyết	lợi ích	VND	quyết	lợi ích	VND
	%	%		%	%	
Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	36,00%	27,00%	29.050.220.748	36,00%	27,00%	26.076.870.905
Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	21,00%	21,00%	-	21,00%	21,00%	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	-	-	-	45,60%	42,21%	22.547.868.425
Công ty Cổ phần TM DV VT Logistic Sài Gòn Bến Tre	30,00%	13,09%	200.000.000	30,00%	13,09%	200.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	49,00%	49,00%	26.604.292.818	49,00%	49,00%	24.459.859.888
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)	26,46%	26,46%	14.641.477.187	26,46%	26,46%	18.207.395.574
Công ty Cổ phần Vận tải biển Viship	37,00%	37,00%	-	37,00%	37,00%	-
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	25,00%	23,14%	-	25,00%	23,14%	-
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông (OSTC)	49,00%	49,00%	-	49,00%	49,00%	-
Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA (SSIT)	50,00%	36,55%	592.831.899.157	50,00%	36,55%	499.163.592.917
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	47,19%	46,72%	5.853.954.912	47,19%	46,72%	6.025.118.460
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	50,00%	45,82%	-	50,00%	45,82%	-
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	50,00%	38,54%	393.380.963.923	50,00%	38,54%	397.572.182.372
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	50,00%	32,72%	31.808.526.562	50,00%	32,73%	30.351.513.211
Công ty TNHH NYK Autologic Việt Nam	20,00%	10,21%	4.781.572.238	20,00%	10,21%	4.800.964.329
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	45,56%	45,56%	-	45,56%	45,56%	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	50,00%	47,21%	204.276.672.941	50,00%	47,21%	194.822.477.373
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	50,00%	50,00%	37.155.841.198	50,00%	50,00%	35.765.482.737
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	22,12%	12,55%	8.674.889.576	22,12%	12,55%	9.144.890.463
Công ty Cổ phần Vinalines Hòa Lạc Logistic	37,89%	21,05%	5.588.940.381	37,89%	21,05%	5.475.800.142
Công ty Cổ phần dịch vụ công nghiệp Hàng hải	20,00%	15,00%	13.289.887.592	20,00%	15,00%	10.673.371.300
			1.641.806.308.629			1.544.608.361.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Đầu tư vào đơn vị khác**

Công ty	2023			01/01/2023		
	31/12/2023 VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ %
Đầu tư vào đơn vị khác	405.417.493.658	(23.064.587.030)		414.851.303.998	(23.744.468.866)	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	45.990.299.209	-	0,18%	47.785.570.188	-	0,18%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	300.001.000.000	-	5,56%	300.001.000.000	-	5,56%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế QTM	33.594.424.002	(21.880.635.615)	11,35%	33.594.424.002	(22.609.396.852)	11,35%
Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	16,68%	18.000.000.000	-	16,68%
Đầu tư vào đơn vị khác	7.831.770.447	(1.183.951.415)		15.470.309.808	(1.135.072.014)	
Đầu tư bằng quỹ phúc lợi	6.000.162.283	(1.000.000.000)		6.000.162.283	(1.000.000.000)	
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	2.593.162.283	-		2.593.162.283	-	
Đầu tư khác	3.407.000.000	(1.000.000.000)		3.407.000.000	(1.000.000.000)	
	411.417.655.941	(24.064.587.030)		420.851.466.281	(24.744.468.866)	

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	9.043.584.059.892	2.911.651.424.039	18.876.952.104.274	208.867.151.031	55.556.653.490	31.096.611.392.726
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	426.007.400.555	194.336.648.829	18.885.360.317	348.234.937	-	639.577.644.638
- Mua mới trong kỳ	1.719.300.138	25.456.907.299	99.809.192.397	28.794.736.810	1.665.560.045	157.445.696.689
- Thanh lý, nhượng bán	(7.987.310.733)	(41.269.611.825)	(613.971.508.876)	(2.175.801.675)	(53.445.806)	(665.457.678.915)
- Tăng/Giảm khác	980.624.472	(2.150.705.547)	(1.350.218.818)	(275.450.001)	-	(2.795.749.894)
31/12/2023	9.464.304.074.324	3.088.024.662.795	18.380.324.929.294	235.558.871.102	57.168.767.729	31.225.381.305.244
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	(5.123.072.369.853)	(2.079.508.303.134)	(14.945.016.218.042)	(144.145.580.512)	(41.073.015.948)	(22.332.815.487.489)
- Khấu hao trong kỳ	(244.576.060.362)	(140.642.698.182)	(853.557.177.042)	(17.376.038.157)	(4.210.549.537)	(1.260.362.523.280)
- Thanh lý, nhượng bán	7.849.569.614	40.493.397.850	612.729.638.272	2.143.235.385	53.445.806	663.269.286.927
- Tăng/Giảm khác	(1.640.553.412)	894.815.995	1.563.021.187	417.566.726	(27.399.994)	1.207.450.501
31/12/2023	(5.361.439.414.013)	(2.178.762.787.471)	(15.184.280.735.625)	(158.960.816.558)	(45.257.519.673)	(22.928.701.273.341)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	3.920.511.690.039	832.143.120.905	3.931.935.886.232	64.721.570.519	14.483.637.542	8.763.795.905.237
31/12/2023	4.102.864.660.311	909.261.875.324	3.196.044.193.669	76.598.054.544	11.911.248.056	8.296.680.031.903

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 6.710.265.079.306 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 8.570.937.586.655 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 2.047.770.799.867 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.217.864.940.010 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2023	22.590.437.844	35.700.000.000	58.290.437.844
31/12/2023	<u>22.590.437.844</u>	<u>35.700.000.000</u>	<u>58.290.437.844</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2023	(2.917.931.555)	(4.313.750.000)	(7.231.681.555)
- Khấu hao trong năm	(1.129.521.888)	(1.785.000.000)	(2.914.521.888)
31/12/2023	<u>(4.047.453.443)</u>	<u>(6.098.750.000)</u>	<u>(10.146.203.443)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2023	19.672.506.289	31.386.250.000	51.058.756.289
31/12/2023	<u>18.542.984.401</u>	<u>29.601.250.000</u>	<u>48.144.234.401</u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, bằng sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	788.483.574.719	351.898.800	114.359.634.947	14.146.822.511	917.341.930.977
- Mua trong kỳ	-	-	12.436.550.002	210.000.000	12.646.550.002
31/12/2023	<u>788.483.574.719</u>	<u>351.898.800</u>	<u>126.796.184.949</u>	<u>14.356.822.511</u>	<u>929.988.480.979</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/01/2023	(143.954.769.845)	(351.898.800)	(74.823.728.504)	(14.140.155.813)	(233.270.552.962)
- Khấu hao trong kỳ	(12.088.836.122)	-	(10.216.799.447)	(167.759.599)	(22.473.395.168)
- Tăng khác	-	-	(25.518.143)	-	(25.518.143)
31/12/2023	<u>(156.043.605.967)</u>	<u>(351.898.800)</u>	<u>(85.066.046.094)</u>	<u>(14.307.915.412)</u>	<u>(255.769.466.273)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	644.528.804.874	-	39.535.906.443	6.666.698	684.071.378.015
31/12/2023	<u>632.439.968.752</u>	<u>-</u>	<u>41.730.138.855</u>	<u>48.907.099</u>	<u>674.219.014.706</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 42.654.800.559 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ	795.716.654.393	4.047.194.025	-	799.763.848.418
- Quyền sử dụng đất	255.797.525.808	-	-	255.797.525.808
- Nhà cửa	537.111.581.605	4.047.194.025	-	541.158.775.630
- Cơ sở hạ tầng	2.807.546.980	-	-	2.807.546.980
HAO MÒN LŨY KẾ	302.032.535.343	(41.635.864.154)	-	(343.668.399.497)
- Quyền sử dụng đất	(48.327.608.251)	(6.132.112.020)	-	(54.459.720.271)
- Nhà cửa	(253.047.841.632)	(35.444.017.094)	-	(288.491.858.726)
- Cơ sở hạ tầng	(657.085.460)	(59.735.040)	-	(716.820.500)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	493.684.119.050	4.047.194.025	(41.635.864.154)	456.095.448.921
- Quyền sử dụng đất	207.469.917.557	-	(6.132.112.020)	201.337.805.537
- Nhà cửa	284.063.739.973	4.047.194.025	(35.444.017.094)	252.666.916.904
- Cơ sở hạ tầng	2.150.461.520	-	(59.735.040)	2.090.726.480

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại Cảng Cái Mép, tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vimadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	88.853.920.088	64.068.198.873
- Phí bảo hiểm	21.284.996.684	22.687.114.491
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	18.423.061.033	15.584.845.935
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	14.618.279.026	16.559.148.367
- Các khoản khác	34.527.583.345	9.237.090.080
Dài hạn	400.626.923.848	519.796.174.138
- Lợi thế kinh doanh	1.598.764.474	1.608.800.074
- Tiền thuê đất trả trước	70.522.864.934	102.371.698.600
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	226.194.470.270	348.537.252.780
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	46.834.233.085	42.983.045.862
- Chi phí trước hoạt động	5.169.139.803	6.037.807.262
- Các khoản khác	50.307.451.282	18.257.569.560
	489.480.843.936	583.864.373.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	38.937.789.457	38.767.126.456
- Dự án đầu tư xây dựng mới khu nhà ở cán bộ công nhân viên Cảng Sài Gòn - Giai đoạn 2	38.937.789.457	38.767.126.456
Xây dựng cơ bản dở dang	2.475.674.372.440	973.625.426.632
- Mua sắm	1.864.193.525	11.945.037.963
- Xây dựng cơ bản	2.473.810.178.915	961.680.388.669
<i>Dự án 02 bến container số 3,4 Cảng cửa ngõ Lạch Huyện (1)</i>	<i>1.618.005.587.322</i>	<i>124.626.015.676</i>
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (2)</i>	<i>337.098.446.775</i>	<i>312.886.208.258</i>
<i>Dự án đầu tư nâng cấp bến cảng số 1 - Cảng Quy Nhơn (3)</i>	<i>73.258.538.517</i>	<i>231.316.542.030</i>
<i>Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (4)</i>	<i>59.433.908.642</i>	<i>59.433.908.642</i>
<i>Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (5)</i>	<i>8.647.825.475</i>	<i>8.647.825.475</i>
<i>Dự án xây dựng khu bãi sau cầu cảng số 4,5</i>	<i>116.401.932.855</i>	<i>54.658.300.089</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>259.839.793.029</i>	<i>170.111.588.499</i>
- Sửa chữa lớn	1.124.146.300	-
	2.514.612.161.897	1.012.392.553.088

(1) Thông tin Dự án đầu tư xây dựng các bến container số 3, số 4 Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Đáp ứng tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội của thành phố Hải Phòng;
- Địa điểm xây dựng: Khu bến Cảng Lạch Huyện thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Huyện Cát Hải, Thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư: 6.946 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: từ năm 2020 đến năm 2025.
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến vốn vay 55%, vốn chủ sở hữu 45%;
- Quy mô của dự án: Xây dựng 02 bến cho tàu đến 100.000DWT (gần 8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m, Bến xà lan, dịch vụ với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m cho cờ tàu đến 3.000 DWT (gần 160 teus); Kè bảo vệ bờ; Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đồng bộ (đáp ứng sản lượng hàng hóa thông qua 1,0 - 1,1 triệu teus/năm) trên diện tích 47ha; Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng rỗng; 50 đầu kéo + rơ-mooc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa, 08 cần xe tại công cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS; và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2023: Đang thực hiện thi công các hạng mục xây lắp chính của dự án.

(2) Thông tin chung về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước;
- Địa chỉ: Khu cảng Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Mục đích: xây dựng thay thế cho khu Cảng Nhà Rong – Khánh Hội hiện hữu của Cảng Sài Gòn;
- Quy mô: 36,06 ha;
- Tổng vốn đầu tư: 2.777 tỷ VND;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP)**

- Tình trạng của dự án: Dự án đã hoàn thành 800m cầu cảng, 02 kho chứa hàng, 118.000m² bãi chứa hàng và hiện vẫn đang trong quá trình vừa thi công, vừa xây dựng hoàn thiện các cơ sở hạ tầng còn lại, vừa kết hợp khai thác trên các hạng mục đã hoàn thành. Thời gian dự kiến hoàn thành là tháng 9/2025.

- Ngày 12/10/2022, Công ty đã có Tờ trình số 99/SPH-2022 gửi tới Hội đồng quản trị và đang trong quá trình chờ HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh. Theo đó, chi phí quản lý theo dự toán điều chỉnh có giá trị là 56.746.708.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2023, giá trị xây dựng đã hoàn thành tạm tăng tài sản là 1.529.891.772.965 VND, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để xin phép điều chỉnh dự toán các khoản mục chi phí đầu tư của dự án.

Trong đó số dư bao gồm tiền thuê đất, mặt nước Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước đã tạm nộp trong kỳ với giá trị 51.483.886.377 đồng theo các thông báo của Chi cục thuế huyện Nhà Bè - Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến khoản phải nộp tiền thuê đất, mặt nước theo hợp đồng thuê đất số 400/HĐ-TNMT/QLSDD ký ngày 18/01/2012 đã ký với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng tổng diện tích thuê là 360.559,4 m² đất và 106.668,9 m² mặt nước sông Soài Rạp, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng Dự án Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với Chi cục thuế huyện Nhà Bè - Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc bù trừ tiền thuê đất nêu trên với khoản chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước đã chi trả. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ các cơ quan này.

í Minh để đầu tư xây dựng Dự án Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với Chi cục thuế huyện Nhà Bè - Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc bù trừ tiền thuê đất nêu trên với khoản chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước đã chi trả. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ các cơ quan này.

để đầu tư xây dựng Dự án Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với Chi cục thuế huyện Nhà Bè - Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc bù trừ tiền thuê đất nêu trên với khoản chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước mà Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước đã chi trả. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ các cơ quan này.

(3) Ngày 31/05/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 112/QĐ- HĐQT phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 01 - Cảng Quy Nhơn, như sau:

- Địa điểm xây dựng: Cảng Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Nguồn vốn đầu tư: toàn bộ là vốn chủ sở hữu của Công ty CP Cảng Quy Nhơn,
- Tổng mức đầu tư là: 546,3 tỷ VND;
- Mục đích xây dựng: nâng cấp bến số 1 bằng cách mở rộng ra phía khu nước bến số 1 hiện hữu thêm dự kiến 35m, chiều dài 48m đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đẩy tải, đồng thời kết cấu bến được tính toán thiết kế đảm bảo cho tàu container 50.000 tấn (DWT) đẩy tải trong giai đoạn sau; nạo vét khu nước, vũng quay tàu, đáp ứng cho tàu 30.000 tấn (DWT) đẩy tải neo đậu phía ngoài (phía Đông) và tàu lai, ca nô công vụ neo đậu phía trong (phía Tây) tại đoạn nhô ra khỏi bờ 175m phía thượng lưu;

Trong năm 2023, Công ty đã tạm tăng tài sản cố định đối với Dự án: Đầu tư xây dựng, nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn. Nguyên giá tạm tăng: 363.031.001.365 đồng. Phần chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án được thực hiện tăng tài sản sau khi quyết toán dự án hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (TIẾP)

(4) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4 ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230,3 tỷ VND
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2023: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của cảng.

(5) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829,8 tỷ VND
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2023: Dự án mới triển khai được việc san lấp mặt bằng và thực hiện được một số hạng mục nhỏ. Công ty đang chờ hoàn tất thủ tục pháp lý và huy động vốn để tiếp tục triển khai đầu tư khi có điều kiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	1.172.462.471.665	1.172.462.471.665	1.382.791.674.098	1.382.791.674.098
Bên liên quan	23.500.746.796	23.500.746.796	23.172.835.058	23.172.835.058
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	157.926.462	157.926.462	157.926.462	157.926.462
Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	-	-	5.117.144	5.117.144
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	3.217.264	3.217.264	66.188.640	66.188.640
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	400.758.779	400.758.779	12.889.800	12.889.800
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	2.467.798.564	2.467.798.564	4.770.566.627	4.770.566.627
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	1.418.136.333	1.418.136.333	380.501.363	380.501.363
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	6.596.497.031	6.596.497.031	9.581.359.027	9.581.359.027
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	11.286.944.555	11.286.944.555	7.261.800.166	7.261.800.166
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	275.686.818	275.686.818	-	-
Công ty Cổ phần HPH Logistic	16.053.552	16.053.552	-	-
Công ty CP Dịch vụ hàng hải Tân Hưng Phúc	-	-	936.485.829	936.485.829
Công ty CP Hàng hải Đồng Đô	529.416.000	529.416.000	-	-
Công ty CP Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	272.905.190	272.905.190	-	-
Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải	14.845.248	14.845.248	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	60.561.000	60.561.000	-	-
Bên khác	1.148.961.724.869	1.148.961.724.869	1.359.618.839.040	1.359.618.839.040
Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Công ty Cổ phần - Chi nhánh 01	23.828.400.049	23.828.400.049	25.289.390.457	25.289.390.457
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thủy Hà Nội	17.724.828.169	17.724.828.169	26.558.658.331	26.558.658.331
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515	72.806.298.515
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	78.877.193.376	78.877.193.376
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	186.085.462.583	186.085.462.583	249.367.999.033	249.367.999.033
Các đối tượng khác	816.449.592.819	816.449.592.819	906.719.299.328	906.719.299.328
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.172.462.471.665	1.172.462.471.665	1.382.791.674.098	1.382.791.674.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	16.184.395.618	141.201.782.617	150.850.835.272	6.535.342.963
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	198.885.838	198.885.838	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	170.424.729.173	423.664.570.302	377.296.904.048	216.792.395.427
- Thuế thu nhập cá nhân	5.517.477.093	70.854.319.208	73.326.322.903	3.045.473.398
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất (*)	80.377.431.195	181.881.000.955	202.094.564.471	60.163.867.679
- Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
- Các loại thuế khác	27.593.886.255	44.042.412.029	65.177.356.517	6.458.941.767
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.432.213.373	12.432.213.373	-
	300.097.919.334	874.275.184.322	881.377.082.422	292.996.021.234
	01/01/2023	Số đã nộp/bù trừ trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	141.488.873	5.307.748.978	-	5.449.237.851
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.413.894.093	163.230.514	-	8.577.124.607
- Thuế thu nhập cá nhân	1.147.027.263	295.192.248	-	1.442.219.511
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất (*)	134.293.379.669	11.696.591.679	-	145.989.971.348
- Các loại thuế khác	9.038.013	-	7.557.121	1.480.892
	144.004.827.911	17.462.763.419	7.557.121	161.460.034.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (TIẾP)

(*) Bao gồm:

- Tạm nộp tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020 tại Cảng Tân Thuận 1, Tân Thuận 2 (Tân Thuận Đông) theo các Thông báo của chi cục thuế Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, số tiền 127.409.358.969 tỷ VND. Cơ quan thuế sử dụng đơn giá thuê văn phòng để tính toán tiền thuê cho toàn bộ diện tích thuê, nhưng phần lớn diện tích thuê được sử dụng làm cầu tàu và kho bãi với đơn giá thuê thấp hơn theo quy định hiện hành. Theo đó, Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với chi cục thuế Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan về việc xác định diện tích, đơn giá và mục đích sử dụng đối với diện tích đất đã thuê theo các thông báo nêu trên và tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ các cơ quan này.

- Tạm ước tính tiền thuê đất còn phải nộp tại khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội tính đến thời điểm Công ty ký thỏa thuận với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô Thị Ngọc Viễn Đông ("Ngọc Viễn Đông") (chủ đầu tư dự án Khu Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội theo Quyết định chủ trương đầu tư số 6815/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 40.247.522.180 VND. Công ty đã có nhiều văn bản trao đổi với cơ quan thuế Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến tiền thuê đất tại khu vực nêu trên cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/08/2017. Tính đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi cuối cùng từ cơ quan có thẩm quyền.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	2.238.687.385.014	2.166.656.333.778
- Chi phí lãi vay tạm trích (*)	2.169.977.156.047	2.082.017.257.297
- Trích trước chi phí sửa chữa tàu	6.506.366.832	33.570.143.631
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.285.528.151	2.194.705.357
- Chi phí công trình công cộng của khu nhà ở cán bộ công nhân viên cảng Sài Gòn	15.750.687.210	16.206.488.800
- Thuế nhà đất phải trả	428.256.660	428.256.660
- Chi phí phải trả khác	40.739.390.114	32.239.482.033
Dài hạn	14.310.819.982	14.739.076.642
- Thuế nhà đất	14.310.819.982	14.739.076.642
	2.252.998.204.996	2.181.395.410.420

(*) Bao gồm Khoản phải trả của Công ty với Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy ("VFC") có số dư tại ngày 31/12/2023 là 713.786.033.082 VND - gồm khoản lãi vay bằng VND là 314.545.473.772 VND và bằng USD là 16.728.423,65 USD (tại ngày 01/01/2023 là 307.043.508.567 VND và bằng USD là 16.701.637,86 USD). Theo thư xác nhận, thông báo lãi vay từ VFC thì lãi vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 01/01/2023 và 31/12/2023 lần lượt là 54.886.802,34 USD và 59.208.393,37 USD. Đây là lãi vay liên quan đến khoản nợ gốc vay tài trợ cho Dự án đóng tàu Container 1730 TEU V22 đã được bàn giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	19.997.232.312	38.801.882.176
Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	5.901.693.380	14.567.406.751
Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	4.792.208.946	22.541.322.647
Các khoản khác	9.303.329.986	1.693.152.778
Dài hạn	44.662.204.284	40.236.147.240
Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	44.662.204.284	40.236.147.240
	64.659.436.596	79.038.029.416

22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.414.180.365.311	1.693.526.397.336
- Kinh phí công đoàn	10.081.222.308	9.799.389.939
- Bảo hiểm xã hội	21.280.559	677.191.260
- Bảo hiểm y tế	99.258.699	78.371.071
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.728.933	13.574.605
- Phải trả về cổ phần hóa	18.100.592.423	20.986.771.463
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.329.830.905	34.493.932.237
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.367.544.451.484	1.627.477.166.761
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	71.587.527.412	16.691.588.972
+ Lãi vay các Ngân hàng và các tổ chức khác (1)	1.037.546.445.550	1.233.339.933.753
+ Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	72.617.406.911	104.114.200.926
+ Thuế TNCN của người lao động chưa quyết toán	5.787.994.285	2.256.519.590
+ Các khoản khác	180.005.077.326	271.074.923.520
Dài hạn	2.407.085.935.506	2.403.694.669.758
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	62.170.833.632	52.102.608.833
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.344.915.101.874	2.351.592.060.925
+ Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy - Ứng vốn (2)	191.025.462.572	191.025.462.572
+ Tạm tăng nguyên giá tàu (Lucky Star, Blue Star, Vosco Sunrise) (3)	516.672.201.784	516.672.201.784
+ Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông tiền ứng vốn để thực hiện công tác di dời, hỗ trợ Người lao động (4)	850.000.000.000	850.000.000.000
+ Phải trả Ngân sách nhà nước tiền ứng trước thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước (5)	599.000.000.000	599.000.000.000
Phải trả khác	188.217.437.518	194.894.396.569
	3.821.266.300.817	4.097.221.067.094

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan	29.240.616.326	31.226.699.578
Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG - SSA	841.043.603	3.141.032.333
Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP - PSA	729.914.777	1.331.425.992
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đinh Vũ	7.190.708	-
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	-	50.500.000
Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	314.646.277	147.078.001
Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	5.136.480	-
Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	57.338.160	14.917.770
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	27.285.346.321	26.541.745.482

(1) Trong đó bao gồm:

- Khoản lãi vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang, số tiền 23.074.796.368 đồng. Sau thời gian khoan nợ theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ, khoản vay này tiếp tục được tính lại theo mức lãi suất công bố của Ngân hàng.
- Khoản vay phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) liên quan đến hợp đồng vay để đầu tư dự án xây dựng Nhà máy đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, giá trị 25.775.128.285 đồng. Đến thời điểm hiện tại Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang đã bị dừng vĩnh viễn theo văn bản số 403/TTg-KTN ngày 29/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Khoản nợ vay từ nguồn vay nước ngoài này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ với mức lãi suất ưu đãi và Công ty đang thực hiện trích với lãi suất 1,2%/năm. Giữa Công ty và VFC hiện nay vẫn chưa thống nhất mức lãi suất liên quan đến khoản nợ gốc vay của VFC từ khi có Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính Phủ. VFC chưa thực hiện tái cơ cấu nợ theo Nghị quyết mà vẫn đang tính cho Công ty ở mức lãi suất theo hợp đồng là 9,5%/năm.

- (2) Khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (SBIC) về các nghiệp vụ nhận cấp vốn có tính lãi hoạt động trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 2009 liên quan đến hoạt động đầu tư Dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang. Dự án này đã bị dừng vĩnh viễn theo Công văn số 403/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ ngày 29 tháng 03 năm 2012. Lãi phát sinh liên quan đến khoản nợ này đã được tái cơ cấu là xóa lãi phát sinh theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ. Đến thời điểm 31/12/2023, SBIC vẫn chưa thực hiện theo Nghị quyết của Chính Phủ nêu trên và vẫn thực hiện thông báo lãi cho Công ty hàng năm.

- (3) Khoản tạm trích để tăng TSCĐ tại Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam. Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để quyết toán nguyên giá tàu Lucky Star, Blue Star và Vosco Sunrise với các khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng và Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***22. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC (TIẾP)**

- (4) Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông (gọi tắt là Công ty Ngọc Viễn Đông) liên quan đến khoản ứng vốn từ Công ty Ngọc Viễn Đông theo nhu cầu vốn từ năm 2013 đến năm 2015 của Công ty CP Cảng Sài Gòn đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt để thi công và đưa vào khai thác liên quan đến dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước giai đoạn 1 (nay thuộc quản lý của Công ty CP Cảng Sài Gòn Hiệp Phước - Công ty con của Tổng Công ty). Theo thỏa thuận bàn giao ngày 31/08/2017, Công ty Ngọc Viễn Đông đồng ý tạm bàn giao lại nguyên trạng cho Công ty tiếp tục quản lý, khai thác, kinh doanh tại khu Nhà Rộng - Khánh Hội trong thời gian đầu tư xây dựng khu Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước chưa hoàn thành. Công ty có trách nhiệm hoàn tất việc di dời, xử lý tài sản với điều kiện Ngọc Viễn Đông hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai và đồng thời trong khoảng thời gian này Công ty không phải chịu các chi phí có liên quan trong thời gian sử dụng đất (từ ngày 31/08/2017). Sau khi công tác di dời hoàn tất, việc quyết toán khoản tạm ứng vốn này sẽ được thực hiện giữa Công ty CP Cảng Sài Gòn, Bộ Tài chính và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông.
- (5) Phải trả Ngân sách Nhà nước liên quan đến khoản Công ty nhận ứng trước từ Ngân sách Nhà nước để phục vụ đầu tư dự án xây dựng Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước, thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Hiệp Phước- Công ty con của Công ty. Theo quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, khoản ứng trước vốn này sẽ phải hoàn trả cho Ngân sách Nhà nước khi công tác xây dựng dự án Cảng Sài Gòn- Hiệp Phước hoàn tất. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng.

23. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	493.673.493.083	491.608.874.101
	<u>493.673.493.083</u>	<u>491.608.874.101</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.496.330.731.754	1.496.330.731.754	84.049.090.400	531.198.675.007	1.943.480.316.361	1.943.480.316.361
Vay ngắn hạn	85.441.441.303	85.441.441.303	13.610.802.923	285.861.007.236	357.691.645.616	357.691.645.616
Vay dài hạn đến hạn trả	1.410.889.290.451	1.410.889.290.451	70.438.287.477	245.337.667.771	1.585.788.670.745	1.585.788.670.745
Vay dài hạn	1.792.085.060.787	1.792.085.060.787	286.668.261.149	75.870.117.798	1.581.286.917.436	1.581.286.917.436
Cộng	3.288.415.792.541	3.288.415.792.541	370.717.351.549	607.068.792.805	3.524.767.233.797	3.524.767.233.797

Vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2023 VND
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tin chấp	59.080.000.000
Vay các Ngân hàng Thương mại	VND	Theo từng hợp đồng	Tin chấp	8.166.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp	1.275.105.090.282
Vay ODA đến hạn trả (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tin chấp	26.112.719.131
Vay các đối tượng khác	VND	Theo từng hợp đồng	Tin chấp	127.866.922.341
				1.496.330.731.754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Vay dài hạn**

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2023 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp, Tín chấp	259.023.714.680
Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (1)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	44.437.405.380
PSA VietNam Pte.Ltd (2)	USD	LIBOR +0,8%/năm	Tín chấp	367.470.180.000
Vay dài hạn ODA (3)	USD	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	514.726.735.328
Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Đà Nẵng	VND	Theo từng hợp đồng	Tín chấp	276.165.659.739
Vay khác	VND	Theo từng hợp đồng	Thế chấp	330.261.365.660
				1.792.085.060.787

(1) Trong đó bao gồm:

- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông (“Biển Đông”) với Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) có số dư tại ngày 31/12/2023 là 59.080.000.000 VND (tại ngày 31/12/2022 là 152.103.350.475 VND). Theo thư xác nhận từ Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) thì gốc vay mà VFC đang theo dõi phải thu Biển Đông nhiều hơn số Biển Đông đang phản ánh tại thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2022 là 28.667.314,77 USD (tương ứng là chênh lệch các khoản lãi vay phát sinh từ món này). Đây là khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ khoản vay tài trợ cho Dự án đóng tàu container 1730TEU V22 đã được bán giao cho Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) theo Nghị quyết 317/NQ-CNTT ngày 23/11/2015 của Tổng Công ty công nghiệp Tàu thủy Việt Nam liên quan đến điều chuyển dự án đóng mới tàu 1730 TEU V22 từ Biển Đông sang Bạch Đằng và biên bản bán giao ký ngày 05/8/2015 giữa Biển Đông với Bạch Đằng. Tuy nhiên, VFC chưa thực hiện chuyển đổi tương theo dõi nợ gốc và lãi vay.
- Khoản vay Công ty Tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy (VFC) để thực hiện các dự án đầu tư của Công ty TNHH MTV Nhà máy Đóng tàu Hậu Giang theo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài 600 triệu USD quy định tại Quyết định số 1986/QĐ-CNT-TCKT ngày 26/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn 02 năm. Số dư nhận nợ bằng tiền VND gốc vay ban đầu được các bên thống nhất quy đổi sang USD là 1.970.144,91 USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay này được tái cơ cấu theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ. Công ty đã thanh toán trả cho VFC lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 số tiền 3,5 tỷ VND quy đổi tương đương 146.133,96 USD. Thông qua Thỏa thuận tái cấu trúc Vinashin, toàn bộ số tiền nợ đã được các chủ nợ thống nhất sẽ được lùi thời hạn trả đến 30/12/2025 với lãi suất 1%/năm được tính vào cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)****(2) Chi tiết khoản vay:**

+ PSA Viet Nam Pte.Ltd, Công ty CP Cảng Sài Gòn và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP là cổ đông góp vốn của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA. Các cổ đông đã đồng ý cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA vay theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008 với tổng giá trị khoản vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD. Tuy nhiên, PSA Viet Nam Pte.Ltd đã ứng trước toàn bộ khoản cho vay này, do đó, Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn sẽ nhận nợ với PSA Viet Nam Pte.Ltd tổng số gốc vay 16.830.000 USD tương ứng với tổng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn là 51%.

+ Mục đích vay: để Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA chi trả cho chi phí dự án phát triển, thiết kế, kỹ thuật, mua sắm các vật liệu và thiết bị, xây dựng, vận hành, lắp đặt, hoàn tất, tài trợ, hoạt động, bảo trì, tiếp thị, thay thế và sửa chữa cảng container 2 cầu cảng tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm Cầu cảng 600 mét và một số máy cầu cầu cảng.

+ Lãi suất áp dụng cho Đợt A là lãi LIBOR cộng với 0,8%/năm cho đến ngày chứng nhận hoàn thành và LIBOR cộng với 1,6%/năm sau ngày chứng nhận hoàn thành; và Đợt B là lãi LIBOR cộng với 0,8%/năm hay tỷ lệ khác được các cổ đông xác định vào từng thời điểm.

+ Theo quy định của hợp đồng phụ thì toàn bộ các khoản nợ mà Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản được phân chia khác (cho Tổng Công ty và Cảng Sài Gòn nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này.

(3) Bao gồm:

- Số dư vay theo hợp đồng vay số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 ký giữa Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Hải Phòng và Cảng Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng), mục đích vay đầu tư thiết bị đối với dự án "Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn II", không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,3%/năm, kỳ trả gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/08/2029.

Tại thời điểm 31/12/2023, số dư nợ vay gốc Yên Nhật là: 941.140.200,00 JPY (tương đương 157.509.223.872 VND); Nợ dài hạn đến hạn trả là: 156.856.700 JPY (tương đương 26.112.719.131 VND).

- Giá trị nhận nợ liên quan đến các tài sản là cầu cảng số 04, số 05 và bãi container thuộc bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và các khoản mục chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị được ghi nhận căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải (Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT).

Căn cứ theo Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT và Biên bản về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần được ký giữa Tổ công tác Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đại diện của Công ty vào ngày 10/10/2016, Công ty đã tạm thời điều chỉnh giá trị các tài sản, thiết bị nêu trên và ghi nhận giá trị khoản vay với tổng số tiền là 383,3 tỷ VNĐ (bao gồm 342,1 tỷ VNĐ là giá trị quyết toán của 02 cầu cảng, và 41,2 tỷ VNĐ là phần chi phí khác được phân bổ cho giá trị gói thiết bị thuộc dự án). Việc ghi nhận này đã được Công ty điều chỉnh hồi tố từ ngày 01/07/2014 (ngày Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đến thời điểm hiện tại, phương án vay và trả nợ vay (thời hạn vay, phương án trả nợ, lãi suất vay và các điều khoản đảm bảo), cũng như đồng tiền nhận nợ (Việt Nam Đồng hay Yên Nhật) chưa được các cơ quan quản lý Nhà nước phê duyệt tại thời điểm nhận nợ, vì thế, Công ty tạm ghi nhận các khoản vay này bằng Việt Nam Đồng và thực hiện trích trước chi phí lãi vay cho giai đoạn từ ngày 01/07/2014 đến thời điểm 31/12/2019 với lãi suất 9,5%/năm, cộng thêm chi phí cho vay lại là 0,2%/năm. Trong năm 2020, theo Nghị quyết số 71/NQ-CHP ngày 12/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng, Công ty đã tạm dừng trích chi phí lãi vay kể từ đầu năm 2020.

Tại văn bản số 8715/BTC-PLN ngày 23/07/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 10582/VPCP-KTTH ngày 01/11/2018 của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính về việc rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị đối với 02 cầu cảng và các nội dung khoản vay nêu trên và đồng ý chủ trương cho vay lại phần chi phí thiết bị tương tự cơ chế cho vay lại phần thiết bị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 1596/CP-QHQT ngày 25/10/2004. Cụ thể, lãi suất cho vay lại bằng Yên Nhật là 1,5%/năm. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng yêu cầu kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa của Công ty (trong điều kiện hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Khi có sự phê duyệt chính thức của Bộ Tài chính về phương án vay, trả nợ, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính (nếu cần thiết).

Ngày 11/11/2022, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 7642/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu Bộ GTVT chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát kỹ lưỡng các phương án, thống nhất một phương án xử lý, quản lý khai thác cầu cảng số 4, số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ, đảm bảo phù hợp với thực trạng tài sản, điều kiện quản lý khai thác cầu cảng và tuân thủ theo quy định của Pháp luật liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	12.005.880.000.000	10.945.029.557	89.940.729.693	(3.695.871.331.806)	16.830.416.168	1.045.000.690.481	7.656.282.218	(1.783.322.740.197)	3.884.468.389.386	11.581.527.465.500
- Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.832.183.773.196	705.628.029.795	2.537.811.802.991
- Trà cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-	(266.553.754.277)	(266.553.754.277)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	541.111.796.534	(5.947.805.907)	(535.163.990.627)	-	-
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	(1.616.248.809)	(147.784.259.179)	(56.230.346.897)	(205.630.854.885)
- Nợ gốc và lãi được giảm	-	-	-	444.084.549.456	-	-	-	-	-	444.084.549.456
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	1.764.983.231	-	-	(843.412.564)	233.927.684	1.155.498.351
Tăng khác	-	-	-	-	-	74.967.209	-	(17.215.929.689)	1.788.405.099	(15.352.557.381)
31/12/2023	12.005.880.000.000	10.945.029.557	89.940.729.693	(3.251.786.782.350)	18.595.399.399	1.586.187.454.224	92.227.502	(652.146.559.060)	4.269.334.650.790	14.077.042.149.755
01/01/2023	12.005.880.000.000	10.945.029.557	89.940.729.693	(3.251.786.782.350)	18.595.399.399	1.586.187.454.224	92.227.502	(652.146.559.060)	4.269.334.650.790	14.077.042.149.755
- Trích quỹ	-	-	-	-	-	500.442.548.988	-	(500.442.548.988)	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	1.162.313.199.317	539.505.940.996	1.701.819.140.313
- Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	-	(127.992.005.931)	(41.513.163.296)	(169.505.169.227)
- Nợ gốc và lãi được giảm	-	-	-	61.378.951.881	-	-	-	-	-	61.378.951.881
- Biến động VCSH trong công ty liên kết	-	-	-	-	22.201.339.393	-	-	-	-	22.201.339.393
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(286.257.829.851)	(286.257.829.851)
- Tăng/Giảm khác	-	-	(6.976.800.000)	-	-	34.353.503	1	(121.512.966.188)	90.280.637.216	(38.174.775.668)
31/12/2023	12.005.880.000.000	10.945.029.557	82.963.929.693	(3.190.407.830.469)	40.796.738.792	2.086.664.356.715	92.227.503	(239.780.880.851)	4.571.350.235.856	15.368.503.806.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99%	11.942.133.000.000	99%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	1%	63.747.000.000	1%
	12.005.880.000.000	100%	12.005.880.000.000	100%

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
USD	54.396.030,11	38.779.456,79
EUR	6.111,73	6.183,26
JPY	44.000,00	44.000,00
RUB	2.016.869,46	-
Nợ khó đòi đã xử lý		
Các đối tượng khác (VND)	43.713.886.096	38.147.472.285

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	1.813.722.701.028	595.710.219.479
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.006.443.422.185	13.747.976.029.010
+ Doanh thu vận tải	4.228.535.778.235	5.850.420.930.960
+ Doanh thu dịch vụ khai thác cảng và dịch vụ biển	6.401.153.555.584	7.468.687.906.891
+ Dịch vụ khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	290.119.839.771	315.434.877.929
+ Dịch vụ khác	70.965.983.412	98.322.601.057
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.668.265.183	15.109.712.173
	12.820.166.123.213	14.343.686.248.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.780.357.537.601	599.894.796.614
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.618.850.066.149	9.761.442.192.307
- Giá vốn dịch vụ vận tải	3.755.129.469.316	4.018.653.028.298
- Giá vốn từ hoạt động khai thác cảng và dịch vụ cảng	4.572.194.678.506	5.498.663.963.025
- Giá vốn cho thuê văn phòng, khai thác	238.909.845.368	197.511.530.404
- Giá vốn dịch vụ khác	52.616.072.959	46.613.670.580
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	14.242.688.103	20.900.662.465
Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK	(1.445.698.150)	(15.497.751.504)
	10.412.004.593.703	10.366.739.899.882

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	472.748.962.576	326.842.207.128
Lãi bán các khoản đầu tư	15.732.043.260	1.690.521.012
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.637.740.510	40.373.180.582
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	84.192.445.157	145.759.558.063
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	43.330.914.952	29.305.889.402
Các doanh thu tài chính khác	8.968.181.020	4.688.281.371
	664.610.287.475	548.659.637.558

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	202.077.736.231	375.639.793.526
Chi phí/Lỗ bán cổ phiếu, thanh lý các khoản đầu tư tài chính	369.359.063	3.041.348.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.497.145.002	70.419.188.633
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.626.432.665	51.483.792.621
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(679.881.836)	(175.798.549)
Chi phí hoạt động tài chính khác	663.003.396	1.554.506.661
	257.553.794.521	501.962.831.162

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.217.709.003	10.098.596.409
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.464.483	242.026.908
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.636.380.153	96.857.022.394
Chi phí khác bằng tiền	27.956.868.003	48.493.369.110
	138.049.421.642	155.691.014.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	20.327.148.428	24.329.945.168
Chi phí nhân công	715.362.670.351	663.343.161.427
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	14.809.755.188	9.712.693.149
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	38.042.833.962	41.711.406.833
Thuế, phí và lệ phí	20.458.207.690	28.354.078.816
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(125.900.175.920)	221.893.858.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.851.889.358	92.712.114.961
Chi phí bằng tiền khác	270.541.664.838	244.912.589.134
	1.045.493.993.895	1.326.969.848.006

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	83.566.105.871	203.977.536.300
Lãi vay được xóa, cơ cấu nợ vay	189.124.024.198	154.937.584.566
Thu nhập từ tiền bồi thường & bảo hiểm	146.967.972.979	14.149.208.045
Các khoản khác	65.188.782.790	36.204.117.116
	484.846.885.838	409.268.446.027

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	167.353.247	147.334.889
Chi phí khấu hao, lãi vay và chi phí khác dự án Nhà máy đóng tàu Hậu Giang	16.483.984.103	17.224.184.033
Chi phí khắc phục sự cố do tài sản tồn thất	50.884.282.739	-
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	14.889.819.310	809.192.222
Các khoản khác	56.771.188.576	52.492.783.635
	139.196.627.975	70.673.494.779

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.162.313.199.317	1.832.183.773.196
Lợi nhuận/ (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.162.313.199.317	1.832.183.773.196
Số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	1.200.588.000	1.200.588.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	968	1.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng	1.842.028.813.008	1.984.805.013.185
Chi phí nhân công	2.543.469.907.819	2.502.868.196.315
Khấu hao tài sản cố định và máy thi công	1.317.079.959.847	1.313.561.439.040
Thuế, phí và lệ phí	34.830.653.289	56.062.498.484
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(122.296.295.451)	219.227.863.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.819.051.120.885	4.680.237.166.961
Chi phí khác bằng tiền	800.877.608.655	486.503.031.196
	10.235.041.768.052	11.243.265.208.799

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC****37.1 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Năm 2023

	Hoạt động dịch vụ vận tải	Hoạt động dịch vụ cảng biển	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Hoạt động khác	Tổng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.227.318.172.054	6.397.235.561.525	290.119.839.771	1.900.345.897.147	12.815.019.470.497	-	12.815.019.470.497
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	472.188.702.738	1.825.040.883.019	51.209.994.403	54.575.296.634	2.403.014.876.794	-	2.403.014.876.794
Tổng chi phí mua tài sản cố định	50.226.321.341	741.864.530.488		4.932.489.498	797.023.341.327	-	797.023.341.327
Tài sản bộ phận	8.154.112.700.198	17.596.084.687.118	707.159.212.468	1.251.465.152.473	27.708.821.752.257	(171.358.135.762)	27.537.463.616.495
Tổng tài sản	8.154.112.700.198	17.596.084.687.118	707.159.212.468	1.251.465.152.473	27.708.821.752.257	(171.358.135.762)	27.537.463.616.495
Nợ phải trả của các bộ phận	5.948.316.211.801	5.339.293.984.331	411.580.192.642	599.831.296.902	12.299.021.685.676	(130.061.875.977)	12.168.959.809.699
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	5.948.316.211.801	5.339.293.984.331	411.580.192.642	599.831.296.902	12.299.021.685.676	(130.061.875.977)	12.168.959.809.699

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 09 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37.1 BẢO CÁO BỘ PHẬN**

Năm 2022	Hoạt động dịch vụ vận tải	Hoạt động dịch vụ cảng biển	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Hoạt động khác	Tổng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.850.420.930.960	7.468.000.628.287	315.434.877.929	709.142.532.709	14.342.998.969.885	-	14.342.998.969.885
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.831.767.902.662	1.970.023.943.866	117.236.068.921	57.231.154.554	3.976.259.070.003	-	3.976.259.070.003
Tổng chi phí mua tài sản cố định	173.460.186.288	703.824.601.919	62.816.789.374	24.052.550.256	964.154.127.837	-	964.154.127.837
Tài sản bộ phận	4.158.961.374.100	17.325.309.246.102	4.155.700.139.839	1.471.627.630.924	27.111.598.390.965	(172.598.871.897)	26.938.999.519.068
Tổng tài sản	4.158.961.374.100	17.325.309.246.102	4.155.700.139.839	1.471.627.630.924	27.111.598.390.965	(172.598.871.897)	26.938.999.519.068
Nợ phải trả của các bộ phận	4.648.832.525.349	5.649.650.649.123	2.048.175.758.085	649.834.937.937	12.996.493.870.494	(134.536.501.181)	12.861.957.369.313
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	4.648.832.525.349	5.649.650.649.123	2.048.175.758.085	649.834.937.937	12.996.493.870.494	(134.536.501.181)	12.861.957.369.313

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN****Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng		213.582.793.877	168.374.682.627
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Công ty liên kết	1.245.443.797	927.640.695
Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	408.861.905	76.714.997
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	1.074.654.491	525.238.000
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	Công ty liên kết	8.275.420.726	13.729.067.836
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	Công ty liên kết	3.272.727	24.814.814
Công ty Cổ phần HPH Logistic	Công ty liên kết	9.162.183.125	8.787.118.164
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên kết	1.127.278.926	143.720.000
Công ty Cổ phần Đại lý tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	7.953.576.665	10.897.418.024
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	282.997.817	211.000.000
Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA (SSIT)	Công ty liên kết	77.301.790.830	74.550.146.400
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	3.834.237.863	5.334.926.744
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	23.002.635.638	8.515.525.355
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	6.820.244.880	5.920.944.018
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	3.225.359.785	631.462.164
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	59.110.929.540	14.836.909.091
Công ty Cổ phần hàng hải Đông đô	Công ty liên kết	1.665.659.799	-
Công ty Cổ phần cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	643.792.000	-
Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	53.334.499	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	5.135.312.752	23.262.036.325
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải	Công ty liên kết	2.160.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và thương mại Transco	Công ty liên kết	98.532.381	-
Công ty TNHH NYK Autologistics Việt Nam	Công ty liên kết	2.712.531.900	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Công ty liên kết	442.581.830	-
Mua hàng hóa		249.010.641.032	221.227.311.972
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp hàng hải	Công ty liên kết	114.169.158	97.002.000
Công ty CP Tân cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	30.091.870.400	-
Công ty Cổ phần Lai dắt và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	172.400.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	-	7.799.395.500
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	1.617.624.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Công ty liên kết	18.481.023.837	21.965.308.549
Công ty CP Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	2.477.862.904	3.240.473.048
Công ty TNHH Korea Express Cảng Sài Gòn	Công ty liên kết	4.738.148.923	7.279.892.735
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết	2.215.716.724	5.164.296.038
Công ty CP Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	1.345.896.000	486.384.000
Công ty CP Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	74.490.278.154	75.055.225.811
Công ty CP Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	81.360.715.309	64.372.225.811
Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ Quốc tế Cái Lân	Công ty liên kết	409.042.320	23.315.995.445
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty liên kết	851.686.595	785.004.831
Công ty Cổ phần hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	18.454.997.257	-
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	399.535.353	28.601.818

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Mẫu số B09 – DN/HN**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.2 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức được nhận		38.982.161.954	36.312.119.027
Công ty Cổ phần dịch vụ Vận tải & Thương mại (Transco)	Công ty liên kết	3.456.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)	Công ty liên kết	4.895.100.000	-
Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	4.000.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Lai đất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	1.375.380.000	1.360.800.000
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	1.943.924.000	2.915.886.000
Công ty Cổ phần Tàu Lai Cảng Đà Nẵng	Công ty liên kết	3.267.000.000	3.267.000.000
Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp Thị Vải	Công ty liên kết	-	4.620.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	3.975.468.000	2.981.601.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	Công ty liên kết	1.393.524.000	1.393.524.000
Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco	Công ty liên kết	180.000.000	216.000.000
Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte.,Ltd	Công ty liên kết	284.194.914	2.135.699.439
Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	Công ty liên kết	1.450.815.040	1.614.167.668
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Công ty liên kết	3.600.000.000	-
Công ty TNHH KM Cargo Services Hải Phòng	Công ty liên kết	1.879.000.000	-
Công ty Cổ phần hàng hải Sài Gòn	Đầu tư khác	218.700.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng Hải	Công ty liên kết	7.063.056.000	6.527.440.920
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Hàng hải	Công ty liên kết	-	900.000.000

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

Họ và tên	Mối quan hệ	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (VND)
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.305.463.296	1.005.848.804
Ông Nguyễn Cảnh Tinh	Thành viên HĐQT, kiêm TGĐ	1.435.076.670	1.030.641.601
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.090.282.922	1.010.112.498
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.036.082.921	1.001.472.516
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.018.900.419	963.648.452
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	987.087.356	967.696.527
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.010.387.356	1.137.808.127
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc	72.512.320	-
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	999.717.917	1.051.723.581
Bà Phan Thị Nhị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	745.057.792	893.825.454
Ông Phạm Cao Nhuệ	Thành viên Ban Kiểm soát	682.057.792	731.601.389
		10.382.626.761	9.794.378.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***37. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****37.3 THÔNG TIN KHÁC**

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

37.4 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 08/01/2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua Nghị quyết số 07/NQ-HHVN về việc phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) tại Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabrigde) – Công ty con của Tổng Công ty với nội dung chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Tổng Công ty đang sở hữu tại Vinabrigde, tỷ lệ nắm giữ sau chuyển nhượng là 0%.

Ngày 02/02/2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua Quyết định số 40/QĐ-HHVN về việc phê duyệt đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) với các nội dung: Giá trị vốn góp 1.014.550.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 99,956% vốn điều lệ của VIMC Lines, hình thức góp vốn bằng tiền và tài sản, thời điểm góp vốn: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày VIMC Lines được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngày 07/02/2024, Tổng Công ty đã thông báo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco) – Công ty liên kết của Tổng Công ty theo Thông báo số 209/TB-HHVN ngày 07/02/2024. Theo đó, toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Sesco đã được chuyển nhượng cho 02 nhà đầu tư trong nước, tỷ lệ nắm giữ sau chuyển nhượng là 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán sau khi được điều chỉnh hồi tố tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP và một số Công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, Công ty Cổ phần Phát triển hàng hải của Tổng Công ty. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
			VND	Phân loại	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.835.961.755.122	(7.486.180.040)	12.828.475.575.082
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.952.757.386.819	(7.486.180.040)	2.945.271.206.779
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	761.346.250.209	(3.237.935.443)	758.108.314.766
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(466.754.019.511)	(4.248.244.597)	(471.002.264.108)
TỔNG TÀI SẢN	270		26.946.485.699.108	(7.486.180.040)	26.938.999.519.068
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ ngắn hạn	310		8.331.224.508.820	(832.824.684)	8.330.391.684.136
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	299.257.919.334	840.000.000	300.097.919.334
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	37.268.709.248	1.533.172.928	38.801.882.176
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	1.696.732.394.948	(3.205.997.612)	1.693.526.397.336
Nợ dài hạn	330		4.529.892.860.493	1.672.824.684	4.531.565.685.177
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.402.021.845.074	1.672.824.684	2.403.694.669.758
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.085.368.329.795	(8.326.180.040)	14.077.042.149.755
Vốn chủ sở hữu	410	25	14.085.368.329.795	(8.326.180.040)	14.077.042.149.755
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(643.878.885.994)	(8.267.673.066)	(652.146.559.060)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.478.156.174.288)	(5.873.673.066)	(2.484.029.847.354)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.834.277.288.294	(2.394.000.000)	1.831.883.288.294
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.269.393.157.764	(58.506.974)	4.269.334.650.790
TỔNG NGUỒN VỐN	440		26.946.485.699.108	(7.486.180.040)	26.938.999.519.068

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Năm 2022	Điều chỉnh	Năm 2022
			Trước điều chỉnh	Phân loại	Sau điều chỉnh
			VND	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.324.303.853.106	2.665.994.900	1.326.969.848.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.716.735.375.133	(2.665.994.900)	2.714.069.380.233
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.055.330.326.381	(2.665.994.900)	3.052.664.331.481
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.540.477.797.891	(2.665.994.900)	2.537.811.802.991
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.834.849.768.096	(2.665.994.900)	1.832.183.773.196
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.528	(2)	1.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022	Điều chỉnh	Năm 2022
		Trước điều chỉnh	Phân loại	Sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01	3.055.330.326.381	(2.665.994.900)	3.052.664.331.481
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03	181.873.346.972	2.665.994.900	184.539.341.872

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT



Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC);

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY,

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của VIMC như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng công ty, một số các chỉ tiêu tài chính như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	TH 2023/ KH 2023
1. Doanh thu	2.024	2.067	102%
2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	310	357	115%

Như vậy, tổng doanh thu thực hiện và lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2023 của Công ty mẹ - Tổng công ty tăng trưởng so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

2. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, các quy định hiện hành và số dư các quỹ hiện tại của Tổng công ty (quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, ...), Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt Phương án phân phối, trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023 cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (VND)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023	357.283.201.651	
2	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(217.032.223.045)	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối (3)=(1)+(2)	140.250.978.606	
4	Trích quỹ Đầu tư phát triển	42.075.293.582	trích 30% lợi nhuận sau thuế được PP
5	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	50.673.000.000	trích 3 tháng lương bình quân thực tế của NLĐ
6	Trích quỹ thưởng người quản lý	1.176.115.000	trích 1,5 tháng lương bình quân thực tế của NQL
7	Lợi nhuận chia cổ tức bằng tiền (7)=(3)-(4)-(5)-(6)	46.326.570.024	
	Tỷ lệ chia cổ tức		
8	Lợi nhuận còn lại (8)= (3)-(4)-(5)-(6)-(7)	0	

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 xem xét, thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Tổng công ty.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT, TKTH, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Sơn

TỜ TRÌNH

Về thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 53/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC);

Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam,

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023; phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Kiểm soát (BKS) của Tổng công ty như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của HDQT, BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua

Tại Điều 6 Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của VIMC đã phê duyệt Quỹ tiền lương và quỹ thù lao kế hoạch năm 2023 như sau:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 7.104.000.000 đồng; tiền lương bình quân: 74.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 177.600.000 đồng.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

2. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

HĐQT VIMC kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS như sau:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 7.403.744.064 đồng; tiền lương bình quân: 77.122.334 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 185.093.602 đồng.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

3. Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS

HĐQT VIMC kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS như sau:

Tách khoản thu nhập do ghi nhận tăng giá trị định giá lại tài sản góp vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty vào Công ty VIMC Lines là 452 tỷ đồng. Lợi nhuận kế hoạch năm 2024 sau khi tách khoản thu nhập trên là 483 tỷ đồng, trong khung lợi nhuận từ 300 tỷ đồng - 700 tỷ đồng, tiền lương bình quân kế hoạch của HĐQT và BKS xác định là 90 triệu đồng/người/tháng.

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 8.640.000.000 đồng; tiền lương bình quân: 90.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 216.000.000 đồng.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TCNS, TKTH, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Sơn

TỜ TRÌNH

**Về việc cập nhật Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) đã được phê duyệt,

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 và một số định hướng phát triển của VIMC như sau:

I. Cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025

Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, Tổng công ty phát sinh một số thay đổi liên quan đến mô hình tổ chức và quan hệ sở hữu của VIMC, cụ thể là công tác đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp và tỷ lệ

sở hữu của VIMC tại các doanh nghiệp có vốn góp. Nội dung chi tiết cập nhật vào Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Đầu tư góp vốn thành lập công ty liên doanh giữa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và Công ty Aries Energy Corporation - Hy Lạp

a. Sự cần thiết thành lập Công ty liên doanh

VIMC hiện đang quản lý và khai thác 60 tàu với tổng trọng tải 1,3 triệu DWT, độ tuổi trung bình 20 tuổi. Do đội tàu có độ tuổi trung bình cao nên việc tìm nguồn hàng vận chuyển khó khăn hơn các tàu trẻ, chi phí sửa chữa, bảo quản, bảo dưỡng cao, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Về công tác thị trường, đa phần các doanh nghiệp chưa phát triển được nhiều hợp đồng COA, tuyến ổn định, chủ yếu khai thác tàu từng chuyến, ngắn hạn.

Việc đầu tư tàu gặp vướng mắc về quy trình thủ tục đầu tư mua bán theo Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 và Nghị định số 86/2020/NĐ-CP ngày 23/7/2020 sửa đổi, quy định việc đầu tư đóng mới, mua tàu cũ phải thực hiện thông qua hình thức đấu thầu, không phù hợp với thông lệ hàng hải quốc tế là chào hàng cạnh tranh thông qua các kênh môi giới. Vì vậy, trong thời gian vừa qua, VIMC và các đơn vị thành viên gặp khó khăn trong việc đầu tư, phát triển đội tàu.

Mặt khác, đội tàu của VIMC nhiều tuổi khó đáp ứng các yêu cầu của Phụ lục VI Công ước Marpol về kiểm soát khí phát thải theo chương trình kiểm soát phát thải nhiên liệu EEXI và chỉ số cường độ cacbon CII.

Để mở thêm cơ hội cho việc phát triển các hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải biển, VIMC đã và đang thường xuyên tăng cường đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng nguồn lực của các đối tác (đặc biệt là các đối tác lớn, có tiềm lực) để đầu tư, nâng cao năng lực kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực cốt lõi bao gồm cảng biển, vận tải biển, dịch vụ hàng hải. Qua đó, VIMC sẽ có cơ hội mở rộng thị trường vận chuyển, tiếp cận các nguồn hàng phong phú từ nước ngoài, tăng cường mối quan hệ với các nhà thương mại, tận dụng nguồn lực tài chính bên ngoài để thực hiện đầu tư tàu trong tương lai.

Trên cơ sở lợi thế của VIMC, việc thành lập liên doanh hoạt động trong lĩnh vực: môi giới khai thác tàu, cung ứng thuyền viên, khai thác tàu, quản lý tàu, đầu tư sở hữu tàu, ... sẽ mở thêm cơ hội cho việc phát triển các hoạt động dịch vụ của VIMC, thực hiện mục tiêu phát triển đội tàu trong dài hạn, phù hợp với Chiến lược phát triển của VIMC trong giai đoạn tới và cần thiết trong thời gian hiện nay.

b. Thành lập Công ty liên doanh

b1. Tên gọi doanh nghiệp

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES.

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VIMC - ARIES SHIPPING SERVICE CO.LTD.

- Tên viết tắt: VASC.

b2. Địa chỉ trụ sở chính

Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

b3. Loại hình doanh nghiệp

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên.

- Công ty là một pháp nhân độc lập, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b4. Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa.

- Dịch vụ kho bãi, logistics.

- Dịch vụ vận tải biển, môi giới thuyền viên.

- Các vụ dịch vụ khác, chi tiết: Dịch vụ kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, giám định hàng hóa, dịch vụ chuẩn bị chứng từ hàng hải.

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ thuế kinh doanh).

b5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

- Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập: 200.000 USD (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đô la Mỹ), tương đương 4.844.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

- Cơ cấu vốn điều lệ:

Thành viên góp vốn	Giá trị phần vốn góp	Tỷ lệ phần vốn góp
VIMC	102.000 USD	51%
Đối tác	98.000 USD	49%
Tổng cộng	200.000 USD	100%

b6. Bộ máy tổ chức:

Trên cơ sở dự kiến giai đoạn đầu sau khi thành lập, Công ty sẽ tập trung vào hoạt động môi giới tàu biển, bộ máy tổ chức và nhân sự gọn nhẹ, linh hoạt bao gồm 05 người:

- Chủ tịch công ty

- Giám đốc

- Trưởng phòng Kinh doanh

- Nhân viên tổng hợp

- Nhân viên kế toán

Sau khi các lĩnh vực kinh doanh khác được mở rộng, bộ máy tổ chức và nhân sự sẽ được tuyển dụng thêm cho phù hợp với thực tế.

c. Phương án hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty liên doanh
(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm).

2. Thoái vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại (Transco)

Theo Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025, đối với Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại, Tổng công ty giữ nguyên phần vốn góp tại doanh nghiệp này (tỷ lệ sở hữu là 33,49% vốn điều lệ) để duy trì, phát triển hoạt động kinh doanh vận tải biển là một trong 03 lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tổng công ty.

Tuy nhiên, tháng 11/2023, cổ đông lớn của Transco là Công ty cổ phần Transimex (Transimex) đã gom và sở hữu 54% vốn điều lệ của Transco nên Transco trở thành công ty con của Transimex. Mặt khác, cho đến nay, Transco đã bán hết tàu và dự kiến không có kế hoạch đầu tư thêm tàu trong giai đoạn tới. Vì vậy, mục tiêu của Tổng công ty là giữ nguyên phần vốn góp tại Transco để kết nối với đội tàu của Tổng công ty theo Chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn tới là không còn phù hợp.

Tổng công ty đề xuất bổ sung vào Kế hoạch thoái vốn năm 2024 và giai đoạn 2021-2025 thực hiện thoái toàn bộ vốn góp của Tổng công ty tại Transco.

3. Một số dự án ĐTXD các ICD/Depot tại các khu vực kinh tế trọng điểm

Theo chiến lược phát triển của VIMC giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2035, VIMC chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng hoặc hợp tác với các đối tác để đầu tư, triển khai các dự án ICD, Depot, trung tâm phân phối, trung tâm logistics...; tăng cường hợp tác đầu tư phát triển hệ thống kho tại các vùng kinh tế trọng điểm tại miền Bắc, Trung, Nam. Triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2025, VIMC và các đối tác đang nghiên cứu để đầu tư/ góp vốn đầu tư để đầu tư xây dựng các ICD, cảng thủy nội địa tại khu vực Hải Dương, Bắc Ninh, Cái Mép Hạ nhằm cung cấp các dịch vụ phân phối và dịch vụ logistics giá trị gia tăng tại khu vực cảng. Cụ thể:

3.1. Dự án ĐTXD trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang phục vụ cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp khu vực huyện Ninh Giang và lân cận, góp phần phục vụ phát triển kinh tế xã hội khu vực huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương và vùng phụ cận.

- Thời hạn hoạt động dự án: 50 năm.

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.394 tỷ đồng

Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: 760 tỷ đồng

Tổng mức đầu tư giai đoạn 2: 634 tỷ đồng

- Nguồn vốn đầu tư

+ Vốn tự có: 30% tổng mức đầu tư

+ Vốn vay: 70% tổng mức đầu tư

3.2. Góp vốn đầu tư để thực hiện Dự án Cảng tổng hợp và container Cái Mép Hạ

- Tên dự án: Dự án Cảng Tổng hợp và Container Cái Mép Hạ

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 15.077 tỷ đồng

- Thời hạn hoạt động dự án: 50 năm

- Nguồn vốn đầu tư

+ Vốn tự có: 30% tổng mức đầu tư

+ Vốn vay: 70% tổng mức đầu tư

- Dự kiến hình thức VIMC tham gia đầu tư Dự án: Để đáp ứng nguồn vốn đầu tư Dự án, dự kiến VIMC cùng đối tác tham gia góp vốn để đầu tư phát triển Dự án. Trong đó, VIMC nắm giữ 25% vốn điều lệ, dự kiến giá trị góp vốn là 1.131 tỷ đồng.

3.3 Góp vốn thành lập Liên doanh để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng logistics tại Bắc Ninh (ICD Bắc Ninh)

Tổng công ty góp vốn với đối tác để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng logistics tại Bắc Ninh. Trong đó:

- Tổng mức đầu tư Dự án là 22.162.208 USD.

- Giá trị phần vốn góp của VIMC chiếm 45% tổng mức đầu tư (9.972.994 USD tương đương với 244,3 tỷ đồng).

Những nội dung cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 nêu trên sẽ được cập nhật vào Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 của VIMC để triển khai thực hiện.

II. Một số định hướng phát triển của VIMC giai đoạn 2021-2025

1. Định hướng ngành nghề kinh doanh: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tiếp tục tập trung hoạt động trong 03 lĩnh vực kinh doanh chính: cảng biển, vận tải biển và dịch vụ logistics.

2. Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh: Phát triển hệ sinh thái tích hợp, kết nối hoạt động cảng biển - vận tải biển - dịch vụ logistics trong đó, cảng biển phát huy tối đa vai trò là trụ cột, đòn bẩy, động lực chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc của VIMC.

3. Định hướng hoạt động đầu tư: Phát triển các cảng cho tàu trọng tải lớn, cảng trung chuyển quốc tế, hình thành các trung tâm logistics lớn của VIMC;

Phát triển đội tàu thế hệ mới với công nghệ hiện đại, tính năng kỹ thuật tốt, thân thiện với môi trường; mở rộng phát triển đội tàu container.

4. Định hướng hoạt động tài chính: Huy động nguồn lực cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư phát triển thông qua việc tái cơ cấu tài chính, sử dụng nhiều hình thức huy động vốn, đa dạng hóa các nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu nguồn vốn.

5. Định hướng hoạt động tái cơ cấu (thông qua tái cấu trúc, sắp xếp lại các doanh nghiệp, nguồn nhân lực, tài chính, quản trị doanh nghiệp, công nghệ) nhằm mục đích huy động hiệu quả nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển.

(Chi tiết Định hướng phát triển của Tổng công ty tại Phụ lục 02 đính kèm).

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 với một số nội dung: (i) VIMC đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES; (ii) VIMC thực hiện thoái vốn toàn bộ tại Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại; (iii) Một số dự án ĐTXD các ICD/Depot tại các khu vực kinh tế trọng điểm để Tổng công ty triển khai thực hiện.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, TKTH, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



The stamp is circular and red, containing the following text: "M.S.D.N: 0100104595 - C.T.Đ. TP. H. Q. ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI" around the perimeter, and "TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP" in the center. A blue ink signature is written over the stamp.

Lê Anh Sơn



PHỤ LỤC 01. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIMC - ARIES

1. Định hướng kinh doanh

Định hướng kinh doanh của Công ty liên doanh thể hiện ở các giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1 (2024 - 2025): Tập trung vào hoạt động môi giới tàu biển;
- Giai đoạn 2 (từ 2026 trở đi): Tiếp tục mở rộng các hoạt động liên quan đến thuyền viên, quản lý/ thuê tàu;
- Giai đoạn 3: (sau năm 2028) Mở rộng sang các lĩnh vực kho bãi, mua tàu, đầu tư sở hữu tàu, vận tải Ro – Ro, các dự án về tiết kiệm năng lượng, ...

2. Kế hoạch đầu tư

Trong giai đoạn từ năm 2024 - 2025, Công ty tập trung vào hoạt động môi giới tàu biển, thuyền viên. Vì vậy, trong giai đoạn đầu hoạt động, Công ty không thực hiện các dự án đầu tư lớn.

Các giai đoạn sau, đặc biệt từ giai đoạn 3 trở đi, Công ty sẽ căn cứ vào tình hình thị trường, tiềm năng phát triển và khả năng huy động vốn từ các bên góp vốn, tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế để thực hiện đầu tư mở rộng sang các lĩnh vực kho bãi, đầu tư/mua tàu, vận tải Ro - Ro, các dự án về tiết kiệm năng lượng, ...

3. Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh

Dự kiến doanh thu giai đoạn 2024 - 2030

Đơn vị tính: USD

Năm	Doanh thu	Môi giới tàu	Môi giới thuyền viên	Thuê tàu khai thác	Tổng cộng
Năm 2024		112.500	15.000		127.500
Năm 2025		123.750	16.500		140.250
Năm 2026		136.125	18.150	90.000	244.275
Năm 2027		149.738	19.965	99.000	268.703
Năm 2028		164.711	21.962	108.900	295.573
Năm 2029		181.182	24.158	119.790	325.130
Năm 2030		199.301	26.573	131.769	357.643

Dự kiến chi phí giai đoạn 2024 - 2030

Đơn vị tính: USD

Chi phí Năm	Thuê văn phòng	Set up văn phòng	Chi phí nhân công	Đi lại tiếp khách	Chi phí khác	Tổng cộng
Năm 2024	7.200	3.333	63.600	35.000	7.500	116.633
Năm 2025	7.560	3.333	66.780	36.750	7.875	122.298
Năm 2026	12.000	3.334	118.800	45.000	8.269	187.403
Năm 2027	12.600		124.740	47.250	8.682	193.272
Năm 2028	13.230		130.977	49.613	9.116	202.936
Năm 2029	13.892		137.526	52.093	9.572	213.083
Năm 2030	14.586		144.402	54.698	10.051	223.737

Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2024 - 2030

Đơn vị tính: USD

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1. Doanh thu	127.500	140.250	244.275	268.703	295.573	325.130	357.643
2. Chi phí	116.633	122.298	187.403	193.272	202.936	213.083	223.737
3. Lợi nhuận trước thuế	10.867	17.952	56.872	75.430	92.637	112.047	133.906
4. Lợi nhuận sau thuế	8.694	14.362	45.498	60.344	74.110	89.638	107.125

4. Đánh giá hiệu quả đầu tư vốn

Các chỉ tiêu tài chính của Dự án thành lập Công ty liên doanh trong giai đoạn 2024 - 2030 như sau: IRR 17,0%; NPV 2.755 triệu đồng; thời gian hoàn vốn đầu tư của Liên doanh là 04 năm 09 tháng.

Về thời gian hoàn vốn đầu tư của các thành viên góp vốn: trong giai đoạn 2024 - 2030, với hiệu quả sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận cho các bên thì đến 2030, các bên sẽ thu hồi 55% vốn đầu tư vào Công ty liên doanh (tương đương 110.000 USD).

Từ những phân tích nêu trên, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cho các nhà đầu tư. Đồng thời, hiệu quả mà liên doanh mang lại cho VIMC không chỉ là về lợi nhuận được chia hàng năm mà còn đến từ việc hỗ trợ hoạt động cho VIMC và các doanh nghiệp thành viên, đặc biệt là trong công tác phát triển đội tàu trong dài hạn.

- Khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu: Giai đoạn đến năm 2030, nghiên cứu tham gia đầu tư phát triển cảng cho tàu trọng tải lớn tại khu vực Cái Mép Hạ, đầu tư bến tàu khách.

- Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng Cảng Cái Cui, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Cảng VIMC Hậu Giang giai đoạn II.

2.3 Lĩnh vực dịch vụ hàng hải:

Phát triển cơ sở hạ tầng hoặc hợp tác với các đối tác để đầu tư, triển khai các dự án ICD, Depot, trung tâm phân phối, trung tâm logistics, ... tại các khu vực Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn, TP. HCM, ĐBSCL nhằm kết nối với hệ thống cảng biển hiện có, kéo dài chuỗi cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

Dự kiến đến năm 2025, hệ thống cơ sở hạ tầng logistics gồm: kho, bãi, trung tâm phân phối hàng hoá, đội xe vận tải bộ, sà lan với tổng diện tích kho, bãi khoảng 750.000 m², đội xe gồm 175 chiếc, sà lan từ 5-10 chiếc cỡ từ 64 teus đến 300 teus.

3. Định hướng về mô hình tổ chức và quan hệ sở hữu

VIMC thực hiện sắp xếp, thoái vốn, chuyển đổi, thành lập mới các doanh nghiệp như sau:

- Chấm dứt hoạt động đối với 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc.
- Thoái giảm vốn hoặc phát hành thêm cổ phiếu để giảm tỷ lệ vốn góp của VIMC tại 07 doanh nghiệp thành viên.
- Thoái vốn toàn bộ, thu gọn đầu mối tại 09 doanh nghiệp thành viên.
- Chuyển thành công ty cổ phần đối với 04 doanh nghiệp.
- Thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC trên cơ sở các nguồn lực hiện có và huy động nguồn vốn từ các cổ đông bên ngoài, nhằm phát triển đội tàu container, phát triển thương hiệu logistics tích hợp.
- Thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES hoạt động trong lĩnh vực: môi giới khai thác tàu, cung ứng thuyền viên, khai thác tàu, quản lý tàu, đầu tư sở hữu tàu, ... để phát triển các hoạt động dịch vụ của VIMC, thực hiện mục tiêu phát triển đội tàu trong dài hạn, phù hợp với Chiến lược phát triển của VIMC trong giai đoạn tới.
- Nghiên cứu việc thành lập một số chi nhánh/văn phòng đại diện tại nước ngoài; thành lập một công ty cổ phần do VIMC góp vốn với tỷ lệ chi phối để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng logistics, ICD, depot, trung tâm phân phối hàng hóa, ... nhằm triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển lĩnh vực dịch vụ hàng hải của VIMC giai đoạn 2021-2025.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục phá sản đối với 02 doanh nghiệp.

Sau thoái vốn, giảm vốn và thành lập, sắp xếp lại doanh nghiệp, số lượng các doanh nghiệp có vốn góp của VIMC giảm từ 35 đầu mối (34 doanh nghiệp và 01 khoản đầu tư, không tính các doanh nghiệp đang thực hiện giải thể, phá sản) xuống

còn 27 doanh nghiệp, trong đó, công ty con giảm từ 19 xuống còn 14 doanh nghiệp; công ty liên kết và các khoản đầu tư khác giảm từ 16 xuống còn 13 doanh nghiệp. Số lượng các đơn vị HTPT của VIMC giảm từ 07 đơn vị xuống còn 03 đơn vị.

4. Định hướng về quản trị tài chính, nguồn vốn, tài sản

- Quản trị tốt dòng tiền, phân bổ nguồn tiền, đảm bảo đầy đủ nguồn vốn, sử dụng nhiều hình thức huy động vốn, đa dạng hóa các nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư trọng điểm của VIMC.

- Tiếp tục tái cơ cấu tài chính, xử lý tài sản gắn với tái cơ cấu các khoản vay VDB tại Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên, xử lý dứt điểm các khoản nợ xấu của các doanh nghiệp nhằm lành mạnh hóa tình hình tài chính.

- Tăng vốn điều lệ của VIMC để thu hút nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của VIMC (đầu tư phát triển cảng cho tàu trọng tải lớn, đầu tư phát triển đội tàu, đầu tư tăng vốn tại các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, ...).

5. Định hướng về đổi mới quản trị doanh nghiệp

- Nghiên cứu, áp dụng các chính sách quản trị tiên tiến, hiện đại phù hợp đối với mô hình công ty mẹ - công ty con. Tiếp tục hoàn thiện và triển khai hệ thống quản trị tiên tiến theo các chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

- Thực hiện một hệ thống trong toàn Tổng công ty, hệ thống quy trình tiêu chuẩn được số hóa, tinh gọn và cải tiến liên tục nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất và tạo môi trường kinh doanh linh hoạt, tự chủ.

- Thực hiện chuyển đổi số thông qua ứng dụng CNTT một cách triệt để trong toàn Tổng công ty, đối với vận hành khai thác cũng như quản trị doanh nghiệp.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp VIMC hướng tới khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm; tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả dựa trên sự hài lòng của khách hàng.

6. Định hướng về phát triển nguồn nhân lực

- Cơ cấu, sắp xếp đội ngũ cán bộ theo vị trí công việc, khung năng lực, nâng cao năng suất, chất lượng lao động, hợp lý về cơ cấu lao động.

- Chuẩn hóa các quy trình tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, ... theo nguyên tắc thị trường, trọng dụng người tài; đảm bảo thu nhập cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân người lao động.

- Xây dựng đội ngũ Tâm - Tài - Đức với phương châm tổ chức vì cá nhân và cá nhân cống hiến cho tổ chức.

- Xây dựng nguồn cán bộ kế cận và cán bộ cấp chiến lược; gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí công việc.

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của VIMC như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Môi trường hoạt động năm 2023

Năm 2023, Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên (DNTV) hoạt động trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới khi tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu suy giảm, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị và phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan, ...

Thị trường tàu hàng khô diễn biến không thuận lợi do nhu cầu vận tải các mặt hàng chính như than, quặng, clinker, ngũ cốc, ... suy giảm, đặc biệt tại các phân khúc Supramax, Handysize. Trước những nguy cơ về suy thoái kinh tế toàn cầu, cuộc xung đột Nga - Ukraine, sự hồi phục của thị trường Trung Quốc chưa đạt kỳ vọng, ... chỉ số BDI có những thời điểm giảm xuống mức rất thấp, dao động ở mức 500 điểm (mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020).

Thị trường vận tải container chứng kiến sự suy giảm rất mạnh trong năm 2023 khi chỉ số World Container Index (WCI) giảm liên tục, thậm chí có thời điểm giảm

tới trên 60% so với cùng kỳ năm 2022. Sản xuất công nghiệp toàn cầu và lưu lượng vận chuyển hàng hóa bằng container vẫn ở tình trạng ảm đạm và chưa có dấu hiệu phục hồi. Sức mua tại các thị trường lớn như Mỹ, Châu Âu ở mức thấp, với lượng hàng tồn kho cao, khiến nhu cầu nhập khẩu rất hạn chế.

Thị trường vận tải tàu dầu diễn biến khá ổn định nhờ nhu cầu hình thành các tuyến vận tải mới trước áp lực của các nước như Mỹ, EU đối với việc nhập khẩu dầu của Nga. Ngoài ra, giá cước ổn định cũng là nhờ lượng cung tàu dầu ở mức thấp, đặc biệt là gam MR, giúp duy trì giá cước.

Đối với hệ thống cảng biển của VIMC, áp lực cạnh tranh ngày một lớn. Các cảng biển tư nhân liên tục ra đời, với sự linh hoạt rất cao trong chính sách giá, có lợi thế tuyệt đối trong công tác phát triển thị trường, tiếp thị khách hàng. Bên cạnh đó, trước tình hình khó khăn chung, bản thân các hãng tàu cũng buộc phải cắt giảm chi phí, tạo áp lực lên doanh thu bốc xếp tại các cảng.

Các doanh nghiệp dịch vụ logistics gặp nhiều khó khăn ở cả khía cạnh chi phí vận hành (giá xăng dầu, giá điện, ...), và đầu ra khi nhiều doanh nghiệp xuất khẩu thiếu đơn hàng, làm giảm luồng vận chuyển hàng hóa giữa nhà xưởng và ga, cảng, cửa khẩu.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh TH2023/ TH2022	So sánh TH2023/ KH2023
I	HỢP NHẤT						
1	Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	21,8	17,8	20,8	95%	117%
2	Sản lượng hàng thông qua cảng	Triệu tấn	124	134,7	114,8	93%	85%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	15.301	13.354	13.964	91%	105%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.055	2.331	2.126	70%	91%
II	CÔNG TY MẸ						
1	Sản lượng vận tải biển	Triệu tấn	5,6	4,1	5,6	100%	137%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.417	2.024	2.067	86%	102%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	653	310	357	55%	115%

a. Khối cảng biển

Sản lượng toàn khối cảng biển VIMC giảm 16% so với kế hoạch do chịu ảnh hưởng chung bởi tình hình kinh tế thế giới không thuận lợi, nhu cầu tiêu dùng yếu đặc biệt tại hai thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là Mỹ và Châu Âu.

Doanh thu khối cảng biển đạt 6.506 tỷ đồng, giảm 6% so với kế hoạch, giảm chủ yếu ở doanh thu của cảng Sài Gòn (giảm 215 tỷ đồng) và cảng Quy Nhơn (giảm 310 tỷ đồng), nguyên nhân do giảm sản lượng khai thác tại các cảng dẫn

đến doanh thu bốc xếp, doanh thu cầu bến giảm tương ứng, một số cảng đang thực hiện hoạt động đầu tư, nâng cấp.

Đề thúc đẩy và nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ tại các doanh nghiệp cảng biển, VIMC đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; hướng đến xây dựng hệ thống cảng thông minh, hiện đại, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động. Trong năm 2023, đã thu hút thêm được 12 tuyến dịch vụ về Cảng Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng, Quy Nhơn, SSIT, CMIT, VIMC Đình Vũ.

b. Khối vận tải biển

Hoạt động của đội tàu hàng khô và đội tàu container gặp rất nhiều khó khăn khi thị trường giảm sút. Đội tàu của Tổng công ty đa phần đã nhiều tuổi, size tàu và tính năng lạc hậu, tình trạng kỹ thuật kém, ... làm tăng chi phí sửa chữa; chi phí vật tư, phụ tùng, ... Năng lực đội tàu hàng năm giảm dần về cả số lượng và chất lượng. Việc đầu tư phát triển đội tàu gặp nhiều khó khăn về thủ tục cũng như khó khăn về thu xếp nguồn vốn đầu tư.

Doanh thu khối vận tải biển đạt 6.725 tỷ đồng (bao gồm cả doanh thu Công ty mẹ), tăng 1.602 tỷ đồng tương đương tăng 31% so với kế hoạch.

Trong tình hình thị trường diễn biến khó khăn, VIMC và các DNTV đã không ngừng tìm kiếm nhiều giải pháp mới để bù đắp sự sụt giảm của thị trường. Vosco, VLC, Vinaship đã nỗ lực triển khai thuê tàu ngoài vào khai thác, giúp tăng trưởng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận. Đặc biệt, Vosco còn mở rộng hoạt động thương mại nhằm tăng doanh thu, giành được quyền vận chuyển, bước đầu đem lại hiệu quả với doanh thu thương mại đạt 750 tỷ đồng.

c. Khối dịch vụ hàng hải

Một số hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống của các doanh nghiệp dịch vụ suy giảm, đặc biệt là hoạt động đại lý liner, đại lý vận tải do các hãng tàu cắt giảm hoặc tạm dừng tuyến dịch vụ, sản lượng suy giảm. Phương tiện thiết bị của nhiều đơn vị còn hạn chế nên phải thuê ngoài nhiều, làm tăng chi phí. Vị trí kho bãi không thuận lợi, cách xa trung tâm khai thác cảng, cơ chế chính sách đối với khách hàng còn thiếu linh hoạt.

Doanh thu khối dịch vụ hàng hải đạt 1.549 tỷ đồng, giảm 392 tỷ đồng tương đương giảm 20% so với kế hoạch. Ngoại trừ Vosa, CMB có doanh thu tăng, các doanh nghiệp còn lại có doanh thu giảm so với kế hoạch.

2.2 Kết quả hoạt động đầu tư năm 2023

Kế hoạch đầu tư năm 2023 là 618,8 tỷ đồng. Trong năm 2023, Công ty mẹ đã thực hiện công tác đầu tư với tổng giá trị khoảng 21,59 tỷ đồng (tương đương 3,49% kế hoạch). Kết quả thực hiện đầu tư năm 2023 thấp so với kế hoạch chủ yếu do Dự án đầu tư mua tàu và lô vỏ container cho Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) chưa thực hiện.

Các dự án đầu tư đều sử dụng vốn tự có của VIMC. Tình hình thực hiện các dự án cụ thể như sau:

2.2.1 Các dự án đang triển khai thực hiện

a. Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Dự án đầu tư xây dựng phát triển kho bãi khu vực ĐBSCL (giai đoạn 2): Đã triển khai Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ hàng hải - cảng biển Hậu Giang. Hiện đã hoàn thành phê duyệt Dự án, lựa chọn được nhà thầu thi công và dự kiến khởi công trong Quý I/2024.

b. Dự án mua sắm trang thiết bị:

- Dự án đầu tư mua vỏ container: 500 container mới loại 40HC, 500 container mới loại 20DC (dự án chuyển tiếp từ năm 2022):

VIMC đã thực hiện đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng 02 lần và đấu thầu quốc tế 01 lần, tuy nhiên không có nhà thầu nào nộp hồ sơ dự thầu.

Nhằm đáp ứng nhu cầu về sản xuất kinh doanh của Công ty Vận tải biển VIMC, ngày 31/8/2023, VIMC và Công ty cổ phần Sản xuất container Hòa Phát đã ký Hợp đồng cung cấp 25 vỏ container mới 40'HC và 25 vỏ container mới 20'DC. Số vỏ container này đã bàn giao cho Trung tâm khai thác Container - VIMC Shipping đưa vào sử dụng ngày 15/10/2023.

Ngày 11/12/2023, VIMC đã ban hành Quyết định số 414/QĐ-HHVN phê duyệt dự toán gói thầu TB02 và TB03 thuộc Dự án đầu tư mua mới 500 vỏ container mới HC và 500 vỏ container mới 20 DC với giá trị là 87,7 tỷ đồng. VIMC đã thực hiện các thủ tục lựa chọn thầu và dự kiến bàn giao lô vỏ container trong Quý I/2024.

- Dự án đầu tư mua vỏ container: 500 container mới loại 40HC, 500 container mới loại 20DC (Dự án mới): Do chưa hoàn thành Dự án mua vỏ container chuyển tiếp nên Dự án mua vỏ container mới chưa thực hiện. Dự án này sẽ chuyển cho VIMC Lines thực hiện trong năm 2024.

- Dự án đầu tư 02 tàu container: Dự án thực hiện cho mục đích góp vốn thành lập VIMC Lines. Dự kiến, VIMC Lines sẽ đi vào hoạt động trong năm 2024 nên Dự án này sẽ chuyển cho VIMC Lines thực hiện trong năm 2024.

c. Dự án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin:

VIMC đã triển khai thực hiện được một số dự án Công nghệ thông tin chăm sóc khách hàng tập trung (CRM + Hotline), nâng cấp hạ tầng máy chủ và bảo mật Dự án công nghệ thông tin dịch vụ cảng (VIMC Port Service Hub, Dự án công nghệ thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub). Các dự án này được kéo dài trong nhiều năm và sẽ tiếp tục đưa vào kế hoạch năm 2024.

d. Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn (Dự án Tư vấn chiến lược):

Dự án đã thực hiện Hợp đồng dịch vụ rà soát và dịch Hồ sơ mời thầu sang tiếng Anh đối với gói thầu Tư vấn chiến lược với giá trị Hợp đồng là 178,2 triệu đồng. Đồng thời, thực hiện tổ chức đấu thầu và đã lựa chọn được nhà thầu, ký Hợp đồng gói thầu Tư vấn chiến lược với giá trị Hợp đồng là 31.523 triệu đồng. Hiện Dự án đang triển khai thực hiện ở Giai đoạn 1 và tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024.

e. Sửa chữa Tòa nhà Ocean Park:

VIMC đã triển khai thực hiện các hạng mục sửa chữa Tòa nhà theo kế hoạch đã được phê duyệt. Một số hạng mục sửa chữa Tòa nhà đã hoàn thành nhưng công tác thanh quyết toán với nhà thầu chưa xong. Một số hạng mục chưa hoàn thành trong năm 2023, tiếp tục chuyển tiếp thực hiện trong năm 2024. Cụ thể:

- + Cải tạo nâng cấp hệ thống Camera quan sát tòa nhà Ocean Park;
- + Hệ thống điện;
- + Cải tạo khu vệ sinh tầng 18 và thay thế trần khu vệ sinh một số tầng bị hỏng;
- + Sơn sửa khu vực hành lang công cộng và tầng hầm B1 và B2;
- + Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều hoà không khí tòa nhà Ocean Park giai đoạn II.

2.2.2 Các dự án nghiên cứu đầu tư

a. Dự án trung tâm phân phối hàng hóa tại Đồng Nai hoặc Nam Sài Gòn:

VIMC đã có Văn bản số 1070/HHVN-ĐT ngày 14/6/2023 gửi NĐDPV tại cảng Sài Gòn và Công ty CMB nghiên cứu, xây dựng “Đề án Trung tâm Logistics/ICD khu vực phía Nam”. Dự án này sẽ chuyển cho Cảng Sài Gòn nghiên cứu thực hiện nên không tiếp tục đưa vào Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty.

b. Dự án đầu tư Trung tâm logistics VIMC tại Lạch Huyện:

VIMC đã chỉ đạo Cảng Hải Phòng thực hiện Dự án kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu trữ hàng hóa (ICD Lạch Huyện) với diện tích 15-20ha. Hiện, Cảng Hải Phòng đã ký MOU với đối tác để thực hiện và đang làm thủ xin giấy phép đầu tư của UBND TP. Hải Phòng. Dự án sẽ chuyển cho Cảng Hải Phòng thực hiện nên không tiếp tục đưa vào Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty mẹ - Tổng công ty.

2.3. Công tác đầu tư vốn, thoái/giảm vốn

VIMC đã xây dựng Kế hoạch đầu tư tài sản, vốn tổng thể giai đoạn 2021-2025 để hoàn thiện Đề án tái Cơ cấu lại VIMC; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện kế hoạch đầu tư, thoái vốn năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, sau khi đủ điều kiện thực hiện theo Nghị quyết số 129/NQ-ĐHĐCĐ, VIMC đã đẩy nhanh công tác đầu tư, thoái, giảm vốn tại các doanh nghiệp. Tình hình thực hiện như sau:

a. Công tác đầu tư, tăng vốn tại các doanh nghiệp thành viên:

- Góp vốn đầu tư thành lập VIMC Lines: Hoàn thành phương án thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC; ban hành Nghị quyết về việc góp vốn đầu tư thành lập công ty; hoàn thành tổ chức ĐHCĐ lần đầu của Công ty cổ phần. Hiện đang thực hiện các thủ tục thành lập Công ty, dự kiến, VIMC Lines sẽ chính thức đi vào hoạt động trong năm 2024.

- Tăng vốn điều lệ của Cảng Hải Phòng: phối hợp với Cảng Hải Phòng triển khai phương án chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược; thẩm định giá trị tài sản để xác định giá chào bán cổ phần; đàm phán với các đối tác chiến lược để chào bán cổ phần của cảng Hải Phòng như Wanhai, PSA, ...

- Tăng vốn điều lệ của Vinaship, Cảng Cần Thơ: VIMC đã hoàn thành báo cáo các cơ quan có thẩm quyền về phương án tăng vốn điều lệ của Vinaship và chủ trương tăng vốn điều lệ của Cảng Cần Thơ.

b. Công tác thoái vốn: ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty tại 03 doanh nghiệp là: Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco), Công ty cổ phần Hàng hải Sài Gòn (SHC), Công ty TNHH Hàng công nghệ cao (Transvina).

- Thoái vốn tại Sesco, SHC: Hoàn thành thẩm định giá trị khoản đầu tư tại 02 doanh nghiệp; phê duyệt phương án chuyển nhượng, hồ sơ chào bán chứng khoán ra công chúng tại 02 doanh nghiệp và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp phép chào bán. Đã hoàn thành thoái vốn tại Sesco trong tháng 02/2024. Dự kiến tiếp tục thực hiện đấu giá SHC trong Quý II/2024.

- Thoái vốn tại Transvina: Đã hoàn thiện công tác thẩm định giá xác định giá trị phần vốn đầu tư tại Transvina. Tuy nhiên, công tác thoái vốn tại Transvina chưa thuận lợi nên VIMC điều chỉnh, chuyển tiếp sang năm 2024.

Ngoài ra, trên cơ sở đánh giá sự cần thiết, Tổng công ty đã triển khai sớm công tác thoái vốn tại Vinabridge. Hiện nay, đã hoàn thành công tác thẩm định giá và trình các cấp có thẩm quyền thông qua chủ trương chuyển nhượng vốn tại Vinabridge.

2.4. Công tác thanh lý tài sản

Hoàn thành thanh lý tài sản còn lại thuộc Dự án Vân Phong với số tiền thu là 41,5 tỷ đồng, đồng thời, giúp tiết kiệm chi phí bảo quản, trông coi tài sản và xử lý dứt điểm các tồn tại liên quan đến Dự án Vân Phong đã kéo dài từ lâu.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2024

1. Phân tích tình hình thị trường

Tình hình thế giới

Tốc độ tăng trưởng toàn cầu được dự báo giảm từ 3,5% vào năm 2022 xuống còn 3,0% vào năm 2023 và 2,9% vào năm 2024; dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế lớn như sau:

Lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm dần từ mức đỉnh 8,7% vào năm 2022 xuống 6,9% vào năm 2023 và 5,8% vào năm 2024.

Lãi suất: dự kiến Cục dự trữ liên bang (FED), Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) sẽ duy trì ở mức cao cho tới khi lạm phát được kiểm soát hoàn toàn.

Kinh tế Việt Nam

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã chính thức được Quốc hội quyết nghị. Trong đó, một trong những mục tiêu quan trọng là tăng trưởng GDP đạt khoảng 6 - 6,5%.

1.1 Lĩnh vực vận tải biển

Thị trường tàu hàng rời:

Dự báo tình hình thị trường tàu hàng rời năm 2024 sẽ không có sự chuyển biến khả quan do:

- Lạm phát cao và gia tăng ở nhiều quốc gia cùng với xung đột địa chính trị như Nga - Ukraine, phong trào hồi giáo Hamas đã và đang làm tăng gánh nặng lên nền kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Điều này trực tiếp ảnh hưởng tới nhu cầu vận chuyển hàng rời và giá cước trong năm 2024.

- Tăng trưởng nguồn cung tàu: Dự kiến số lượng tàu hàng rời sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024 khi các hãng tàu bắt đầu nhận bàn giao tàu mới sau 2 năm chờ đóng. Mặc dù trọng tải đóng mới được bàn giao cao, nhưng năm 2024, dự báo chỉ có số lượng tàu hạn chế được đem đi phá dỡ.

Thị trường tàu container:

Thị trường vận tải container năm 2024 dự kiến sẽ tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn do:

- Nguồn hàng suy giảm: Lạm phát gia tăng cũng như tốc độ phát triển kinh tế toàn cầu giảm ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của các thị trường lớn như Châu Mỹ và Châu Âu. Giá cước vận chuyển container diễn biến bấp bênh và suy giảm xuyên suốt phần lớn thời gian năm 2023 và chưa có dấu hiệu ổn định.

- Trong bối cảnh nhu cầu vận tải tăng trưởng thấp, số lượng tàu đóng mới tăng nhanh chóng, tình trạng tắc nghẽn giảm, số lượng tàu phá dỡ hạn chế thì thị trường sẽ xảy ra tình trạng dư nguồn cung tàu. Vì vậy, dự báo thị trường container sẽ tiếp tục suy giảm trong năm 2024 và không có yếu tố phục hồi khả quan nào trong bối cảnh kinh tế thế giới đang diễn biến.

Thị trường tàu dầu:

Nhu cầu đối với thị trường tàu chở dầu toàn cầu năm 2024 sẽ tiếp tục duy trì ở mức ổn định do tác động của cuộc xung đột Nga - Ukraine làm gián đoạn nguồn cung toàn cầu.

Các nước Châu Âu phụ thuộc vào dầu của Nga đã chuyển hướng sang các nguồn cung thay thế mới. Điều này dẫn tới sự chuyển dịch các tuyến thương mại hàng hải toàn cầu (gia tăng về sản lượng cũng như số dặm vận chuyển).

Số lượng tàu đặt đóng mới từ đầu năm 2023 tăng mạnh do diễn biến tốt của thị trường, tuy nhiên, những tàu đóng mới này sẽ mất thời gian dài hơn để giao bởi phần lớn các nhà máy đóng tàu hiện nay đang rơi vào tình trạng quá tải. Việc phá

dỡ cũng được cho là sẽ giảm trong bối cảnh giá cước vận tải biển cao như hiện nay nên số lượng tàu phá dỡ sẽ thấp hơn đáng kể so với năm ngoái.

Các yếu tố khác tác động đến thị trường vận tải biển năm 2024:

+ Phụ lục VI của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra (MARPOL) đã được IMO thông qua. Công ước mới sẽ tiếp tục tác động tới thị trường vận tải biển trong năm 2024 trong bối cảnh phần lớn đội tàu toàn cầu hiện chưa đáp ứng được nhu cầu mới về hàm lượng khí thải.

Từ năm 2024, Liên minh Châu Âu (EU) sẽ áp dụng Chương trình kiểm soát Khí thải (ETS) đối với ngành vận tải biển. Khi triển khai thực tiễn, các tàu sẽ phải trả tiền phạt cho lượng CO₂ phát thải ra khi vận tải ở vùng biển châu Âu. Yếu tố này buộc các hãng tàu phải đưa ra các giải pháp mới, hoặc tăng giá cước vận chuyển giành cho khách hàng, hoặc đưa tàu đi khai thác các tuyến vận chuyển mới.

1.2 Lĩnh vực cảng biển và dịch vụ hàng hải

Các yếu tố như hạn hán tại kênh đào Panama, những diễn biến bất ổn, căng thẳng địa chính trị giữa các quốc gia, đặc biệt tại khu vực Trung Đông với những cuộc tấn công lên các tàu thuyền thương mại liên tục leo thang ở khu vực biển Đỏ, kênh đào Suez gây ảnh hưởng đến hoạt động của các hãng tàu và có thể dẫn tới tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu (tương tự như sự kiện tàu Ever Given bị mắc kẹt tại kênh đào Suez năm 2021) đồng thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển.

Tình hình kinh doanh các hãng tàu sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, các hãng tàu liên tục phải cắt giảm, hủy chuyến để giảm mức độ dư thừa cung tàu trên thị trường, dẫn tới sản lượng qua các cảng suy giảm và không ổn định.

Các hãng tàu phải cắt giảm mạnh chi phí hoạt động (hãng tàu Cosco đã cắt giảm 37% chi phí hoạt động so với năm 2022) dẫn tới nhiều khó khăn trong quá trình đàm phán giá dịch vụ giữa các cảng và hãng tàu. Trong khi đó, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển cảng địa phương đã tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn cho các doanh nghiệp cảng biển VIMC tại tất cả các khu vực. Trong bối cảnh thị trường chung khó khăn, các cảng tư nhân thực thi nhiều chính sách giảm giá, tăng chiết khấu để lôi kéo khách hàng khiến cho thị phần bị chia sẻ, tình hình cạnh tranh về dịch vụ cảng biển ngày càng gay gắt.

Các hãng tàu có xu hướng tham gia đầu tư vào hoạt động cảng biển, ngược lại, do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, các cảng tăng cường việc mời các hãng tàu tham gia hợp tác đầu tư, khai thác cảng biển.

Xu hướng tăng size tàu nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tăng năng lực cạnh tranh, đặc biệt đối với size tàu đi châu Âu (cỡ tàu lớn nhất lên tới hơn 24.000 TEU). Điều này dẫn tới việc mất đi cơ hội đối với các cảng của VIMC như SSIT, CMIT, SP-PSA, lợi thế hoàn toàn thuộc về Gemalink.

Năng lực các doanh nghiệp khối dịch vụ hàng hải của VIMC hiện nay còn hạn chế so với các tập đoàn trong cùng lĩnh vực logistics, vận tải, ... như SNP, Viconship hay Gemadept. Hệ thống kho bãi, đội xe vận tải, hệ thống logistics vẫn

còn hạn chế nhiều mặt về năng lực và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Hoạt động đầu tư xây dựng một số dự án cảng cạn, trung tâm logistics, trung tâm phân phối hàng hóa theo kế hoạch diễn ra còn chậm hoặc chưa được triển khai thực hiện. Khả năng tiếp cận quỹ đất tại các vùng kinh tế trọng điểm gặp nhiều khó khăn vì hạn chế về quỹ đất và giá đất tăng cao.

Các giả định xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024:

- Giả định BDI: 1.300-1.500 điểm (BSI 900-1.000; BHSI 500-600)
- Tỷ giá tham chiếu USD/VND: 24.500
- Dự kiến giá nhiên liệu: VLSFO (700 USD/tấn); MGO (950 USD/tấn).

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

VIMC xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số chỉ tiêu chính như sau:

2.1 Kế hoạch Công ty mẹ - Tổng công ty

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	KH 2024/ TH 2023
Sản lượng	Triệu tấn	5,6	3,8	68%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.067	2.415	117%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	357	935	262%

(i) Sản lượng vận tải biển: 3,8 triệu tấn, giảm 32% tương đương giảm 1,8 triệu tấn so với thực hiện năm 2023, nguyên nhân do ảnh hưởng từ sự khó khăn của thị trường vận tải biển và do dự kiến bán, thanh lý tàu.

(ii) Tổng doanh thu: 2.415 tỷ đồng, tăng 348 tỷ đồng tương đương 17% so với thực hiện năm 2023. Cụ thể:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 214 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023, trong đó hoạt động vận tải biển giảm 158 tỷ đồng.

- Doanh thu tài chính tăng 287 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023, chủ yếu do:

- + Tăng giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn thành lập Công ty Vận tải biển VIMC Lines là 452 tỷ đồng.

- + Tăng thu từ thoái vốn 29 tỷ đồng tại Sesco.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia từ LNST năm 2023 của các doanh nghiệp có vốn góp, dự kiến thu trong năm 2024 là 320 tỷ đồng (giảm 97 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023 do một số doanh nghiệp có vốn góp của VIMC cần tập trung nguồn vốn triển khai các dự án trọng điểm, những dự án có tổng mức đầu tư lớn, doanh nghiệp đề xuất trích lập, tích lũy tăng quỹ đầu tư phát triển nhằm tạo nguồn vốn đối ứng, giảm áp lực vốn vay cho doanh nghiệp (như đầu tư xây dựng Cảng Lạch Huyện của Cảng Hải Phòng, Cảng Cần Giờ của Cảng Sài Gòn, Cảng Liên Chiểu của Cảng Đà Nẵng, nâng cấp mở rộng cảng của Cảng Quy Nhơn, các dự án đầu tư tàu tại Vinaship, Vosco, ...).

- Thu nhập khác là 326 tỷ đồng gồm thu nhập từ thanh lý tài sản (tàu Green), thanh lý xe và từ tái cơ cấu nợ.

(iii) Lợi nhuận trước thuế: 935 tỷ đồng, tăng 578 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023, tương đương đạt gấp 2,62 lần so với thực hiện năm 2023.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm).

2.1 Kế hoạch Hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	KH 2024/ TH 2023
1. Sản lượng				
Vận tải biển	Triệu tấn	20,8	15,9	76%
Thông qua cảng	Triệu tấn	114,8	123,6	108%
2. Doanh thu	Tỷ đồng	13.965	13.447	96%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.126	2.736	129%

Sản lượng vận tải biển: 15,9 triệu tấn (76% so với năm 2023), sản lượng năm 2024 của hầu hết các đơn vị đều dự kiến giảm do thị trường vận tải biển năm 2024 vẫn còn rất khó khăn như các nhận định thị trường đã nêu, ngoài ra các đơn vị có kế hoạch thanh lý các tàu già, khai thác kém hiệu quả, tình trạng kỹ thuật kém.

Sản lượng hàng thông qua cảng: 123,6 triệu tấn (108% so với năm 2023), sản lượng tăng chủ yếu ở: cảng Hải Phòng (tăng 2,4 triệu tấn), cảng Quy Nhơn (tăng 1,8 triệu tấn), cảng Đà Nẵng (tăng 0,8 triệu tấn), cảng Sài Gòn (tăng 0,5 triệu tấn) và nhóm cảng liên doanh (tăng 2,7 triệu tấn).

Doanh thu hợp nhất: 13.447 tỷ đồng (96% so với năm 2023). Nguyên nhân giảm chủ yếu ở khối vận tải biển, trong đó Vosco giảm 959 tỷ đồng, Bisco giảm 176 tỷ đồng chủ yếu giảm từ doanh thu khai thác.

Lợi nhuận trước thuế: 2.736 tỷ đồng (129% so với năm 2023), tăng chủ yếu từ lợi nhuận Công ty mẹ (tăng doanh thu hoạt động tài chính từ đánh giá lại tài sản góp vốn thành lập VIMC Lines khoảng 452 tỷ đồng).

3. Kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2024

3.1 Kế hoạch đầu tư Công ty mẹ - Tổng công ty

a. Các dự án chuyển tiếp từ năm 2023

(1) Về “Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn”:

Tổng mức đầu tư của Dự án điều chỉnh thành 31.701 triệu đồng. Trong năm 2023, đã thực hiện khối lượng Dự án tương đương 6.483 triệu đồng. Do Tổng công ty sẽ chi trả 80% giá trị hợp đồng gói thầu Tư vấn chiến lược và Cảng Hải Phòng chi trả 20% còn lại nên Kế hoạch chuyển tiếp sang năm 2024 của Dự án là 25.218 triệu đồng.

(2) Về các hạng mục sửa chữa tòa nhà có sự điều chỉnh về tổng mức đầu tư:

- Hạng mục 2: Hệ thống điện. Điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 2.490 triệu đồng thành 630 triệu đồng theo giá Hợp đồng đang thi công thực hiện.

- Hạng mục 3: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều hoà không khí tòa nhà Ocean Park giai đoạn II. Điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 14.950 triệu đồng thành 14.658 triệu đồng theo giá Hợp đồng đang thi công thực hiện.

b. Các dự án đầu tư mới năm 2024

(1) Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng:

Dự án Đầu tư xây dựng trung tâm Logistics, cảng thủy Ninh Giang – giai đoạn 1.

(2) Đầu tư mua sắm trang thiết bị:

- Hạng mục 1: Mua sắm 02 xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Văn phòng Tổng công ty để thay thế các xe đã thanh lý.

- Hạng mục 2: Mua sắm 01 xe ô tô dưới 9 chỗ cho Công ty Vận tải biển VIMC để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hạng mục 3: Mua 02 tàu hàng khô từ 20.000 - 50.000DWT cho Công ty Vận tải biển VIMC. Đây là dự án đầu tư tàu thực hiện theo Kế hoạch đầu tư phát triển đội tàu của Tổng công ty theo Chiến lược phát triển Tổng công ty, Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 của Tổng công ty đã được phê duyệt. Dự án này sẽ thực hiện trong năm 2024-2025. Năm 2024, sẽ thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư mua tàu và đặt cọc 10% giá trị Hợp đồng.

(3) Dự án sửa chữa tòa nhà, kho bãi::

- Hạng mục 1: Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park.

- Hạng mục 2: Thay thế thảm trải sàn phòng họp lớn tại tầng 3 Tòa nhà Ocean Park.

- Hạng mục 3: Mua sắm bổ sung thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ phòng họp lớn tầng 3 Tòa nhà Ocean Park.

- Hạng mục 4: Sửa chữa mặt bãi tại Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng.

(4) Dự án công nghệ thông tin:

- Dự án phần mềm lập Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 đính kèm).

3.2 Kế hoạch tăng vốn, góp vốn của Công ty mẹ - Tổng công ty

- Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC: Giá trị góp vốn là 1.014.550 triệu đồng, trong đó: Giá trị góp vốn bằng tài sản là 670.548 triệu đồng (bao gồm: giá trị phần vốn góp của VIMC tại VIMC Đình Vũ, Vimadeco; lô vỏ container đã đầu tư); Giá trị góp bằng tiền là 334.002 triệu đồng tương ứng vốn đối ứng đầu tư mua 01 tàu container và lô vỏ container.

- Tạm ước khoản thanh toán “Giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư” theo hợp đồng chuyển giao cổ phần Cảng Quy Nhơn với Công ty Hợp Thành khoảng 65 tỷ đồng.

- Góp vốn bổ sung vào Cảng Sài Gòn khi Cảng Sài Gòn tăng vốn để hoán đổi cổ phần với các cổ đông còn lại của Sài Gòn - Hiệp Phước, giá trị góp vốn khoảng 69,4 tỷ đồng.

- Góp vốn vào liên doanh đầu tư Dự án Cái Mép Hạ với giá trị góp vốn năm 2024 là 56,54 tỷ đồng (5% giá trị góp vốn vào liên doanh). Dự kiến Tổng mức đầu tư là 15.077 tỷ đồng, cơ cấu nguồn vốn 30% vốn tự có và 70% vốn vay. VIMC dự kiến tham gia khoảng 25% vốn góp tương đương khoảng 1.130,796 tỷ đồng, góp vốn theo tiến độ thực hiện Dự án.

- Góp vốn thành lập Liên doanh với đối tác để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng logistics tại Bắc Ninh (ICD Bắc Ninh). Về giá trị đầu tư vốn năm 2024, VIMC sẽ căn cứ vào kết quả làm việc với đối tác, xác định quy mô, cơ cấu vốn, đánh giá hiệu quả để xác định giá trị vốn đầu tư phù hợp (dự kiến tỷ lệ góp vốn là 45% vốn điều lệ).

- Góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES với Tập đoàn Aries, Hy Lạp với giá trị góp vốn là 2.499 triệu đồng (tương đương 51% vốn điều lệ).

- VIMC xây dựng phương án chuyển đổi Công ty Vận tải biển VIMC (VIMC Shipping) thành Công ty TNHH MTV. Theo đó, thành lập Công ty TNHH MTV và thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh VIMC Shipping. VIMC thực hiện góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV theo phương án chuyển đổi (dự kiến, VIMC góp vốn bằng tiền cho Công ty TNHH MTV được thành lập để tạo nguồn vốn lưu động; hoặc góp vốn bằng tiền và tài sản để đảm bảo hoạt động của Công ty sau chuyển đổi).

- VIMC nghiên cứu phương án chuyển đổi VIMC Hải Phòng thành Công ty cổ phần và thực hiện góp vốn theo phương án chuyển đổi (dự kiến góp vốn bằng tiền và tài sản để đảm bảo hoạt động của công ty sau chuyển đổi).

Đối với các dự án này, VIMC sẽ nghiên cứu, xây dựng phương án kinh doanh, góp vốn và báo cáo cấp có thẩm quyền trước khi thực hiện theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 đính kèm).

3.3 Kế hoạch đầu tư tàu và vỏ container *(Chi tiết tại Phụ lục số 04.1 và 04.2 đính kèm).*

3.4 Kế hoạch thoái vốn, giảm vốn Công ty mẹ

Căn cứ Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025, Đề án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025 của VIMC đã được phê duyệt, tình hình thị trường và kết quả xử lý các vướng mắc có liên quan, VIMC xây dựng kế hoạch thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp có vốn góp trong năm 2024 theo phụ lục đính kèm. *(Chi tiết tại Phụ lục số 05.1; 05.2 và 05.3 đính kèm).*

3.5 Kế hoạch bán/thanh lý tài sản cũ, không có nhu cầu sử dụng của Công ty mẹ - Tổng công ty

VIMC dự kiến thanh lý tài sản cũ, không có nhu cầu sử dụng hoặc kinh doanh không hiệu quả, bao gồm:

- Chi nhánh VIMC Hồ Chí Minh: thanh lý 13 tài sản cố định (08 rơ moóc, 05 xe đầu kéo).

- Chi nhánh Hải Phòng: thanh lý 01 xe ô tô cũ.

- Công ty Vận tải biển VIMC: thanh lý 05 xe ô tô đã cũ, hết khấu hao, chi phí sửa chữa lớn.

- Văn phòng VIMC: thanh lý 05 xe ô tô đã cũ, hết khấu hao, chi phí sửa chữa phát sinh nhiều.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 đính kèm).

3.6 Kế hoạch thanh lý tài *(Chi tiết tại Phụ lục số 07 đính kèm).*

4. Chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty

Thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ban Chấp hành Trung ương tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018; Chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 05 năm giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt, Tổng công ty đang và sẽ triển khai đầu tư đồng bộ các dự án đầu tư phát triển trong cả 03 lĩnh vực kinh doanh chính: hệ thống cảng biển nước sâu tại các khu vực Lạch Huyện, Liên Chiểu, Cần Giờ, ...; đầu tư phát triển đội tàu container và các cơ sở hạ tầng logistics với tổng mức đầu tư khoảng 43.196 tỷ đồng, trong đó, dự kiến giá trị giải ngân giai đoạn 2021-2025 khoảng 31.796 tỷ đồng, vốn tự có khoảng 12.246 tỷ đồng. Trong khi đó, tài sản hiện tại của VIMC chủ yếu tập trung ở tài sản cố định (đội tàu) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Dự kiến, năm 2024-2025, VIMC và các đơn vị thành viên sẽ đồng bộ triển khai các dự án lớn như: Liên Chiểu, Cần Giờ, ICD Lạch Huyện, ICD Nam Sài Gòn, ... và đầu tư phát triển đội tàu container. Vì vậy, việc tăng vốn điều lệ của VIMC là cần thiết để đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển của VIMC nhằm tận dụng cơ hội về nguồn lực để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh (đầu tư phát triển cảng cho tàu trọng tải lớn, đầu tư phát triển đội tàu, đầu tư tăng vốn tại các công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, ...), phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của VIMC.

5. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

5.1 Phát triển thị trường

- Tiếp tục tập trung nguồn lực, tận dụng tối đa lợi thế của hệ sinh thái cảng biển - vận tải biển - logistics của VIMC để cung cấp cho khách hàng những gói giải pháp tối ưu nhất với định hướng “lấy khách hàng làm trung tâm” nhằm duy trì nhóm khách hàng hiện hữu và phát triển khách hàng mới, tăng trưởng thị phần.

- Không ngừng đổi mới, đưa công tác chăm sóc khách hàng vào chiều sâu, triển khai các chương trình marketing tập trung cùng các cơ chế phù hợp để đáp ứng yêu cầu khách hàng trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, thách thức.

- Tiếp tục duy trì thường xuyên việc theo dõi sát sao diễn biến thị trường để có những quyết định kinh doanh hợp lý, hiệu quả và tăng cường kiểm soát tốt các chi phí nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả khai thác tàu. Chuẩn bị các phương án, giải pháp thích ứng với biến động của thị trường. Linh hoạt, chủ động trong việc ký các hợp đồng ngắn ngày trong kịch bản thị trường tăng trưởng mạnh nhằm tăng cước tàu, tối đa hóa hiệu quả khai thác.

- Tạo bước đột phá trong hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết để hãng tàu/khách hàng nhằm tạo nguồn hàng ổn định, phát triển thêm các service mới về hệ thống cảng VIMC. Đẩy mạnh phát triển và mở rộng các thị trường tiềm năng, hướng đến các thị trường như Tây Nguyên, tuyến Hành lang kinh tế đông tây như Lào, Campuchia nhằm tăng nguồn hàng cho hệ thống cảng biển dịch vụ.

- Đội tàu container tập trung vào duy trì vận chuyển các mặt hàng thiết yếu để tăng sản lượng xếp tàu, tạo sự ổn định về sản lượng, đảm bảo sản lượng xếp đầy tàu giữa hai chiều, điều chỉnh cơ cấu hàng phù hợp để tăng doanh thu, kiểm soát chi phí tốt để tăng hiệu quả khai thác.

- Tăng cường hoạt động cung cấp các dịch vụ ngoài bốc xếp, các dịch vụ phụ trợ (vận tải đường bộ, đường thủy, đường sắt, dịch vụ hải quan...) cho khách hàng giúp khách hàng có thêm nhiều lựa chọn cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh và sức hấp dẫn của doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa dịch vụ, tiếp tục mở rộng, phát triển dịch vụ logistics: Phát triển dịch vụ về đại lý vận chuyển, đại lý hàng hải, vận chuyển đường thủy, đường bộ...tăng cường các dịch vụ giám định, sửa chữa, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng.

- Tập trung vào định hướng phát triển hàng hai chiều đặc biệt cho đội xe vận tải, phát triển khách hàng mới để bù đắp cho sự suy giảm của thị trường đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh. Phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa để gia tăng tính cạnh tranh và tạo nguồn doanh thu ổn định.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tăng cường hợp tác song phương, đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác, tổ chức quốc tế nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, điều hành, khai thác.

5.2 Phát triển nguồn nhân lực

- Có cơ chế đột phá về thu hút nhân tài, phát triển nhân lực. Hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao đặc biệt chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, quản trị công nghệ, quản trị doanh nghiệp. Đổi mới chính sách tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài phục vụ cho đổi mới sáng tạo.

- Tiếp tục cải tiến và hoàn thiện các công cụ quản trị nhân sự, trong đó tập trung vào quản trị hiệu suất làm việc và đánh giá năng lực người lao động làm cơ sở cho công tác bố trí công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai

rộng rãi, thống nhất từ trên Cơ quan Văn phòng Tổng công ty tới các doanh nghiệp thành viên, theo chủ trương “One system” của Tổng công ty.

- Liên tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế theo hướng hiệu quả, linh hoạt, tháo gỡ các khó khăn, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp và tạo động lực cho người lao động như cải tiến quy chế quản trị lao động tiền lương đối với các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, quy chế trả lương cho khối Cơ quan Văn phòng Tổng công ty sau thời gian đưa vào triển khai áp dụng thời gian qua ..., xây dựng các quy trình tiếp nhận và quản lý thực tập sinh, ...

- Thiết kế các chương trình đãi ngộ, các chương trình phúc lợi theo hướng đa dạng hóa, ưu tiên chăm sóc sức khỏe tinh thần cho người lao động, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý trong việc phát triển và gìn giữ nhân sự và đảm bảo cân bằng công việc, cuộc sống để nâng cao hiệu suất làm việc và duy trì sự bền vững.

- Nghiên cứu và triển khai xây dựng thương hiệu tuyển dụng chuyên nghiệp, nhất quán trước mắt tại Cơ quan Văn phòng Tổng công ty sau đó triển khai rộng trên toàn hệ thống của VIMC, theo đó xây dựng định vị thương hiệu nhà tuyển dụng chuyên nghiệp để tạo dấu ấn trên thị trường và tác động tích cực đến hoạt động thu hút nhân tài của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh hoạt động học tập và đào tạo nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng của người lao động; Tiếp tục duy trì và phát huy văn hóa đào tạo huấn luyện nội bộ toàn Tổng công ty, xây dựng một đội ngũ chuyên gia đào tạo nội bộ VIMC là đội ngũ lãnh đạo của Tổng công ty và các cán bộ lãnh đạo cấp cao, cấp trung đến từ các Cơ quan văn phòng và các doanh nghiệp thành viên; Đưa vào các mô hình, phương pháp đào tạo mới theo xu hướng hiện đại: phương pháp đào tạo 70:20:10, đào tạo on job, coaching, mentoring, elearning, ...

- Đẩy mạnh công tác tạo nguồn ứng viên chất lượng cao thông qua việc tiếp tục triển khai chương trình thực tập sinh Internship mùa 2 để thu hút và phát hiện những “hạt giống” tốt cho dự án “ươm mầm tài năng” của VIMC, chuẩn bị cho nguồn nhân sự chất lượng cao 10 đến 15 năm tới; Tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo trong toàn quốc để hướng nghiệp, thu hút sinh viên giỏi, quảng bá thương hiệu tuyển dụng.

5.3 Về quản trị, điều hành

- Hoàn thiện hệ thống quản trị bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp, tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Hiện đại hoá công tác quản trị điều hành; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách thủ tục, quy trình, quy chế nội bộ theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình tạo điều kiện thuận lợi cho DNTV phát huy tối đa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường kiểm tra giám sát công tác quản lý trực tiếp trên các tàu. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các chi phí nhiên liệu, sửa chữa, phụ tùng, vật tư... phân

đầu giảm tối đa thời gian chạy ballast, thời gian chờ, đặc biệt kiểm soát off-hire do tàu không đảm bảo tốc độ, gặp các vấn đề về máy móc, cầu, hầm hàng, ...

- Hướng dẫn thuyền viên vận hành, bảo quản bảo dưỡng tàu, hỗ trợ tàu tự xử lý các khiếm khuyết trên tàu trong bối cảnh khó bố trí sửa chữa. Giám sát chặt chẽ các chi phí lên đà.

- Chủ động xây dựng kế hoạch để ứng phó với các tình huống có thể ảnh hưởng đến khai thác đội tàu do các Công ước mới có hiệu lực trước mắt là về Chỉ số hiệu quả năng lượng đối với tàu hiện có (Energy Efficiency Existing Ship Index (EEXI)) và Chỉ thị cường độ các bon (Carbon Intensity Indicator (CII)).

- Tiếp tục đàm phán tiết giảm chi phí, đơn giá với các đối tác cung ứng dịch vụ phục vụ việc quản lý và khai thác tàu như dầu nhờn, vật tư phụ tùng, bảo quản bảo dưỡng... chỉ đạo sát sao các bộ phận quản lý kỹ thuật, vật tư kiểm soát chi phí nhiên liệu, phụ tùng, vật tư, sửa chữa.

- Nâng cao năng lực cầu bến, kho bãi, thiết bị, bố trí tàu hợp lý, tổ chức khai thác hiệu quả cầu bến, thiết bị, kho bãi đảm bảo, chất lượng, an toàn, tăng năng suất xếp dỡ, giảm chi phí cho khách hàng, thúc đẩy sản lượng hàng thông qua cảng.

- Tiếp tục cải thiện quy trình khai thác, đơn giản và số hóa thủ tục giao nhận, thanh toán, áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và điều hành, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng.

- Bám sát các định mức kỹ thuật và tình trạng vật tư. Chủ động sửa chữa theo hạng mục và nâng cao công tác đánh giá, nhận định kỹ thuật để bố trí phương tiện sửa chữa kịp thời, tránh bị động và phát sinh những hư hỏng khác làm tăng chi phí và ảnh hưởng tới sản xuất.

- Tiếp tục triển khai các quy trình chuẩn SOP tác nghiệp chi tiết tại các DNTV, đồng thời báo cáo đánh giá hiệu quả SOP sau 1 năm áp dụng.

5.4 Về tài chính, đầu tư

- Triển khai đầu tư đồng bộ các dự án đầu tư phát triển trong cả 03 lĩnh vực kinh doanh chính: hệ thống cảng biển nước sâu tại các khu vực Lạch Huyện, Liên Chiểu, Cần Giờ, ... đầu tư phát triển đội tàu container và mở rộng đầu tư cơ sở hạ tầng logistics đặc biệt là hệ thống ICD/Depot tại các khu vực.

- Tập trung làm việc với VDB về tái cơ cấu nợ của Công ty mẹ và các DNTV; tiếp tục hỗ trợ các DNTV xử lý nợ tại các NHTM, SBIC, VFC;

- Quyết tâm, kiên trì công tác đàm phán tái cơ cấu tài chính cho các cảng liên doanh CICT, CMIT đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời mang lại lợi ích cao nhất cho đơn vị và cổ đông.

- Tập trung quản trị chi phí, chỉ đạo các DNTV tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn tại các đơn vị.

- Tìm kiếm các nguồn vốn để huy động vốn cho các dự án trọng điểm của các DNTV VIMC và các dự án tại Công ty mẹ.

- Để đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển của VIMC nhằm tận dụng cơ hội về nguồn lực để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh VIMC sẽ trình xin phê duyệt chủ trương tăng vốn điều lệ, giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại VIMC xuống 65% vốn điều lệ.

5.5 Về công nghệ - kỹ thuật

- Về chuyển đổi số: (1) Toàn VIMC áp dụng quy trình Marketing và Chăm sóc khách hàng được số hóa bằng hệ thống phần mềm CRM tập trung. (2) Đưa vào vận hành hệ thống Logistics Hub cho ít nhất 3 đơn vị trong hệ sinh thái gồm Cảng biển, Vận tải biển và Logistics. (3) Triển khai hệ thống quản lý kho bãi cho các đơn vị Vimadeco, VOSA, VIMC Logistics.

- Công tác đổi mới sáng tạo, Kaizen sẽ đi sâu hơn vào chất lượng và hiệu quả áp dụng các sáng kiến, đo lường và tính toán mức độ làm lợi của các sáng kiến làm căn cứ giao KPI cho các doanh nghiệp thành viên. Dự kiến phân đầu đạt 2.000 sáng kiến, trong đó 1.500 sáng kiến áp dụng thành công và đem lại giá trị kinh tế khoảng 20 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua:

(i) Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch đầu tư năm 2024 của VIMC.

(ii) Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp, thoái vốn/giảm vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của VIMC (tại Mục II.3.2 và Mục II.3.4 theo Tờ trình).

(iii) Chủ trương tăng vốn điều lệ của VIMC thông qua phát hành cổ phiếu, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của Nhà nước tại VIMC xuống 65% vốn điều lệ.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, PTTT, TKTH, TT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Anh Sơn

PHỤ LỤC SỐ 01
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY MẸ VIMC NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2023	KH 2024	KH 2024/ TH 2023
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.469	1.255	85%
2. Giá vốn hàng bán	1.381	1.158	84%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	88	97	110%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	547	834	153%
5. Chi phí tài chính	88	50	56%
6. Chi phí bán hàng	21	16	77%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	209	244	117%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	316	621	196%
9. Thu nhập khác	52	326	627%
10. Chi phí khác	11	11	104%
11. Lợi nhuận khác (11=9-10)	41	314	767%
12. Tổng doanh thu	2.067	2.415	117%
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357	935	262%



PHỤ LỤC SỐ 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TY MỆ VIMC NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Loại dự án đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian dự án	Tổng mức đầu tư	Nhóm dự án	KHĐT 2024
	TỔNG CỘNG						436.754
A	Dự án chuyển tiếp từ 2023 sang 2024						199.649
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng						
1.1	Dự án 1	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dịch vụ hàng hải Cảng biển Hậu Giang	Vốn tự có	2023-2024	63.900	C	51.600
2	Dự án mua sắm thiết bị						
2.1	Dự án 1	Dự án mua vỏ container +500 container mới loại 40'HC +500 container mới loại 20DC	Vốn tự có	2023 - 2024	122.718		88.000
3	Dự án Công nghệ thông tin						
3.1	Hạng mục 1	Công thông tin CSKH tập trung (CRM + Hotline)	Tự có	2023 - 2024	1.000		500
3.2	Hạng mục 2	Dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Tự có	2023 - 2024	15.000		9.800
3.3	Hạng mục 3	Dự án công thông tin dịch vụ Cảng (VIMC Port Service Hub)	Tự có	2023 - 2024	3.500		3.350
3.4	Hạng mục 4	Dự án công thông tin và chia sẻ nguồn lực - Logistics Hub	Tự có	2023 - 2024	5.000		4.850
4	Sửa chữa tòa nhà, kho bãi						
4.1	Hạng mục 1	Cải tạo nâng cấp hệ thống Camera quan sát toà nhà Ocean park	Tự có	2023	950		571

TT	Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Nguồn	Thời gian dự án	Tổng mức	Nhóm	KHĐT 2024
4.2	Hạng mục 2	Hệ thống điện	Tự có	2023	630		491
4.3	Hạng mục 3	Cải tạo khu vệ sinh tầng 18 và thay thế trần khu vệ sinh một số tầng bị hỏng	Vốn tự có	2023	450		268
4.4	Hạng mục 4	Sơn sửa khu vực hành lang công cộng và tầng hầm B1 và B2	Vốn tự có	2023	830		372
4.5	Hạng mục 5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều hoà không khí toà nhà Ocean Park giai đoạn II	Vốn tự có	2023	14.658		14.229
4.6	Hạng mục 6	Sửa chữa hệ thống cống 6 lần tại Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	Vốn tự có	2023-2024	550		400
5	Dự án	Chiến lược phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035: Xây dựng và triển khai các giải pháp để thực hiện tầm nhìn	Vốn tự có VIMC + Vốn tự có Cảng Hải Phòng	2023 - 2024	31.701		25.218
B	Dự án đầu tư mới						237.105
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng						
1.1	Dự án 1	Dự án ĐTXD trung tâm Logistics, cảng thủy Ninh Giang - giai đoạn 1	Vốn tự có	2023 - 2025	760.023	B	30.000
2	Sửa chữa tòa nhà, kho bãi						
2.1	Hạng mục 1	Cải tạo, lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói hành lang cho Tòa nhà Ocean Park	Vốn tự có	2024	14.355		14.355
2.2	Hạng mục 2	Thay thế thảm trải sàn phòng họp lớn tại tầng 3 toà nhà Ocean Park	Vốn tự có	2024	300		300
2.3	Hạng mục 3	Mua sắm bổ sung thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ phòng họp lớn tầng 3 toà nhà Ocean Park	Vốn tự có	2024	980		980

TT	Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Nguồn	Thời gian dự án	Tổng mức	Nhóm	KHĐT 2024
2.4	Hạng mục 4	Sửa chữa mặt bãi tại Công ty kho bãi VIMC Hải Phòng	Vốn tự có	2024	2.500		2.500
3	Dự án mua sắm thiết bị						
3.1	Dự án 1	Mua 2 ô tô phục vụ hoạt động SXKD	Vốn tự có	2024	4.000		4.000
3.2	Dự án 2	Mua 1 ô tô dưới 9 chỗ (VIMC Shipping))	Vốn tự có	2024	3.000		3.000
3.3	Dự án 3	Tàu hàng khô từ 20.000 - 50.000DWT	Vay vốn TM 65%, vốn tự có 35%	2024-2025	72,600,000 USD		177.870
4	Dự án Công nghệ thông tin						
4.1	Dự án 1	Phần mềm lập Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất	Vốn tự có	2024	4.100		4.100

PHỤ LỤC SỐ 03
KẾ HOẠCH TĂNG VỐN, GÓP VỐN CỦA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Dự án đầu tư	Giá trị góp vốn	Ghi chú
I	Chuyển tiếp năm 2023	1.205.502	
1	Tạm tính thanh toán giá trị lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư theo HĐ chuyển giao cổ phần Cảng QN	65.000	Tạm ước để bố trí ngân sách.
2	Thành lập mới Công ty cổ phần Vận tải container VIMC	1.014.550	+ Góp vốn bằng tài sản: - Giá trị vốn góp của VIMC tại VIMC Đình Vũ. - Giá trị vốn góp của VIMC tại Vimadeco. - Giá trị vốn góp của VIMC bằng lô vỏ container đã đầu tư. + Giá trị góp vốn bằng tiền: phần còn lại sau khi góp bằng tài sản.
3	Góp vốn bổ sung vào Cảng Sài Gòn khi Cảng SG tăng vốn để hoán đổi cổ phần với các cổ đông còn lại của SG-HP	69.412	Dự kiến Cảng Sài Gòn chưa hoàn thành xong công tác sáp nhập Cảng Sài Gòn- HP vào Cảng Sài Gòn nên chưa thực hiện góp vốn (chuyển tiếp sang năm 2024).
4	Góp vốn vào LD đầu tư DA Cái Mép Hạ	56.540	Dự kiến Tổng mức đầu tư là 15.077 tỷ đồng, cơ cấu nguồn vốn 30% vốn tự có và 70% vốn vay. VIMC dự kiến tham gia khoảng 25% vốn góp. Giá trị góp vốn dự kiến khoảng 1.130,796 tỷ đồng. Dự án năm 2023 chưa triển khai được do vướng mắc về phía chủ đầu tư. Vì vậy, đề nghị vẫn đưa vào KH năm 2024 nhưng để Kế hoạch với tỷ lệ thấp (dự kiến năm 2024 góp 5%, giai đoạn từ năm 2025 góp phần còn lại theo Kế hoạch góp vốn).
II	Kế hoạch mới năm 2024	2.499	
1	Góp vốn vào Liên doanh để thực hiện		VIMC góp vốn với đối tác để thành lập liên doanh thực hiện dự án ICD Bắc

TT	Dự án đầu tư	Giá trị góp vốn	Ghi chú
	Dự án đầu tư CSHT Logistics (ICD tại Bắc Ninh)		Ninh. Về giá trị đầu tư vốn năm 2024, VIMC sẽ căn cứ vào kết quả làm việc với đối tác, xác định quy mô, cơ cấu vốn, đánh giá hiệu quả để xác định giá trị vốn đầu tư phù hợp (dự kiến tỷ lệ góp vốn là 45% vốn điều lệ).
2	Đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ Hàng hải VIMC - ARIES	2.499	Giá trị góp vốn là 102.000 USD (tương đương 51% VĐL của Liên doanh), tỷ giá quy đổi: 24.500 VNĐ/USD
3	Chuyển đổi VIMC Shipping thành Công ty TNHH MTV		Xây dựng phương án chuyển đổi và thực hiện các thủ tục góp vốn theo phương án chuyển đổi (dự kiến góp vốn bằng tiền và tài sản để đảm bảo hoạt động của các công ty sau chuyển đổi).
4	Chuyển đổi VIMC Hải Phòng thành Công ty cổ phần		
	Tổng cộng	1.208.001	



PHỤ LỤC 04.1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÀU CÔNG TY MẸ VÀ CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN NĂM 2024

TT	Tên Doanh nghiệp	Loại tàu	Số lượng	DWT/TEU	Tổng mức đầu tư	Thời điểm dự kiến đầu tư
1	Công ty Vận tải biển VIMC	Hàng rời	02	38.000	72,6 triệu USD	Quý III
2	Trung tâm Container	Container	01	1700-2200	20,1 triệu USD	Quý III
3	Vinaship	Hàng rời	01	28.000	10 triệu USD	Quý III
4	Vosco	Hàng khô	01	38.000	20 triệu USD	
5		Hàng khô	01	64.000	25 triệu USD	
6		Tàu dầu	01	50.000	38 triệu USD	
7	Inlaco SG	Hàng khô	01	33.379	14,8 triệu USD	Quý 1

PHỤ LỤC 04.2
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỎ CONTAINER CÔNG TY MẸ VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN NĂM 2024



TT	Tên Doanh nghiệp	Số lượng	Loại 20 MT	Loại 40 MT	Tổng mức đầu tư
1	Trung tâm Container/ VIMC Lines	2.480	1.380	1.100	221,76 tỷ đồng



PHỤ LỤC SỐ 05.1

KẾ HOẠCH GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIMC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP NĂM 2024
(Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp, giảm tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty)

TT	Tên doanh nghiệp	Hiện tại			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		Vốn điều lệ (VNĐ)	Số CP VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	Vốn điều lệ (VNĐ)	Số CP VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	
1	Công ty CP Cảng Hải Phòng	3.269.600.000.000	302.641.377	92,56%	3.923.520.000.000	302.641.377	77,14%	Tăng VĐL theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại Cảng Hải Phòng; VĐL sau khi phát hành: 3.923.520.000.000. Tỷ lệ của VIMC sau tăng vốn: 77.14% Thoái một phần vốn góp của VIMC tại Cảng Hải Phòng để giảm tỷ lệ sở hữu tại Cảng Hải Phòng xuống 65%.
2	Công ty CP Cảng Đà Nẵng	990.000.000.000	74.250.000	75,00%	1.142.307.692.308	74.250.000	65%	Tăng VĐL lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại Cảng Đà Nẵng xuống 65% VĐL.
3	Công ty CP Cảng Sài Gòn	2.162.949.610.000	141.564.906	65,45%	2.177.921.630.769	141.564.906	65%	Tăng VĐL theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại Cảng Đà Nẵng xuống 65% VĐL.

TT	Tên doanh nghiệp	Hiện tại			Sau điều chỉnh			Ghi chú
		Vốn điều lệ (VNĐ)	Số CP VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	Vốn điều lệ (VNĐ)	Số CP VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	
4	Công ty CP VIMC Logistics	142.121.300.000	8.061.620	56,72%	223.933.888.889	8.061.620	36%	Thoái vốn hoặc tăng VDL của VIMC Logistics theo phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược để giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại VIMC Logistics xuống 36% (sau khi tái cơ cấu VIMC Logistics)
5	Công ty CP Cảng Cần Thơ	284.800.000.000	28.208.500	99,05%	433.976.923.077	28.208.500	65%	Tăng VDL theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại Cảng Cần Thơ xuống 65% VDL.
6	Công ty CP Đầu tư và TM Hàng hải Hải Phòng	85.098.700.000	1.099.900	12,92%			0%	Theo Kế hoạch thoái vốn, sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025, sẽ giải thể DN trong trường hợp quỹ đất bị thu hồi. Hiện nay, đã có Quyết định thu hồi đất, do đó DN sẽ thực hiện thủ tục giải thể trong năm 2024.
7	Công ty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	66.999.337.000	66.999.337	44,61%	68.999.337.000	66.999.337	43,32%	Vitranschart tăng VDL bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ.



PHỤ LỤC SỐ 05.2

KẾ HOẠCH THOẢI VỐN, GIẢM VỐN CỦA VIMC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Vốn đầu tư của VIMC (theo mệnh giá cp)	Giá trị sổ sách	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ của VIMC	
						Hiện tại	Sau thoái vốn
I	Chuyển tiếp từ năm 2023						
1	Công ty Cổ phần Vận tải Biển Hải Âu (SESCO)	50.000.000.000	13.230.000.000	-	1.323.000	26,46%	0%
2	Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn (SHC)	43.095.500.000	4.374.000.000	4.431.254.923	437.400	10,15%	0%
3	Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (TRANSVINA)	39.853.582.434		33.480.854.116		56,00%	0%
II	Kế hoạch năm 2024						
1	Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)	16.420.728.000		31.459.005.992		60,00%	0%
2	Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	3.269.600.000.000	3.026.413.770.000	4.781.733.756.600	302.641.377	92,56%	65%
3	Công ty CP Vinalines Nha Trang	10.235.577.676	9.395.577.676	0	939.558	91,79%	36%
4	Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	86.000.000.000	28.800.000.000	25.344.000.000	2.880.000	33,49%	0%



PHỤ LỤC SỐ 05.3

KẾ HOẠCH GIẢM TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VIMC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN GÓP NĂM 2024
(Tổng công ty góp vốn bằng giá trị cổ phiếu tại doanh nghiệp)

Đơn vị tính: VND

TT	Tên doanh nghiệp	Hiện tại			Sau khi góp vốn vào VIMC Lines			Ghi chú
		Vốn điều lệ	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	Giá trị VIMC góp vốn	Số cổ phần VIMC nắm giữ	Tỷ lệ VIMC nắm giữ	
1	Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	248.000.000.000	12.648.000	51,00%	472.504.000.000	0	0%	Góp vốn thành lập VIMC Lines
2	Công ty CP Phát triển Hàng hải	90.000.000.000	4.590.000	51,00%	113.952.000.000	0	0%	
	TỔNG CỘNG	338.000.000.000						



PHỤ LỤC 06

KẾ HOẠCH THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY MẸ NĂM 2024

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao 31/12/2023	Giá trị còn lại 31/12/2023	Ghi chú
Văn phòng Tổng công ty					
1	Xe 16 chỗ Mercedes Sprinter 2.2 (30M- 1691)	965.734.545	965.734.545	0	Giá trị còn lại đến 31/12/2023
2	Xe 8 chỗ Toyota Landcruiser 4.5 (29X-8839)	2.418.810.909	2.418.810.909	0	
3	Xe 5 chỗ Toyota Corolla Altis 1.8G (30A-123.72)	788.730.909	788.730.909	0	
4	Xe 5 chỗ Camry 3.0 (31A- 5993)	1.443.232.727	1.443.232.727	0	
5	Xe ô tô 5 chỗ Camry 2.4 (29X- 8479)	1.443.232.727	1.443.232.727	0	
Công ty Vận tải biển VIMC					
6	Xe 8 chỗ Toyota landcruiser 4.5 (29N 8613)	2.418.810.909	2.418.810.909		Giá trị còn lại đến 31/12/2023 (Chưa bao gồm kế hoạch thanh lý tàu)
7	Xe ô tô 5 chỗ Camry 2.4 (29S- 9738)	535.897.143	535.897.143		
8	Xe ô tô 16 chỗ Xe Mercedes Sprinter 2.2 (53S-3341)	701.016.000	701.016.000		
9	Xe ô tô 5 chỗ Camry 3.0 (29X-9018)	1.291.956.364	1.291.956.364		
10	Xe ô tô 5 chỗ Zace (29T-2097)	836.069.091	836.069.091		
VIMC Chi nhánh Hồ Chí Minh					
11	Moóc 29R-502.85 Rơ moóc - (VP HP)	311.245.455	232.788.548	78.456.907	
12	Xe 15C-030.28 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.607.827.273	1.607.827.273	0	
13	Moóc 15R-005.48 Xe rơ moóc nhận bàn giao từ	264.990.909	264.990.909	0	

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao 31/12/2023	Giá trị còn lại 31/12/2023	Ghi chú
	VMSC				
14	Xe 15C-022.28 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.607.827.273	1.607.827.273	0	
15	Moóc15R-005.45 Xe rơ moóc nhận bàn giao từ VMSC	264.990.909	264.990.909	0	
16	Xe 15C-02236 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.607.827.273	1.607.827.273	0	
17	Moóc 29R-502.82 Rơ moóc - VP HCM	311.245.455	232.788.548	78.456.907	
18	Xe 15C-022.25 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.607.827.273	1.607.827.273	0	
19	Moóc 29R-500.40 Rơ moóc - (cũ VP Hải Phòng) (mới HCM)	314.032.727	248.792.076	65.240.651	
20	Xe 15C-022.29 Xe đầu kéo container nhận bàn giao từ VMSC	1.607.827.273	1.607.827.273	0	
21	Moóc 29R-500.72 Rơ moóc - VP Hải Phòng	314.032.727	248.792.076	65.240.651	
22	Moóc 29R-03797 (số cũ 29R-1164) Rơ moóc - Chuyển vào HCM theo quyết định số 37 ngày 10/3/16	241.563.636	241.563.636	0	
23	Moóc 29R-034.57 (số cũ 0865) Rơ moóc - chuyển VPHCM theo QĐ54/QĐ-VCSC ngày 14/5/15	241.563.636	241.563.636	0	
VIMC Chi nhánh Hải Phòng					
24	Xe ô tô 5 chỗ TOYOTA nhãn hiệu Camry 2.4G (16N-4339)	759.110.773	513.893.533	245.217.240	



PHỤ LỤC 07

KẾ HOẠCH BÁN TÀU CÔNG TY MẸ VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN NĂM 2024

TT	Tên Doanh nghiệp	Tên tàu	Năm đóng	Loại tàu	DWT	Nơi đóng	Tình trạng đề xuất	Thời điểm bán	Lý do bán
1	VIMC Shipping	Tây Sơn 1	2004	Hàng khô	13.285	Việt Nam	Thanh lý	30/6/2024	Tàu già cũ tình trạng kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
2		Tây Sơn 2	2005	Hàng khô	13.285	Việt Nam	Thanh lý	30/9/2024	Tàu kinh doanh không hiệu quả
3		Tây Sơn 3	2005	Hàng khô	13.285	Việt nam	Thanh lý	Quý IV	Tàu kinh doanh không hiệu quả
4		VIMC Pioneer	1998	Container	588 TEU	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Tàu già cũ, tình trạng kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
5		VIMC Diamond	2007	Container	1118 TEU	Trung Quốc	Thanh lý	Quý IV	Tàu kinh doanh không hiệu quả
6		VIMC Green	1997	Hàng rời	56.057	Nhật Bản	Thanh lý	Quý I	Tàu già cũ, tình trạng kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
7		Đại Phú	2006	Dầu SF	50.530	Hàn Quốc	Thanh lý	30/6/2024	Tàu gần 20 tuổi khó khăn trong việc khai thác
8		Đại An	2007	Dầu SF	50.530	Hàn Quốc	Thanh lý	30/9/2024	Tàu gần 20 tuổi khó khăn trong việc khai thác
9	Vinaship	Vinaship Star	1996	Hàng rời	23.949	Nhật Bản	Thanh lý	Quý I	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém , kinh doanh không hiệu quả
10		Vinaship Diamond	1996	Hàng rời	24.034	Nhật Bản	Thanh lý	Quý II	

TT	Tên Doanh nghiệp	Tên tàu	Năm đóng	Loại tàu	DWT	Nơi đóng	Tình trạng đề xuất	Thời điểm bán	Lý do bán
11	Vosco	Đại Minh	2004	Tàu dầu	47.148	Nhật Bản	Thanh lý	Quý II	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
12		Vosco Star	1999	Hàng rời	46.671	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
13		Fortune Freighter	1997	Container	560 TEU	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
14		Fortune Navigator	1998	Container	566 TEU	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
15	Bisco	Biển Đông Fortune	2006	Container	610 TEU	Việt Nam	Thanh lý	Quý I	Tàu kinh doanh không hiệu quả
16		Biển Đông Freighter	2006	Container	610 TEU	Việt Nam	Thanh lý	Quý I	Tàu kinh doanh không hiệu quả
17		Biển Đông Star	2000	Container	600 TEU	Nhật Bản	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
18	Đông Đô	Đông An	1995	Hàng rời	7.091	Nhật Bản	Thanh lý	Quý III	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
19		Đông Thịnh	1994	Hàng rời	7.088	Nhật Bản	Thanh lý	Quý III	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
20		Đông Hồ	1998	Container	8.515	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
21	Inlaco Sài Gòn	Inlaco Bright	1999	Hàng rời	23.592	Philippines	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
22		Thanh Ba	1997	Hàng rời	7.445	Nhật	Thanh lý	Quý I	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả

TT	Tên Doanh nghiệp	Tên tàu	Năm đóng	Loại tàu	DWT	Nơi đóng	Tình trạng đề xuất	Thời điểm bán	Lý do bán
23		Inlaco Accord	1999	Hàng rời	23.986	Nhật	Thanh lý	Quý I	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
24	Vitraschart	Viễn Đông 3	2004	Hàng khô	6.596	Việt Nam	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
25		VTC Glory	1998	Hàng rời	23.620	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
26	OSTC	Phuong Đông 05	1994	Hàng rời	23.724	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
27		Phuong Đông 06	1993	Hàng rời	22.201	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả
28		Phuong Đông 10	2011	Hàng khô	6.563	Việt Nam	Thanh lý	Quý III	Tàu kinh doanh không hiệu quả
29		Orient Glory	1994	Hàng rời	68.591	Nhật	Thanh lý	Quý IV	Tàu già, cũ, kỹ thuật kém, kinh doanh không hiệu quả

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.
- Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thống nhất với đề xuất của Ban Tài chính Kế toán VIMC tại Báo cáo lựa chọn đơn vị kiểm toán ngày 19/02/2024 về danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát đã tổng hợp bảng xếp hạng các Công ty Kiểm toán độc lập này - là các công ty kiểm toán có nhiều tiêu chí nằm trong TOP những công ty hàng đầu đủ điều kiện đáp ứng được các tiêu chí lựa chọn ở trên, được đánh giá tại Báo cáo Tổng kết

hoạt động Kiểm toán độc lập 2022-2023 và phương hướng 2024 do Bộ Tài chính và VACPA (Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam) tổ chức ngày 27/12/2023. Đó là:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát không đề xuất lựa chọn các công ty Kiểm toán thuộc nhóm Big Four vì họ có mức phí kiểm toán cao hơn nhiều so với các công ty kiểm toán Việt Nam và họ thường không tham gia chào giá khi biết trong danh sách các công ty được gửi thư mời chào giá có cả các công ty kiểm toán Việt Nam.

Tuy nhiên để có kết quả lựa chọn được đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng tốt nhất với chi phí phù hợp dựa trên hồ sơ năng lực của từng đơn vị, trong quá trình triển khai mời thầu, Ban Kiểm soát sẽ có các số liệu định lượng cụ thể để VIMC đưa vào hồ sơ yêu cầu như:

- + Có Doanh thu lớn từ soát xét và Kiểm toán BCTC.
- + Có số lượng nhân viên và đội ngũ kiểm toán viên lớn, chuyên nghiệp có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- + Có số lượng khách hàng lớn, ưu tiên cho các đơn vị kiểm toán đã kiểm toán tại các Công ty có quy mô lớn và ngành nghề tương tự với VIMC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung, tiêu chí lựa chọn được đề xuất và danh sách các công ty kiểm toán nêu trên, uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT VIMC;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: VT, TT, BKS. Ha04

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lương Đình Minh

Số: 225/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về việc điều chỉnh, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của VIMC như sau:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh Hoạt động kiến trúc

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (đăng ký lần thứ 7 ngày 18/08/2020) và Công bố thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp kèm theo, Tổng công ty có đăng ký ngành nghề kinh doanh với mã ngành 7110 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác (71109).

Mã ngành nghề kinh doanh trên phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ban Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC (Ban QLDA) là Chi nhánh của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Hiện nay, Ban QLDA đang thực hiện quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty; đồng thời, cung ứng các dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình các công trình khác.

Để đảm bảo có đầy đủ các điều kiện hoạt động quản lý dự án cũng như dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, phục vụ hoạt động kinh doanh của Ban QLDA; căn cứ Danh sách mã ngành nghề kinh doanh tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, Tổng công ty cần được bổ sung ngành nghề kinh doanh (chi tiết của mã ngành 7110) như sau:

Mã ngành: 7110

Tên ngành: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Hoạt động kiến trúc (71101)

(Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như:

- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan;

- Thiết kế máy móc và thiết bị;

- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.

- Giám sát thi công xây dựng cơ bản).

2. Rút/bỏ ngành nghề kinh doanh Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (đăng ký lần thứ 7 ngày 18/08/2020) và Công bố thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp kèm theo, Tổng công ty có đăng ký ngành nghề kinh doanh với mã ngành 7830 Cung ứng và quản lý nguồn lao động - Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (78301); Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (78302).

Mã ngành chi tiết 78302 Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài nêu trên thuộc Danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Ngành nghề kinh doanh này phục vụ hoạt động kinh doanh trước đây của Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty. Hiện nay, đơn vị này đã dừng hoạt động kinh doanh và không còn giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Theo Chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2035, Tổng công ty tập trung nguồn lực phát triển các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng cảng biển nước sâu, đội tàu container và các trung tâm phân phối hàng hóa, ... nên cần nguồn vốn lớn thông qua các hình thức huy động vốn. Theo đó, Tổng công ty có kế hoạch sẽ phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ và giảm tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty xuống đến 65% vốn điều lệ (nội dung này đã được

báo cáo các cơ quan có thẩm quyền và đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Khi đó, Tổng công ty sẽ tìm kiếm nhà đầu tư trong và ngoài nước để tham gia góp vốn thực hiện các dự án đầu tư phát triển của Tổng công ty. Do vậy, để có đủ điều kiện thu hút nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, Tổng công ty cần rút/bỏ ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

Mã ngành: 7830

Tên ngành: Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (78302).

Tổng công ty sẽ xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty Nhân lực Hàng hải VIMC, việc xử lý những tồn đọng của đơn vị này và thực hiện rút/bỏ ngành nghề kinh doanh chi tiết Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (78302) tại thời điểm phù hợp.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua việc điều chỉnh, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, PC&QTRR, TKTH, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Anh Sơn

Số: 226/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 22/4/2021;

Căn cứ nhu cầu hoạt động và quản trị doanh nghiệp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt sửa đổi một số nội dung như sau:

1. Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP với những nội dung điều khoản sửa đổi, bổ sung như Phụ lục 01 đính kèm.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP với những nội dung điều khoản sửa đổi, bổ sung như Phụ lục 02 đính kèm.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP với những nội dung điều khoản sửa đổi, bổ sung như Phụ lục 03 đính kèm.

(Xin gửi kèm theo dự thảo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sửa đổi).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu: VT, PC&QTRR, TKTH, TT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Anh Sơn

PHỤ LỤC 01: Điều khoản sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP



Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
Phân mở đầu			
Căn cứ:	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ngày 22 tháng 4 năm 2021 (theo Nghị quyết số 164/NQ-ĐHĐCĐ). Các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;</p> <p>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,</p> <p>Điều lệ này được bổ sung, sửa đổi và thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ngày tháng năm 2024 (theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ). Các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung để cập nhật văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.</p>
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của VIMC		
Khoản 2	2. VIMC có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.	2. VIMC có 02 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nhu cầu hoạt động và quản

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
		<p>Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau:</p> <p>a) Người đại diện pháp luật thứ nhất – là Tổng giám đốc của VIMC có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Người đại diện pháp luật thứ hai – là Chủ tịch Hội đồng quản trị của VIMC có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị VIMC miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa</p>	trị của VIMC.

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
		<p>vụ phát sinh từ giao dịch của VIMC, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của VIMC; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VIMC theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.</p> <p>d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho VIMC theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với VIMC và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của VIMC thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị VIMC.</p> <p>e) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người</p>	

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
		không đủ điều kiện làm người đại diện theo pháp luật của VIMC thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.	
Khoản 4	4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại VIMC hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của VIMC.	4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại VIMC.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3.
Khoản 5	5. Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt	Bãi bỏ	Bãi bỏ để phù hợp với nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3.

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
	buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho VIMC thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của VIMC		
Bổ sung khoản 5		5. Khi VIMC chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.	Bổ sung thêm một khoản để phù hợp trong tình huống VIMC chỉ còn một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Bổ sung khoản 6		6. Trường hợp cả 02 người đại diện theo pháp luật không đủ điều kiện, tiêu chuẩn là người đại diện pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của VIMC.	Bổ sung thêm một khoản để phù hợp trong tình huống cả Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn là người đại diện theo pháp luật của.
Điều 5	Mục tiêu hoạt động của VIMC		
Khoản 1	Ngành nghề kinh doanh của VIMC	1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh: 7110 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết 71101 - Hoạt động kiến trúc.	1. Để đảm bảo có đầy đủ các điều kiện hoạt động quản lý dự án cũng như dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng theo đúng các

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
		2. Rút/bỏ ngành nghề kinh doanh: 7830 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết 78302 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.	quy định hiện hành, phục vụ hoạt động kinh doanh của Ban QLDA chuyên ngành hàng hải VIMC - đơn vị HTPT của VIMC. 2. Rút/bỏ ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.
Điều 29	Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua		
Khoản 1	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.
Khoản 2	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	
Điều 38	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Bổ sung khoản 3		j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản	Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại điểm

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
		2 Điều 3 Điều lệ.	b khoản 2 Điều 3 sửa đổi
Sửa đổi số thứ tự điểm j khoản 3	j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 40	Các cuộc họp Hội đồng quản trị		
Khoản 6	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VIMC.</p>	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc/tài khoản Văn phòng điện tử của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIMC</p>	<p>Để giảm bớt thủ tục giấy tờ, hiện tại HĐQT không ký và phát hành Giấy mời họp mà được thông báo bằng hình thức lên lịch họp trên phần mềm Văn phòng điện tử TCT (PO)</p>
Điểm d khoản 9	d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC.	

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
Điều 41	Biên bản họp Hội đồng quản trị		
Khoản 2	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022.
Điều 47	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc		
Điểm j khoản 4	j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC;	j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của VIMC;	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 3 sửa đổi.
Điều 57	Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của đối tượng này		
Khoản 3	d) Hợp đồng, giao dịch khác	Bãi bỏ	Để đảm bảo tính thống nhất

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
	ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này		các nội dung quy định của Điều khoản này.

PHỤ LỤC 02: Điều khoản sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP



Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
Điều 5	Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua		
Khoản 4	4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu: a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.	4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông: a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.	Sửa đổi phù hợp với đối tượng tham gia Đại hội.
Điều 18	Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua		
Khoản 1	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Dự thảo sửa đổi Điều lệ.
Khoản 2	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	
Điều 53	Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị		

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
Bổ sung khoản 4		j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.	Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Dự thảo sửa đổi Điều lệ.
Sửa đổi số thứ tự điểm j khoản 4	j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 55	Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị		
Điểm b khoản 3	b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VIMC.	b) Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc/tài khoản Văn phòng điện tử của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIMC.	Để giảm bớt thủ tục giấy tờ, hiện tại HĐQT không ký và phát hành Giấy mời họp mà được thông báo bằng hình thức lên lịch họp trên phần mềm Văn phòng điện tử TCT (PO)
Điều 56	Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị		
Điểm d khoản 1	d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, tài khoản Văn phòng điện tử;	Để giảm bớt thủ tục giấy tờ, hiện tại HĐQT không ký và phát hành Giấy mời họp mà được thông báo bằng hình thức lên lịch họp trên phần mềm Văn phòng điện tử TCT (PO)
Điểm i khoản	...Trường hợp chủ tọa, người ghi biên	...Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ	Sửa đổi để phù hợp với quy

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
10	bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 41 Điều lệ VIMC.	chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều Điều 41 Điều lệ VIMC thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	định tại mục 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Dự thảo sửa đổi Điều lệ.
Điều 61	Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc		
Điểm j khoản 1	j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC;	j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của VIMC;	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 3 của Dự thảo sửa đổi Điều lệ.
Điều 11, 14, 15, 16, 31.	Thay thế cụm từ “đại biểu” thành “cổ đông”. Theo đó: Điều 11 (01 cụm từ), Điều 14 (08 cụm từ), Điều 15 (08 cụm từ), Điều 16 (09 cụm từ), Điều 31 (03 cụm từ).		Sửa đổi phù hợp với đối tượng tham gia Đại hội.

PHỤ LỤC 03: Điều khoản sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP



Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
Điều 8	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Bổ sung khoản 3		j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.	Bổ sung thêm một điểm để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Dự thảo sửa đổi Điều lệ
Sửa đổi số thứ tự điểm j khoản 3	j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Điều 13	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch		
Khoản 2	2. Người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	2. Người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch nêu trên phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	Sửa đổi để phù hợp với điều khoản dẫn chiếu.

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
Điều 18	Cuộc họp Hội đồng quản trị		
Khoản 3	<p>d) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIMC.”</p>	<p>d) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc/tài khoản Văn phòng điện tử của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại VIMC.”</p>	<p>Theo yêu cầu của lãnh đạo TCT, để giảm bớt thủ tục giấy tờ, hiện tại HĐQT không ký và phát hành Giấy mời họp mà được thông báo bằng hình thức lên lịch họp trên phần mềm Văn phòng điện tử TCT (PO)</p>
Khoản 5	a.4) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;	a.4) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, tài khoản Văn phòng điện tử;	Bổ sung “tài khoản Văn phòng điện tử” để phù hợp với mục 3d ở trên
Điều 19	Biên bản họp Hội đồng quản trị		
Khoản 3	3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo	3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a,	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại mục 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Dự thảo sửa đổi Điều lệ.

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
	<p>quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	<p>b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p>	
Điều 20	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản		
Khoản 3	<p>b) Ban TK-TH soạn thảo Phiếu lấy ý kiến, tập hợp các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Thừa lệnh Chủ tịch ký Phiếu lấy ý kiến; Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT đã đăng ký. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời và ký xác nhận, gửi về Ban TK-TH theo đúng thời hạn quy định.</p>	<p>b) Ban TK-TH soạn thảo Phiếu lấy ý kiến, tập hợp các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT đã đăng ký. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên HĐQT trả lời và ký xác nhận, gửi về Ban TK-TH theo đúng thời hạn quy định.</p>	<p>Bỏ “thừa lệnh Chủ tịch ký Phiếu lấy ý kiến” do theo yêu cầu của lãnh đạo VIMC để giảm bớt thủ tục giấy tờ, hiện tại Ban TK-TH không ký Phiếu lấy ý kiến mà chỉ gửi bản word kèm mail xin ý kiến.</p>

Điều khoản sửa đổi	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sau khi sửa đổi	Căn cứ/Lý do sửa đổi
	<p>c) Việc lấy ý kiến các TV HĐQT có thể thông qua các phương tiện điện tử như: thư điện tử, fax, tin nhắn, hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC song song với bản cứng bằng phương thức bảo đảm. Căn cứ ý kiến của TV HĐQT gửi qua phương tiện điện tử có giá trị để Chủ tịch HĐQT ra quyết định, nghị quyết. Sau đó, các TV HĐQT có trách nhiệm hoàn tất cả thủ tục theo quy định đối với những nội dung đã cho ý kiến thông qua phương tiện điện tử.</p>	<p>c) Việc lấy ý kiến các TV HĐQT có thể thông qua các phương tiện điện tử như: thư điện tử, fax, tin nhắn, hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC. Căn cứ ý kiến của TV HĐQT gửi qua phương tiện điện tử có giá trị để Chủ tịch HĐQT ra quyết định, nghị quyết. Sau đó, các TV HĐQT có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục theo quy định đối với những nội dung đã cho ý kiến thông qua phương tiện điện tử bằng việc ký xác nhận vào Phiếu cho ý kiến hoặc mail/fax trả lời.</p>	<p>Để việc xin/cho ý kiến được thực hiện linh hoạt, mọi lúc mọi nơi nên theo yêu cầu của lãnh đạo TCT các tài liệu xin ý kiến sẽ được gửi qua mail, các TV HĐQT sau khi trả lời ý kiến qua mail sẽ ký xác nhận trên bản in từ email trả lời để hoàn thiện hồ sơ.</p>

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
*(Ban hành tháng 4 năm 2021 và được sửa đổi bổ sung
ngày tháng 4 năm 2024)*

PHẦN MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	6
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG.....	8
ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN	8
THEO PHÁP LUẬT CỦA VIMC.....	8
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VIMC	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VIMC	9
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của VIMC	10
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ	10
HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC	10
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của VIMC.....	10
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VIMC	12
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU.....	13
Điều 7. Vốn điều lệ	13
Điều 8. Cổ phần	13
Điều 9. Chào bán cổ phần.....	13
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của VIMC	14
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	14
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần.....	15
Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần	15
Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	16
Điều 15. Trả cổ tức	16
Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông	17
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	17
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	17
Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	17
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18
Điều 18. Quyền của cổ đông.....	18
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	20

Điều 20.	Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	20
Điều 21.	Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	21
Điều 22.	Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23.	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24.	Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 25.	Thay đổi các quyền	25
Điều 26.	Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 27.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 28.	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 29.	Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	29
Điều 30.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 31.	Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 32.	Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	33
MỤC 3:	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	33
Điều 33.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 34.	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 35.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 36.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 37.	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	36
Điều 38.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	38
Điều 39.	Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 40.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
Điều 41.	Biên bản họp Hội đồng quản trị	41
Điều 42.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	42
Điều 43.	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	42
Điều 44.	Người phụ trách quản trị công ty	42
MỤC 4:	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	43
Điều 45.	Tổ chức bộ máy quản lý	43
Điều 46.	Người điều hành VIMC	43
Điều 47.	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	43
Điều 48.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	44

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	45
Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát.....	46
Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát.....	47
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	47
Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	49
Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên	49
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	50
Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý VIMC	50
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	51
Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này.....	52
Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan	53
Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	54
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIMC	55
Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	55
MỤC 8: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG VIMC.....	56
Điều 61. Người lao động và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong VIMC	56
CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	56
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC.....	56
Điều 62. Cơ cấu tổ chức của VIMC.....	56
MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC.....	57
TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC.....	57
Điều 63. Quản lý vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác.....	57
Điều 64. Quan hệ giữa VIMC với công ty con là công ty TNHH một thành viên.....	57
Điều 65. Quan hệ giữa VIMC với công ty con là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên.....	58
Điều 66. Quan hệ giữa VIMC với công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên.....	58

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH VIMC	59
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	59
Điều 67. Phân phối lợi nhuận	59
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH	60
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	60
Điều 68. Tài khoản ngân hàng	60
Điều 69. Năm tài chính	60
Điều 70. Chế độ kế toán	60
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	60
Điều 71	Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý
Điều 72. Báo cáo thường niên	61
Điều 73. Công khai thông tin	61
MỤC 4: KIỂM TOÁN VIMC	61
Điều 74. Kiểm toán	61
MỤC 5: DẤU CỦA VIMC	61
Điều 75. Dấu của VIMC	61
MỤC 6: GIẢI THẺ VIMC	62
Điều 76. Giải thẻ VIMC	62
Điều 77. Thanh lý	62
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	62
Điều 78. Giải quyết tranh chấp nội bộ	62
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	63
Điều 79. Điều lệ VIMC	63
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC	63
Điều 80. Ngày hiệu lực	63

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,

Điều lệ này được bổ sung, sửa đổi và thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP ngày tháng năm 2024 (theo Nghị quyết số /NQ-ĐHĐCĐ). Các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “**Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**” (sau đây gọi tắt là “**VIMC**”) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 18/8/2020;

b) “**Ngày thành lập**” là ngày VIMC được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;

c) “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý VIMC, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

d) “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

e) “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của VIMC;

f) “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của VIMC;

g) “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

h) “**Vốn có quyền biểu quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i) “**Cổ phần đã bán**” là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho VIMC;

j) “**Cổ phần được quyền chào bán**” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

k) “**Cổ phần chưa bán**” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho VIMC;

l) “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

(i) VIMC sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;

(ii) VIMC có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đó;

(iii) VIMC có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó;

m) “**Công ty liên kết**” là công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của VIMC và công ty con; công ty không có vốn góp của VIMC và công ty con, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với VIMC hoặc công ty con;

n) “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do VIMC phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VIMC. Cổ phiếu bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp;

o) “**Đại hội đồng cổ đông**” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của VIMC;

p) “**Hội đồng quản trị**” là Hội đồng quản trị của VIMC;

q) “**Ban kiểm soát**” là Ban kiểm soát của VIMC;

r) “**Tổng giám đốc**” là Tổng giám đốc của VIMC;

s) “**Đơn vị phụ thuộc**” là chi nhánh, văn phòng đại diện của VIMC;

t) “**Cơ quan Văn phòng VIMC**” là Văn phòng cơ quan, các ban chuyên môn nghiệp vụ, trung tâm do Hội đồng quản trị VIMC quyết định thành lập;

u) “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

v) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

w) “**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

x) “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

y) “**Sổ đăng ký cổ đông**” là tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này;

z) “**Thành viên HĐQT không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

aa) “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

bb) “**Pháp luật**” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6

năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA VIMC

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của VIMC

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MARITIME CORPORATION
- Tên viết tắt: VIMC
- Loại hình công ty: Công ty cổ phần

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (84-24) 35770825 ~ 29
- Fax: (84-24) 35770850
- Logo:



3. VIMC có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. VIMC là công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

4. VIMC có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp.

5. VIMC có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của VIMC phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 76 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của VIMC là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của VIMC

1. Người đại diện theo pháp luật của VIMC là cá nhân đại diện cho VIMC thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VIMC, đại diện cho VIMC với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. VIMC có 02 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa hai người đại diện theo pháp luật cụ thể như sau:

a) Người đại diện pháp luật thứ nhất - là Tổng giám đốc của VIMC có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Người đại diện pháp luật thứ hai - là Chủ tịch Hội đồng quản trị của VIMC có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC khi Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của VIMC hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, hoặc bị Hội đồng quản trị VIMC miễn nhiệm, bãi nhiệm.

c) Việc phân chia quyền, nghĩa vụ đại diện nhằm phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ giữa các người đại diện theo pháp luật, phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của VIMC, hạn chế việc chồng chéo về thẩm quyền trong công tác đại diện của VIMC; không làm thay đổi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VIMC theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

d) Mỗi người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm riêng rẽ đối với thiệt hại gây ra cho VIMC theo quy định pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được phân chia theo Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật xác lập giao dịch với bên thứ ba không đúng thẩm quyền quy định của mình phải chịu trách nhiệm cá nhân với VIMC và cơ quan có thẩm quyền về những thiệt hại gây ra trong giao dịch đó. Việc xử lý hậu quả của các giao dịch do người đại diện không đúng thẩm quyền xác lập, thực hiện được thực hiện theo quy định của pháp luật.

đ) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có vấn đề vướng mắc liên quan đến phạm vi chức danh do người đại diện theo pháp luật đảm nhận theo quy định tại Điều lệ và các quy phạm nội bộ của VIMC thì hai người đại diện theo pháp luật phối hợp với nhau để thực hiện; phải báo cáo thường xuyên và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị VIMC.

e) Trường hợp vì bất kỳ lý do nào có một người không đủ điều kiện làm

người đại diện theo pháp luật của VIMC thì người còn lại sẽ đương nhiên thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện không đủ điều kiện và chịu trách nhiệm đối với các giao dịch do mình là đại diện.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại VIMC.

5. Khi VIMC chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

6. Trường hợp cả 02 người đại diện theo pháp luật không đủ điều kiện, tiêu chuẩn là người đại diện pháp luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ này thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của VIMC.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của VIMC

1. Người đại diện theo pháp luật của VIMC có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của VIMC;

b) Trung thành với lợi ích của VIMC; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của VIMC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIMC về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của VIMC chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho VIMC do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIMC

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của VIMC

1. Ngành, nghề kinh doanh của VIMC

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương Chi tiết: vận tải hàng hóa ven biển; vận tải hàng hóa viễn dương.	5012

2	Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.	5022
3	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác; vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; logistics; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: hoạt động điều hành cảng biển hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương; hoạt động điều hành cảng thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa.	5222
6	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	4520
8	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu.	3099
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
10	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: cung ứng và quản lý lao động trong nước.	7830
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.	8299
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.	6810
13	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510

14	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Sửa chữa phương tiện vận tải biển.	3315
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.	7730
16	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: hoạt động kiến trúc; hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.	7110
<i>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, VIMC chỉ được hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)</i>		

2. Mục tiêu hoạt động của VIMC

a) Xây dựng và phát triển thương hiệu của VIMC luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực hàng hải của Việt Nam; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ kinh doanh vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải để trở thành nhà cung cấp dịch vụ toàn diện; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của VIMC.

b) Tối đa hóa lợi nhuận cho VIMC và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của VIMC.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của VIMC

VIMC được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp VIMC kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, VIMC phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của VIMC là 12.005.880.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Mười hai nghìn không trăm lẻ năm tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*).
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.
4. VIMC có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. VIMC có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, VIMC hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong VIMC khi VIMC đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
 - b) VIMC mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này;
 - c) Việc giảm vốn điều lệ của VIMC phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của VIMC có mệnh giá là 10.000 VNĐ (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*). Số lượng cổ phần của VIMC bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Vốn điều lệ của VIMC tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 1.200.588.000 cổ phần (*Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu năm trăm tám mươi tám nghìn cổ phần*).
3. Cổ phần VIMC vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. VIMC có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.
5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc VIMC tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.
2. Hình thức chào bán cổ phần

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của VIMC thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. VIMC thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của VIMC

VIMC có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. VIMC có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong VIMC theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của VIMC phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của VIMC, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho VIMC.

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được VIMC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. VIMC chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc VIMC mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VIMC hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu VIMC mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VIMC mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VIMC trong thời

hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. VIMC phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. VIMC giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ đông tương ứng. Các cổ phần hạn chế chuyển nhượng bao gồm: cổ phần mua ưu đãi của tổ chức công đoàn, cổ phần mua ưu đãi của người lao động theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước, cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông là người lao động trong VIMC được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài cho VIMC khi VIMC thực hiện cổ phần hóa và các cổ phần khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của VIMC.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại VIMC cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của VIMC.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 12 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông VIMC từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 14. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của VIMC được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của VIMC. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VIMC hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VIMC (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho VIMC chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được VIMC cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của VIMC được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của VIMC.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VIMC. VIMC chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, VIMC vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của VIMC hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa

chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VIMC.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, VIMC không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này và Điều 124, 125 Luật Doanh nghiệp. VIMC phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông VIMC.

2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của VIMC;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông VIMC trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với VIMC để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. VIMC không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của VIMC bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong VIMC;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi VIMC giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại VIMC;
- h) Yêu cầu VIMC mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều 11 Điều lệ này;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp VIMC có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VIMC công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này và điểm c khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VIMC;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VIMC; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến VIMC chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh VIMC khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho VIMC hoặc người khác theo

quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VIMC dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VIMC hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong VIMC phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VIMC trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của VIMC.
4. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được VIMC cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được VIMC cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VIMC dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với VIMC.
8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VIMC, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của VIMC thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền;
- b) Sở hữu từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền;
- c) Sở hữu từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;
- d) Sở hữu từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền;
- e) Sở hữu từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền;
- f) Sở hữu từ 75% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho VIMC và chỉ có hiệu lực đối với VIMC kể từ ngày VIMC nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp. Việc cử và nội dung văn bản cử người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC thực hiện theo quy định của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách

nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VIMC. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VIMC có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, VIMC phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của VIMC.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện VIMC triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được VIMC hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

6. Thủ tục để tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển VIMC;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC;
- f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VIMC và cổ đông VIMC;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể VIMC;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VIMC;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ VIMC;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VIMC;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VIMC và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) VIMC ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 57 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 57 Điều lệ này;
- s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy

quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VIMC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 26, 27 và Điều 28 Điều lệ này.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. VIMC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VIMC niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VIMC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VIMC ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, VIMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIMC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại đại hội, số thẻ tán thành

ng nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố

ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp VIMC áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, VIMC có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý VIMC;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;

e) Tổ chức lại, giải thể VIMC;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện

theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VIMC phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VIMC bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VIMC. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;
- f) VIMC phải phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng

cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu:

a) Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên;

c) Từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên;

d) Từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên;

e) Từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu đề cử tối đa 05 ứng cử viên;

f) Từ 75% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 06 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của VIMC là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên được đào tạo chuyên ngành về kinh tế, tài chính, luật, quản trị kinh doanh, hàng hải và chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực hoạt động của VIMC.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VIMC và không nhất thiết phải là cổ đông của VIMC;
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của VIMC.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi

nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VIMC, có toàn quyền nhân danh VIMC để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của VIMC, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, hằng năm của VIMC;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của VIMC;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định phương án đầu tư, mua tài sản và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

k) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

l) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;

m) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc các chi nhánh, Trưởng ban và tương đương;

n) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC;

o) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VIMC; quyết định

thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

q) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể VIMC; yêu cầu phá sản VIMC;

t) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị VIMC sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

u) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

v) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đầu tư, bán tài sản, thuê tài sản, cho thuê tài sản, vay, cho vay và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

w) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hằng năm có giá trị đầu tư dưới 20 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hằng năm nhưng phát sinh tổng mức đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%.

x) Quyết định mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của VIMC tại các công ty khác có giá trị dưới 35% vốn điều lệ của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

y) Quyết định vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường của VIMC có giá trị dưới 35% vốn điều lệ của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

z) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do VIMC đầu tư 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 65 Điều lệ này;

aa) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;

bb) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

f) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

g) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.

k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. VIMC có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được VIMC mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội

đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VIMC.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt

hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VIMC.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của đơn vị trong VIMC.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại VIMC. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VIMC và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VIMC;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của VIMC phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của VIMC. VIMC có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Người điều hành VIMC

1. Người điều hành VIMC bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VIMC; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VIMC;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VIMC;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Trưởng ban và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Phó trưởng ban và tương đương;
 - g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong VIMC và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - h) Tuyển dụng lao động;
 - i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của VIMC;
 - k) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;
 - l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của VIMC, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với VIMC và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho VIMC thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho VIMC.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của VIMC.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại VIMC;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của VIMC.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

d) VIMC bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;

2. VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu:

a) Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên;

b) Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên;

c) Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên;

d) Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên;

e) Từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị VIMC và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của VIMC là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của VIMC;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; Không phải là người quản lý doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VIMC;

d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VIMC;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VIMC.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành VIMC.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của VIMC, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VIMC.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của VIMC, công việc quản lý, điều hành hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết hoặc theo

ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VIMC.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VIMC để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIMC; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính VIMC, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của VIMC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VIMC trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIMC.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VIMC.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của VIMC và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định

tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý VIMC

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của VIMC;

c) Trung thành với lợi ích của VIMC và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của VIMC để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VIMC về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này.

e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của VIMC;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội

đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIMC theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho VIMC và bên thứ ba.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VIMC.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty khác do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, VIMC phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa VIMC với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. VIMC không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. VIMC không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân hoặc tổ chức.

3. VIMC chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa VIMC với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của VIMC và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa VIMC và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa VIMC với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 3 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của VIMC trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Trường hợp này, người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

5. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản 8 Điều 30 của Điều lệ này.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VIMC khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. VIMC phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của VIMC thực hiện theo quy định sau đây:

1. VIMC phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của VIMC theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với VIMC;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC phải kê khai cho VIMC về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với VIMC trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) VIMC phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của VIMC;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) VIMC phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của VIMC;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VIMC đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VIMC.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. VIMC bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VIMC là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được VIMC ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VIMC với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VIMC với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VIMC, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của VIMC, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của VIMC được VIMC bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do VIMC là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của VIMC;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VIMC có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VIMC

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VIMC.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của VIMC, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của VIMC vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. VIMC phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC.

MỤC 8: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG VIMC

Điều 61. Người lao động và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong VIMC

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VIMC với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VIMC và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong VIMC hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. VIMC có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong VIMC; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC VÀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIMC

Điều 62. Cơ cấu tổ chức của VIMC

1. Cơ cấu tổ chức của VIMC bao gồm:

- a) Cơ quan Văn phòng VIMC;
- b) Các đơn vị phụ thuộc.

2. Đơn vị phụ thuộc là chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của VIMC, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của VIMC. Đơn vị phụ thuộc là văn phòng đại diện có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của VIMC và bảo vệ các lợi ích đó. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của VIMC.

3. Các đơn vị phụ thuộc thực hiện hoạt động kinh doanh, đầu tư; tổ chức, lao động, tiền lương; hạch toán kế toán theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và được cụ thể hóa tại quy chế, quy định nội bộ của VIMC và Quy chế tổ chức, hoạt động của đơn vị phụ thuộc.

MỤC 2: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA VIMC TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 63. Quản lý vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác

1. VIMC quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của VIMC và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của VIMC đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. VIMC cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt VIMC quản lý vốn đầu tư của VIMC tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 64. Quan hệ giữa VIMC với công ty con là công ty TNHH một thành viên

1. Hội đồng quản trị thực hiện quyền của chủ sở hữu và có các quyền sau đây:

- a) Quyết định nội dung điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty;
- b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý, Kiểm soát viên của công ty;
- d) Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty;
- e) Chấp thuận chủ trương vay, cho vay; bán, thuê, cho thuê tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty;
- f) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản, cầm cố, thế chấp, thuê, cho thuê tài sản có giá từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại điều lệ công ty;
- h) Thông qua báo cáo tài chính của công ty;
- i) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;
- j) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
- k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của công ty;

l) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

m) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

n) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

o) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu và có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

b) Tuân thủ điều lệ công ty.

c) Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu đối với tài sản của công ty.

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu.

e) VIMC chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

f) VIMC không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

g) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

Điều 65. Quan hệ giữa VIMC với công ty con là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Công ty con được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của công ty đó.

2. VIMC thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.

3. VIMC quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại công ty đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở công ty con thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Hội đồng quản trị VIMC theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của VIMC.

Điều 66. Quan hệ giữa VIMC với công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của công ty đó.

2. VIMC thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.

3. VIMC quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại công ty đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở công ty con thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của Hội đồng quản trị VIMC theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của VIMC.

6. Công ty liên kết khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của VIMC phải được VIMC đồng ý về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu và biểu tượng.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH VIMC

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 67. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VIMC.

2. VIMC không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VIMC phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp VIMC đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, VIMC không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền VIMC đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua VIMC chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 68. Tài khoản ngân hàng

1. VIMC mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VIMC có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. VIMC tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VIMC mở tài khoản.

Điều 69. Năm tài chính

Năm tài chính của VIMC bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 70. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán VIMC sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. VIMC lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VIMC.

3. VIMC sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp VIMC có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 71. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. VIMC phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. VIMC công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VIMC.

3. VIMC phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 72. Báo cáo thường niên

VIMC phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 73. Công khai thông tin

1. VIMC phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. VIMC công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ VIMC;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e) Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. VIMC thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN VIMC

Điều 74. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của VIMC.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của VIMC.

MỤC 5: DẤU CỦA VIMC

Điều 75. Dấu của VIMC

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của VIMC, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của VIMC.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

MỤC 6: GIẢI THỂ VIMC

Điều 76. Giải thể VIMC

1. VIMC có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể VIMC do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 77. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể VIMC, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của VIMC hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VIMC ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VIMC.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VIMC trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VIMC trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của VIMC;
 - e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 78. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của VIMC, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp,

các quy định pháp luật khác, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với VIMC;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 79. Điều lệ VIMC

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của VIMC chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của VIMC.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 80. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 80 điều được sửa đổi, bổ sung ngày tháng 4 năm 2024 và được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nguyễn Cảnh Tĩnh

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HHVN ngày tháng năm 2021
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và được
sửa đổi bổ sung ngày tháng 4 năm 2024)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	5
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
CHƯƠNG II	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	5
MỤC 1:	7
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 5. Chủ tọa, điều hành Đại hội đồng cổ đông.....	8
Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	10
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	16
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	17
Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử.....	17
Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	18
Điều 18. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua....	19
Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
MỤC 2	22
TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	22

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22
Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	23
MỤC 3	25
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỂ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	25
Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	25
Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	25
Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	26
Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	26
Điều 28. Điều kiện tiên hành	27
Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	27
Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	28
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	28
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	30
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu	30
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	30
2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.	30
Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	30
MỤC 4	31
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN KẾT HỢP TRỰC TUYẾN	31
Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 39. Điều kiện tiên hành	32
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu	33
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu	33
Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu	33
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	34
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34

Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của TV Hội đồng quản trị	35
Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	38
Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	39
Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	40
Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	41
Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị	42
Điều 57. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	45
Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty....	46
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT CỦA VIMC.....	47
Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	47
Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.....	50
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....	53
Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	53
Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.....	54
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	56
Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác.....	56
Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.....	56
Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	59
Điều 66. Phối hợp khác.....	62
CHƯƠNG VII.....	63
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA VIMC	63

Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của VIMC.....	63
Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật.....	63
Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị.....	64
Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát.....	64
Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.....	64
Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại.....	65
CHƯƠNG VIII. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ.....	65
Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	65
Điều 74. Hiệu lực.....	65
Điều 75. Tổ chức thực hiện.....	65

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) “VIMC” có nghĩa là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- b) “Điều lệ VIMC” là Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thông qua và chấp thuận ban hành;
- c) “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- d) “Hội đồng quản trị” hoặc “HDQT” là Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- e) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- f) “Ban điều hành” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- g) “UBCKNN” là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- h) “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- i) “TTLKCK” là Trung tâm lưu ký chứng khoán;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ VIMC và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ VIMC và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VIMC.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển VIMC;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC;
- f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VIMC và cổ đông VIMC;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể VIMC;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của VIMC;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ VIMC;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VIMC;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VIMC và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) VIMC ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 58 Điều lệ VIMC với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 57 Điều lệ VIMC;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 1:
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên*: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại không đáp ứng số lượng tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 154 và khoản 1 Điều 168 Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 22 Điều lệ VIMC;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 22 Điều lệ VIMC thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ VIMC này có quyền yêu cầu đại diện VIMC triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được VIMC hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

7. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ VIMC.

Điều 5. Chủ tọa, điều hành Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f) Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g) Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 4 thành viên.

h) Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i) Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ VIMC;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết;
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

a) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra cổ đông:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức tiến hành.
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. VIMC phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

3. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;
- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;
- Số lượng cổ phần từng loại;
- Số và ngày đăng ký cổ đông;
- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC và Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VIMC niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ phải được gửi đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chậm nhất 08 ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. VIMC phải công bố thông tin ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của VIMC theo đúng quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của VIMC.

4. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị VIMC cần thông nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- b) Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của VIMC niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của VIMC. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Hội đồng quản trị thành lập Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông để tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các ban chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị công ty và Tổ trưởng Tổ giúp việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

c) Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d) Trong các trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. VIMC có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến VIMC chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

8. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 10. Việc ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều lệ VIMC.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy

quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp VIMC nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ VIMC hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về VIMC.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được uỷ quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của pháp luật.

c) VIMC phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, VIMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIMC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được VIMC in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a) Phiếu biểu quyết

➤ **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát, ... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi cổ đông đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b) Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của cổ đông tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

➤ Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà cổ đông bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ VIMC.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn 01 lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông.

Điều 16. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC;
- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi cử động có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cử phân sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Cử động tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, cử động có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cử động liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi cử động được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Cử động bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, cử động đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, cử động ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp cử động vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

Điều 17. Kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cử động quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết

không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, VIMC phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

4. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý VIMC;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;
- e) Tổ chức lại, giải thể VIMC;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Riêng việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VIMC.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 19. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ VIMC;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VIMC.

2. Các trường hợp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét, tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

4. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại VIMC hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VIMC có

quyền yêu cầu VIMC mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 11 Điều lệ VIMC.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại diện Ban Thư ký trình bày dự thảo biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp;

2. Chủ tọa cuộc họp điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, bổ sung nội dung dự thảo biên bản và nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

3. Chủ tọa cuộc họp điều hành Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu họp đính kèm biên bản (nếu có) phải được công bố thông tin theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của VIMC.

5. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;
- b) Kết quả biểu quyết đã được công bố;
- c) Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 của Điều lệ VIMC.

2. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết (trường hợp VIMC đã niêm yết).

3. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC được quy định tại Điều lệ VIMC.

5. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết (trường hợp VIMC đã niêm yết).

Điều 23. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Điều lệ VIMC;

3. Nội dung phiếu lấy ý kiến bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về VIMC phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VIMC bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về VIMC sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý VIMC. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

a) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

7. Lưu tài liệu:

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC.

8. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ VIMC có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ VIMC.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VIMC.

9. Phương thức gửi lại Phiếu lấy kiến, cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 30 Điều lệ VIMC.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ĐỀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 24. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. VIMC gửi thư mời hoặc thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông chậm nhất là 21 ngày, trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 25. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ được lập theo thông báo thực hiện quyền của VIMC.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi cổ đông có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của VIMC.

3. Cổ đông sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 27. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và được gửi đến VIMC theo các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ VIMC trước thời gian khai mạc Đại hội.

2. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

3. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

3.1. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại,

địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

3.2. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- VIMC nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức

3.3. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến

a) Cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho VIMC trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian VIMC nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

b) Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 28. Điều kiện tiến hành

1. Điều kiện để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm tổ chức Đại hội phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm họp thì Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến nội dung phần gián đoạn đó;

b) Địa điểm họp phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;

c) Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng;

d) Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có cổ đông mới được tham gia thảo luận;

- Cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VIMC trả lời sau.

Điều 30. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu trực tuyến.

2. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

➤ Việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện như sau:

a) Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được gửi kèm theo Thông báo mời hoặc và được đăng tải trên website VIMC để thực hiện biểu quyết;

b) Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống;

c) Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

d) Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử

a) Trường hợp cổ đông không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

b) Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như cổ đông không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

c) Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

d) Trong trường hợp, Cổ đông thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Cổ đông đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

e) Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Cổ đông có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của VIMC. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ cổ đông.

f) Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

4. Thời điểm biểu quyết

a) Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu;

b) Để bảo đảm diễn biến liên tục và tập trung thời gian cho phần diễn biến của đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập Hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về chương trình đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và nội dung sửa đổi về quy chế tổ chức đại hội (nếu có). Thời gian kết thúc biểu quyết của các nội dung này trên Hệ thống sẽ được Ban tổ chức thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội trực tuyến;

c) Các kết quả bỏ phiếu được tính theo tại thời điểm cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử nên việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa bỏ phiếu, các nội dung đã bỏ phiếu không bị ảnh hưởng;

d) Trước khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau khi thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ biết được kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Ban chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm thành viên Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết thông qua, Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- Hướng dẫn cho cổ đông cách thức biểu quyết tại Đại hội trực tuyến;
- Tiến hành kiểm phiếu biểu quyết;
- Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Hệ thống phần mềm sẽ tự động thống kê, tổng hợp, số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được ghi nhận là nơi Ban Chủ tọa điều hành đại hội.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông

tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ.

2. VIMC phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của VIMC.

MỤC 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị VIMC họp, ra quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến và thống nhất thông qua các nội dung, chương trình đại hội.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các công việc theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ*).

➤ Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết (đối với cổ đông tham dự trực tiếp).

* Đối với các cổ đông tham dự trực tuyến: VIMC gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, VIMC phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIMC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 31 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đối với cổ đông tham dự trực tiếp

a) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

b) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với VIMC).

2. Đối với cổ đông tham dự trực tuyến

a) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và được gửi đến VIMC bằng các phương thức đảm bảo đến được địa chỉ VIMC trước thời gian khai mạc đại hội.

b) Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

Điều 39. Điều kiện để tiến hành tổ chức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

2. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng phiếu biểu quyết hoặc bằng phiếu điện tử.

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

2. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tiếp tại địa điểm họp: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIMC cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Với cổ đông tham dự và biểu quyết trực tuyến thông qua hệ thống trực tuyến: Cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Quy chế này.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

1. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa.

Điều 43. Thông báo Kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của VIMC, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nội dung họp Đại hội trực tiếp kết hợp với trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

Điều 45. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Bản sao biên bản, nghị quyết cuộc họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC trong thời hạn 24 giờ.

2. VIMC phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Chứng khoán và Quy chế công bố thông tin của VIMC.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VIMC, có toàn quyền nhân danh VIMC để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của VIMC, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của VIMC;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến VIMC;
- c) Đảm bảo hoạt động của VIMC tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VIMC;
- d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của VIMC;
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản VIMC sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
- f) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- g) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC;
- i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ VIMC;
- j) Báo cáo tình hình quản trị công ty tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của VIMC theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

k) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế này.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ VIMC, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của các đơn vị trong VIMC. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VIMC và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của VIMC;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIMC theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ VIMC.

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

d) Cơ cấu Hội đồng quản trị của VIMC phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. VIMC hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của VIMC để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VIMC và không nhất thiết phải là cổ đông của VIMC;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC.

Điều 48. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội đồng cổ đông;

2. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ VIMC;

3. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn.

4. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 65% đến dưới 75% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 75% trở lên được đề cử tối đa 06 ứng viên.

5. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ VIMC. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) để bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Điều lệ VIMC.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ VIMC;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của VIMC.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 51. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của VIMC phải được công bố thông tin trên website của VIMC và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 52. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- (1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- (2) Trình độ chuyên môn;
- (3) Quá trình công tác;
- (4) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- (5) Lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;
- (6) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VIMC;

2. VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 53. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
- g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;
- j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.
- k) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 35 Điều lệ VIMC;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

6. Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng quản trị. Quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. VIMC có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công

trộn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được VIMC mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VIMC.

Điều 55. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

b) Đề nghị nêu tại điểm a khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử, hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC

và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VIMC.

4. Quyền dự họp của thành viên Ban kiểm soát

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 56. Cách thức biểu quyết, cách thức thông qua nghị quyết, ủy quyền cho người khác tham dự họp, lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ VIMC;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, tài khoản Văn phòng điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VIMC.

Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ VIMC được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VIMC và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với VIMC, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ VIMC.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất 01 ngày làm việc.

b) Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ VIMC.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ VIMC.

Trường hợp chủ tọa và Thư ký từ chối ký biên bản họp Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 41 Điều lệ VIMC thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 57. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế này.

4. Việc thành lập và hoạt động của tiểu ban kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban:

a) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban;

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VIMC và Quy chế này.

Điều 58. Lựa chọn, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC.

b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại VIMC. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- b) Không đáp ứng được tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Các trường hợp vi phạm pháp luật bị xử lý trách nhiệm hình sự hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của VIMC;
- d) Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- e) Các trường hợp khác khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

VIMC phải thông báo về việc bỏ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Quy chế công bố thông tin của VIMC và pháp luật có liên quan.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VIMC và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của VIMC;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT CỦA VIMC

Điều 59. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành VIMC.
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của VIMC, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VIMC.

e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của VIMC, công việc quản lý, điều hành hoạt động của VIMC khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ VIMC.

f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ VIMC, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VIMC.

h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 55 Điều lệ VIMC phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VIMC.

j) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VIMC để thực hiện nhiệm vụ được giao.

k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VIMC; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VIMC, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

m) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

n) Giám sát tình hình tài chính VIMC, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

o) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

p) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VIMC của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

q) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

r) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của VIMC lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của VIMC trong giờ làm việc.

s) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VIMC.

t) Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của VIMC, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 54 Điều lệ VIMC.

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VIMC.

- Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của VIMC và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VIMC.

- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

u) Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ VIMC, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của VIMC. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ VIMC và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 60. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của VIMC là 03 người.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của VIMC.

d) Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

e) Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 51 Điều lệ VIMC.

f) Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của VIMC;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; không phải là người quản lý doanh nghiệp; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VIMC;

d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của VIMC;

e) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VIMC trong 03 năm liền trước đó.

f) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của VIMC.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu: Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; Từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) để bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Tỷ lệ biểu

quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo khoản 2 Điều 29 Điều lệ VIMC.

5. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;

f) VIMC phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới VIMC của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a) Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VIMC;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VIMC;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Trưởng ban trưởng ban và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;

f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Phó giám đốc các đơn vị phụ thuộc, Phó trưởng ban và tương đương;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong VIMC và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC trừ trường hợp không còn tư cách là người đại diện theo pháp luật của VIMC;

k) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VIMC và quy chế nội bộ của VIMC, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

3. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của VIMC theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VIMC, hợp đồng lao động ký với VIMC và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho VIMC thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho VIMC.

Điều 62. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại VIMC;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của VIMC.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

b) Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

- Bản kê khai tài sản, thu nhập;
- Chương trình hành động;
- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có);

**Toàn bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị cùng với tài liệu mời họp xem xét bổ nhiệm Tổng giám đốc.*

c) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết đề Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d) Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Nội dung hợp đồng lao động phải quy định rõ mức thu nhập, nguyên tắc trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ VIMC.

e) Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của VIMC.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

b) Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc: Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng,

chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, VIMC có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VIMC và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:

a) VIMC trả tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc và người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 63. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và những người điều hành khác của VIMC cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của VIMC;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của VIMC;

c) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;

d) Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1.1. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Tổng giám đốc, Trưởng các ban, lãnh đạo các

chi nhánh có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ VIMC.

1.2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của VIMC để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát VIMC.

1.3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất 03 ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì.

1.4. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

1.5. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, trường hợp không triệu tập thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC. Người đề nghị

triệu tập cuộc họp sẽ có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp.

1.6. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) cho Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo, phải phản ánh những nội dung cơ bản sau:

- a) Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b) Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c) Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d) Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu có).

1.7. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho VIMC, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của VIMC, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không nhiều hơn 07 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIMC (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của VIMC theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển

tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình đề Hội đồng quản trị thông qua;

d) Thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

e) Các giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

f) Các giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

g) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày làm việc.

Điều 65. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

a) Hội đồng quản trị tôn trọng quyền của Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành VIMC, đồng thời tạo điều kiện để Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của VIMC theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ VIMC và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của VIMC.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

d) Hội đồng quản trị đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

e) Ban kiểm soát thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của VIMC, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị đồng thời định kỳ thông báo cho Hội đồng quản trị về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của VIMC.

f) Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của VIMC, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

2. Quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho VIMC, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

c) Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

d) Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

e) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo (*có kèm theo bản dự toán*), cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

f) Định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

g) Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ VIMC; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

h) Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- Nội dung cần xin ý kiến;
- Quan điểm của Tổng giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

3. Quan hệ giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc

a) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng

giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành VIMC. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

b) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VIMC của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của VIMC tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến VIMC trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Các nội dung khác cần ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 07 ngày và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 07 ngày.

Điều 66. Phối hợp khác

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của VIMC tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của VIMC.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên VIMC có liên quan cùng tham gia.

CHƯƠNG VII
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA VIMC

Điều 67. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của VIMC

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành VIMC được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a) Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b) Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Ban Tổ chức nhân sự, Người phụ trách quản trị công ty, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của VIMC.

b) Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

c) Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

(i) Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

(ii) Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

(iii) Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

2. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b) Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 69. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị VIMC được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

Điều 70. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát VIMC được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

Điều 71. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:

a) Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

b) Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:

a) Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VIMC theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của VIMC, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của VIMC.

b) Kỷ luật: Những người điều hành của VIMC có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ VIMC và các quy định khác của VIMC.

Điều 72. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và VIMC quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của VIMC, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông VIMC.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của VIMC chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 74. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 chương và 75 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP nhất trí thông qua, chấp thuận hiệu lực toàn văn và giao cho Hội đồng quản trị VIMC ban hành, triển khai thực hiện kể từ ngày

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của VIMC.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

Điều 75. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm phối hợp triển khai việc thực hiện Quy chế này.

2. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế này trong VIMC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Anh Sơn

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 11. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	12
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	12
CHƯƠNG IV. CÁC TIỂU BAN VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
Điều 15. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	13
Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty.....	13
Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị.....	14
CHƯƠNG V. CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	

	19
Điều 21. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị.....	20
CHƯƠNG VI. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	20
Điều 22. Trình báo cáo hàng năm.....	20
Điều 23. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 24. Công khai các lợi ích có liên quan.....	22
CHƯƠNG VII. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 26. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.....	23
Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	23
Điều 28. Hiệu lực thi hành.....	23
Mẫu số 1.....	24
Mẫu số 2.....	25
Mẫu số 3.....	26
Mẫu số 4.....	27
Mẫu số 5.....	29

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 179/QĐ-HHVN ngày 27/4/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và được sửa đổi bổ sung ngày tháng 4 năm 2024)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP” (sau đây gọi tắt là “VIMC”) là Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 18/8/2020.

b) “Điều lệ VIMC” là Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

c) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông VIMC.

d) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của VIMC.

e) “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VIMC.

f) “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VIMC.

g) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không giữ chức vụ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VIMC.

2. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được giải thích, định nghĩa tại Điều lệ VIMC, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong văn bản đó.

3. Trường hợp Điều lệ VIMC và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định mới tại Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ VIMC, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của các đơn vị trong VIMC.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của các cổ đông và của VIMC;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty khác do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của VIMC theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VIMC và của các đơn vị trong VIMC.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể trong khoản 1 Điều 34 Điều lệ VIMC.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên được đào tạo chuyên ngành về kinh tế, tài chính, luật, quản trị kinh doanh, hàng hải và chuyên ngành khác phù với lĩnh vực hoạt động của VIMC.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ VIMC.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của VIMC và không cần thiết phải là cổ đông của VIMC, trừ trường hợp Điều lệ VIMC có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị VIMC có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác;
4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của VIMC.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị VIMC không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc hàng ngày thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và dự thảo phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên đã được thống nhất trong Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Điều lệ.

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMC.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ VIMC.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế ;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của VIMC.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMC. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ VIMC.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, VIMC phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VIMC để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần

trọng và vì lợi ích cao nhất của VIMC nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới VIMC và các bên có liên quan của VIMC;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VIMC;
- g) VIMC có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý VIMC, có toàn quyền nhân danh VIMC để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ VIMC và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VIMC;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của VIMC;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ VIMC;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Quyết định phương án đầu tư, mua tài sản và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của VIMC và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ VIMC;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

k) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

l) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia ứng cử thành viên Ban kiểm soát hoặc giới thiệu để bổ nhiệm kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác;

m) Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc các chi nhánh, Trưởng Ban và tương đương;

n) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VIMC;

o) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VIMC, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; quyết định đầu tư vốn ra ngoài VIMC;

p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

q) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

r) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

s) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể VIMC; yêu cầu phá sản VIMC;

t) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị VIMC sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

u) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

v) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đầu tư, bán tài sản, thuê tài sản, cho thuê tài sản và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của

Hội đồng quản trị;

w) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hằng năm có giá trị đầu tư dưới 20 tỷ đồng hoặc khoản đầu tư nằm trong kế hoạch kinh doanh, đầu tư hằng năm nhưng phát sinh tổng mức đầu tư vượt kế hoạch dưới 10%.

x) Quyết định mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của VIMC tại các công ty khác có giá trị dưới 35% vốn điều lệ của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

y) Quyết định vay, cho vay, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh, bồi thường của VIMC có giá trị dưới 35% vốn điều lệ của VIMC được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

z) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do VIMC đầu tư 100% vốn điều lệ quy định tại Điều 64 Điều lệ VIMC;

aa) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ VIMC và quy định của pháp luật;

bb) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VIMC quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VIMC gây thiệt hại cho VIMC thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VIMC; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VIMC có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Điều lệ VIMC.

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Báo cáo các giao dịch giữa VIMC, công ty con, công ty do VIMC nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VIMC với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

- e) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
- f) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- g) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa VIMC với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của VIMC và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện VIMC ký hợp đồng, giao dịch nêu trên phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VIMC;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMC.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên

Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ VIMC hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

CHƯƠNG IV

CÁC TIỂU BAN VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Các Tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các Tiểu ban để giúp việc, hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 43 Điều lệ VIMC, Điều 57 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ, chế độ làm việc và các nội dung khác có liên quan của các Tiểu ban tại quy chế tổ chức và hoạt động của các Tiểu ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị VIMC để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể là Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 năm. Tiêu chuẩn, quyền, nghĩa vụ và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo Điều 44 Điều lệ VIMC, Điều 58 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Người phụ trách quản trị công ty thuộc cơ cấu tổ chức của Ban Thư ký - Tổng hợp.

Điều 17. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị

1. Bộ phận giúp việc trực tiếp: bao gồm Ban Thư ký - Tổng hợp, Ban Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ.

a) Ban Thư ký - Tổng hợp:

Quyết định thành lập, cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các nội dung khác có liên quan của Ban Thư ký - Tổng hợp do Hội đồng quản trị ban hành để thực hiện các chức năng:

a.1) Trực tiếp tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị giải quyết công việc quản lý, điều hành hàng ngày theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

a.2) Trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Người đại diện tại VIMC thực hiện quyền, trách nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước tại VIMC và các quy định pháp luật hiện hành.

a.3) Làm Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty.

a.4) Thư ký giúp việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị/Người đại diện tại VIMC theo Quyết định phân công nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị /Người đại diện tại VIMC và các quy định pháp luật hiện hành.

a.5) Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Quy chế này hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện phụ trách chung và thành viên Hội đồng quản trị/Người đại diện tại VIMC giao.

b) Ban Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ:

Hội đồng quản trị thống nhất với Đảng ủy VIMC quyết định thành lập, cơ cấu, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc và các nội dung khác có liên quan của Ban Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ để thực hiện các chức năng:

b.1) Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ của HĐQT VIMC; trực tiếp thực thi, thừa hành các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT VIMC. Thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ, đưa ra các khuyến nghị mang tính độc lập, khách quan liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đã được thiết lập và vận hành nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của đơn vị.

b.2) Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của Đảng ủy Tổng công ty; tham mưu giúp Đảng ủy Tổng công ty, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; thực hiện các nhiệm vụ do Đảng ủy Tổng công ty, Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty giao.

b.3) Là cơ quan tham mưu, thực hiện công tác xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và công tác phòng, chống tham nhũng của VIMC.

b.4) Là cơ quan chủ trì, làm đầu mối phối hợp với các Ban CMNV VIMC thực hiện quản lý, tổ chức giám sát hoạt động của các Kiểm soát viên tại các doanh nghiệp có vốn góp của VIMC.

b.5) Là cơ quan tham mưu, giúp việc HĐQT VIMC theo các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này hoặc các vấn đề khác được HĐQT VIMC, Chủ tịch HĐQT VIMC giao.

2. Bộ phận giúp việc chung bao gồm: Các Ban chuyên môn nghiệp vụ, Văn phòng cơ quan, Trung tâm công nghệ thông tin; Ban Quản lý Dự án chuyên ngành hàng hải, các chi nhánh, văn phòng đại diện được thành lập để thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc chung cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong hoạt động quản trị và điều hành VIMC, đồng thời có trách nhiệm báo cáo những vấn đề liên quan khi có yêu cầu.

CHƯƠNG V

CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Triệu tập họp Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a.1) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

a.2) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

a.3) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

b) Đề nghị nêu tại điểm a) khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VIMC; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử, hoặc lịch họp trên hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VIMC.

e) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5. Cách thức biểu quyết và thông qua nghị quyết:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a.1) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

a.2) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại điểm c khoản này;

a.3) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

a.4) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, tài khoản Văn phòng điện tử;

b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

c) Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

d) Biểu quyết:

d.1) Trừ quy định tại tiết d.2) Điểm này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại điểm c) Khoản này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;

d.2) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của VIMC. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

d.3) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d.4) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ VIMC được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với VIMC và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với VIMC, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

f) Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

f.1) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

f.2) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số

thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Nghị quyết phiên họp của Hội đồng quản trị thực hiện theo mẫu số 05 kèm theo Quy chế này)

h) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Việc lập biên bản cuộc họp được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMC, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC để làm căn cứ cho việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh (mẫu số 04 kèm theo Quy chế này), bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và các thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chủ tọa và người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu trữ tại Ban Thư ký - Tổng hợp và trụ sở chính của VIMC.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ VIMC.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

3. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Tùy vào mục đích, vấn đề lấy ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Ban Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ có ý kiến tham mưu cho Hội đồng quản trị.

b) Ban Thư ký - Tổng hợp soạn thảo Phiếu lấy ý kiến (mẫu số 01 kèm theo Quy chế này), tập hợp các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến; Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký. Phiếu lấy ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời và ký xác nhận, gửi về Ban Thư ký - Tổng hợp theo đúng thời hạn quy định.

c) Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT có thể thông qua các phương tiện điện tử như: thư điện tử, fax, tin nhắn, hệ thống Văn phòng điện tử của VIMC. Căn cứ ý kiến của thành viên HĐQT gửi qua phương tiện điện tử có giá trị để Chủ tịch HĐQT ra quyết định, nghị quyết. Sau đó, các thành viên HĐQT có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục theo quy định đối với những nội dung đã cho ý kiến thông qua phương tiện điện tử bằng việc ký xác nhận vào Phiếu cho ý kiến hoặc mail/fax trả lời.

d) Thời hạn lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thông thường là 05 ngày làm việc, tùy trường hợp nội dung lấy ý kiến mà thời hạn lấy ý kiến có thể nhiều hơn hoặc ít hơn theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

e) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị chưa thấy có đủ cơ sở để cho ý kiến thì ghi yêu cầu vào phiếu lấy ý kiến để Ban Thư ký - Tổng hợp chuyển lại các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện bổ sung thông tin, tài liệu và giải trình.

f) Đối với các Tờ trình do Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thì mặc định là người ký Tờ trình đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý với nội dung trình.

g) Ban Thư ký - Tổng hợp thực hiện thủ tục kiểm phiếu và lập biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; dự thảo Nghị quyết, quyết định, văn bản để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền xem xét, ký ban hành nếu đủ tỷ lệ thông qua; trường hợp có ý kiến không tán thành hoặc không có ý kiến thì lập văn bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền xin chỉ đạo phương án xử lý theo quy định và Điều lệ VIMC. Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị lập theo mẫu số 02, Nghị quyết theo mẫu số 03 kèm theo Quy chế này.

h) Trưởng Ban Thư ký - Tổng hợp và chuyên viên xử lý trực tiếp thực hiện việc nhận và kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

i) Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và nghị quyết, quyết định được Hội đồng quản trị thông qua phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

j) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời và ký xác nhận, Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và các tài liệu, hồ sơ có liên quan đều phải được lưu giữ tại Ban Thư ký - Tổng hợp và trụ sở VIMC theo quy định.

Điều 21. Lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Hội đồng quản trị

1. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị được lưu trữ và bảo mật tại Ban Thư ký - Tổng hợp, trụ sở VIMC theo quy định của pháp luật về chế độ văn thư, lưu trữ của VIMC.

2. Ban Thư ký - Tổng hợp phải lập sổ theo dõi văn bản đi, đến, biên bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chế độ văn thư, lưu trữ và quy định của VIMC; ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc tra cứu, nghiên cứu, trích lục được dễ dàng, thuận lợi.

3. Đối với những tài liệu mang tính chất nội bộ, ảnh hưởng đến khách hàng, sản xuất kinh doanh của VIMC thì những người có quyền như thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát chỉ được phép tìm hiểu hồ sơ, tài liệu tại Văn phòng VIMC. Trong trường hợp có nhu cầu sao chụp hoặc mang những hồ sơ, tài liệu này ra khỏi Văn phòng VIMC thì phải có sự đồng ý hoặc có yêu cầu bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của VIMC;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VIMC;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VIMC chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của VIMC liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 23. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. VIMC có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VIMC theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VIMC và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được VIMC mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm

bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VIMC.

Điều 24. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải kê khai cho VIMC về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với VIMC trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VIMC đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VIMC.

CHƯƠNG VII MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ VIMC và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 26. Mối quan hệ với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP bao gồm 08 chương, 28 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Anh Sơn

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG HẢI VIỆT NAM-CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ... /PLYK-HĐQT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Kính gửi: Ông (bà)

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

I. THÔNG TIN CÔNG TY

Tên công ty: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Trụ sở chính: Số 1 Đào Duy Anh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0100104595

II. MỤC ĐÍCH, VẤN ĐỀ CẦN LẤY Ý KIẾN

1. Mục đích: Để thông qua/ ban hành/... ..

2. Vấn đề cần lấy ý kiến

Nội dung 1: ...

Nội dung 2: ...

...

III. TÀI LIỆU KÈM THEO PHIẾU LẤY Ý KIẾN

Tài liệu: được gửi qua email lúc...ngày... tháng ...năm..., gồm có:

1. Tờ trình số

2. Báo cáo ...

...

IV. THỜI HẠN GỬI PHIẾU LẤY Ý KIẾN: Trước ... giờ ngày .../.../...

**TL. CHỦ TỊCH HĐQT
TRƯỞNG BAN TK-TH**

Nguyễn Thị B

V. BIỂU QUYẾT CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Nội dung 1:

TÁN THÀNH: KHÔNG TÁN THÀNH: KHÔNG CÓ Ý KIẾN:

Nội dung ...:

TÁN THÀNH: KHÔNG TÁN THÀNH: KHÔNG CÓ Ý KIẾN:

Ngày... tháng.... năm.....

Ký và ghi rõ họ tên

Số: .../BBYK-HĐQT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN
Tổng hợp phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP

Ban Thư ký - Tổng hợp thực hiện việc tổng hợp các Phiếu lấy ý kiến .../PLYK-HĐQT ngày .../.../... đối với Tờ trình/Báo cáo/Văn bản số .../... ngày .../.../... của ... về việc..., kết quả như sau:

I. Nội dung lấy ý kiến:

Nội dung 1: ...

Nội dung 2:...

...

II. Ý kiến của các thành viên HĐQT:

3.1. Ông (bà) ...: “...”

3.2. Ông (bà) ...: “...”

...

III. Kết quả kiểm phiếu:

Nội dung ...:

1. Tổng số phiếu tham gia biểu quyết: ... phiếu, trong đó có ... phiếu biểu quyết hợp lệ và ... phiếu biểu quyết không hợp lệ.

2. Tỷ lệ biểu quyết:

- Số phiếu tán thành:.../... (gồm các ông (bà):...) đạt tỷ lệ ...% tổng số phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không tán thành:.../... (gồm các ông (bà): ...) đạt tỷ lệ ...% tổng số phiếu biểu quyết.

- Số phiếu không có ý kiến: .../... (gồm các ông (bà): ...) đạt tỷ lệ ...% tổng số phiếu biểu quyết.

...

IV. Các nội dung HĐQT thông qua:

...

Biên bản được lập 01(một) bản gốc lưu Ban TK-TH và các bản Scan gửi các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Tổng công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT

TRƯỞNG BAN TK-TH

Nguyễn Văn A

Nguyễn Thị B

Số: ... /NQ-HHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

NGHỊ QUYẾT
Về

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số ... ngày ...;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày ...;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần được ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HHVN ngày ...;

Căn cứ Biên bản tổng hợp phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP số .../BBYK-HĐQT ngày .../.../... đối với Tờ trình/Báo cáo/Văn bản số .../... ngày .../.../... của ... về việc...

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. ...

Điều 2...

Điều ... Giao ... tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp các quy định hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- ...;
- Lưu VT, TK-TH, ...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn A

Số: ... /BB-HHVN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHIÊN HỌP THỨ (NGÀY)...**

Hôm nay, vào hồi... ngày... tháng... năm..., Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP, mã số doanh nghiệp: ..., có địa chỉ trụ sở chính tại số 01 Đào Duy Anh, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội, tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (HĐQT) tại...

I. MỤC ĐÍCH, CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CUỘC HỌP

...

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Thành phần tham dự cuộc họp bao gồm:

1. Chủ tọa cuộc họp: Ông (bà)... - Chủ tịch HĐQT

2. Thư ký cuộc họp: Ông (bà)...

3. Tất cả các thành viên của HĐQT gồm:

Ông (bà) ... - Chủ tịch HĐQT

Ông (bà)... - Thành viên chuyên trách HĐQT

...

Tổng số thành viên dự họp: ... thành viên.

Số thành viên vắng mặt: ... thành viên, lý do:...

Tổng số phiếu biểu quyết: ... phiếu

4. Thành viên mời tham dự họp:

- Ông (bà)...

- Ông (bà)...

- ...

III. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

...

IV. Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN DỰ HỌP

...

V. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

- Tổng số thành viên tán thành:, đạt tỷ lệ ...%.

- Tổng số thành viên không tán thành:, đạt tỷ lệ ...%.

- Tổng số thành viên không có ý kiến:, đạt tỷ lệ ...%.

VI. CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI CUỘC HỌP

Căn cứ vào kết quả biểu quyết trên đây, Hội đồng quản trị đã thông qua...

1...

2...

...

Biên bản này được đọc lại tại cuộc họp và được toàn thể Hội đồng quản trị nhất trí thông qua. Biên bản được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau: 01 (một) bản lưu Ban Thư ký - Tổng hợp và 01 (một) bản gốc lưu Văn phòng VIMC; Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nhận bản scan từ phần mềm Quản trị văn thư (PO)

Cuộc họp kết thúc lúch00 cùng ngày.

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỌA VÀ THƯ KÝ CUỘC HỌP

CHỦ TỌA

THƯ KÝ

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG HẢI VIỆT NAM-CTCP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /NQ-HHVN

Hà Nội, ngày tháng năm

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp ngày tháng năm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số ... ngày ...;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày ...;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty cổ phần được ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-HHVN ngày ...;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP số.../BB-HHVN ngày ...,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1...

Điều 2...

Điều ... Giao ...thực hiện ... và Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp các quy định hiện hành có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như Điều ...;
- Ban Kiểm soát;
- Các thành viên HĐQT;
- ...;
- Lưu: VT, TK-TH, ...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Anh Sơn

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT
CÁC NỘI DUNG TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024 CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Hôm nay, vào lúc 10h45 giờ ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Đại hội) đã tiến hành biểu quyết thông qua một số nội dung trình tại Đại hội, cụ thể như sau:

I. Thành phần Ban Kiểm phiếu:

1. Ông Đỗ Đức Ân - Trưởng Ban
2. Bà Vũ Thị Diệp - Thành viên
3. Ông Đỗ Huy Bằng - Thành viên

II. Kết quả biểu quyết:

Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết là 31 cổ đông, tương đương với 1.194.756.600 cổ phần. Sau khi tiến hành biểu quyết, kết quả biểu quyết như sau:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2023

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

3. Thông qua Báo cáo của BKS tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

6. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 của HĐQT, BKS; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

7. Thông qua nội dung cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

8. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

9. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

10. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

11. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

12. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.



- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

13. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

Biên bản Kết quả biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty hàng hải Việt Nam - CTCP được lập vào lúc 10h45 ngày 16/4/2024 và được tất cả các thành viên Ban Kiểm phiếu thống nhất thông qua.

**THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU**


Vũ Thị Diệp


Đỗ Huy Bằng

**TRƯỞNG BAN
BAN KIỂM PHIẾU**


Đỗ Đức Ân

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội (bao gồm cổ đông tham dự và đại diện cổ đông được ủy quyền tham dự) là 68 cổ đông, đại diện cho 1.194.824.900 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,52% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Đại hội với số lượng, thành phần cổ đông tham dự như trên là hợp lệ, đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

3. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội

Ông Trần Tuấn Hải - Trưởng Ban Truyền thông VIMC trình bày trước Đại hội về dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội, hướng dẫn sử dụng phần mềm biểu quyết điện tử tại Đại hội, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua Quy chế tổ chức Đại hội.

C. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỌA, BAN THƯ KÝ VÀ THÔNG QUA DANH SÁCH BAN KIỂM PHIẾU, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa

Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tọa Đại hội bao gồm:

- Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT VIMC - Chủ tọa Đại hội
- Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Thành viên HĐQT, TGD VIMC
- Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát VIMC
- Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT VIMC
- Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC

2. Giới thiệu Ban Thư ký

Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban Thư ký bao gồm:

- Bà Chu Diệu Linh - Trưởng Ban Nghiệp vụ - Công đoàn VIMC, Trưởng Ban Thư ký
- Bà Nguyễn Thị Hà Trang - Chuyên viên Ban TKTH VIMC, Thành viên Ban Thư ký

3. Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu

Đại hội giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến của Ban Kiểm phiếu gồm 03 người, 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã thống nhất thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu, bao gồm:

- Ông Đỗ Đức Ân, Phó Trưởng Ban PTTT - Trưởng Ban
- Bà Vũ Thị Diệp, Phó Trưởng Ban TT - Thành viên
- Ông Đỗ Huy Bằng, Chuyên viên Ban TT - Thành viên

4. Thông qua Chương trình Đại hội

Sau khi nghe giới thiệu Chương trình Đại hội, Đại hội đã tiến hành biểu quyết với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua Chương trình Đại hội.

D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

1. Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024

Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2023, Kế hoạch hoạt động năm 2024 của HĐQT VIMC.

2. Báo cáo của BKS về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2023

Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của BKS về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2023.

3. Báo cáo của BKS về đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2023, Phương hướng hoạt động năm 2024

Ông Lương Đình Minh - Trưởng Ban Kiểm soát VIMC trình bày trước Đại hội Báo cáo của BKS tự đánh giá Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2023, Phương hướng hoạt động năm 2024.

4. Trình Đại hội Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Ông Lê Duy Dương - Trưởng Ban Tài chính Kế toán VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu chính theo Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

A	Bảng Cân đối kế toán	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2022
I	Tổng tài sản	13.777.616.310.724	13.837.863.535.040
1	Tài sản ngắn hạn	2.511.356.461.711	2.225.422.927.550
2	Tài sản dài hạn	11.266.259.849.013	11.612.400.607.490
II	Tổng nguồn vốn	13.777.616.310.724	13.837.863.535.040
1	Nợ phải trả	1.631.485.332.118	2.049.015.758.085
2	Vốn chủ sở hữu	12.126.130.978.606	11.788.847.776.955

B	Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2023	Năm 2022
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.655.450.723	584.867.661.272
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	316.318.324.070	634.063.204.422
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.283.201.651	653.030.672.269
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	357.283.201.651	653.030.672.269

C	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Năm 2023	Năm 2022
1	Lợi nhuận trước thuế	357.283.201.651	653.030.672.269
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.929.683.033	441.205.411.041
4	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	392.017.304.702	(135.077.266.314)
5	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(66.812.514.027)	(680.184.037.561)
6	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	329.034.473.708	(374.055.892.834)
7	Tiền và tương đương tiền đầu năm	149.475.735.653	524.059.162.487
8	Tiền và tương đương tiền cuối năm	480.875.972.938	149.475.735.653

Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh về các chỉ tiêu có liên quan đến kết quả sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2023, Hội đồng quản trị VIMC chỉ đạo VIMC điều chỉnh các chỉ tiêu để phù hợp theo quy định của pháp luật.

5. Trình Đại hội Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Ông Lê Duy Dương - Trưởng Ban TCKT VIMC trình bày trước Đại hội về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của VIMC.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, các quy định hiện hành và số dư các quỹ hiện tại của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty trình Đại hội phê duyệt Phương án phân phối, trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (VND)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023	357.283.201.651	
2	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(217.032.223.045)	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối (3)=(1)+(2)	140.250.978.606	
4	Trích quỹ Đầu tư phát triển	42.075.293.582	Trích 30% lợi nhuận sau thuế được phân phối

STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận năm	Ghi chú
5	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	50.673.000.000	Trích 03 tháng lương bình quân thực tế của NLD
6	Trích quỹ thưởng người quản lý	1.176.115.000	Trích 1,5 tháng lương bình quân thực tế của NQL
7	Lợi nhuận chia cổ tức bằng tiền (7)=(3)-(4)-(5)-(6)	46.326.570.024	
	Tỷ lệ chia cổ tức	0,39%	
8	Lợi nhuận còn lại (8)=(3)-(4)-(5)-(6)-(7)	0	

6. Trình Đại hội về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS

Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT trình bày trước Đại hội Tờ trình về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS.

Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 7.403.744.064 đồng; tiền lương bình quân: 77.122.334 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 185.093.602 đồng.
- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 8.640.000.000 đồng; tiền lương bình quân: 90.000.000 đồng/người/tháng.
- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 216.000.000 đồng.
- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

7. Trình Đại hội về việc cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025

Ông Trần Tuấn Hải - Trưởng Ban Truyền thông VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về việc cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025.

Nội dung cập nhật Đề án gồm:

(i) Đầu tư góp vốn thành lập công ty liên doanh giữa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và Công ty Aries Energy Corporation - Hy Lạp.

(ii) Thoái vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại (Transco).

(iii) Một số dự án ĐTXD các ICD/Depot tại các khu vực kinh tế trọng điểm:

- Dự án ĐTXD trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang.

- Góp vốn đầu tư để thực hiện Dự án Cảng tổng hợp và container Cái Mép Hạ.

- Góp vốn thành lập Liên doanh để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng logistics tại Bắc Ninh (ICD Bắc Ninh).

8. Trình Đại hội về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của VIMC

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của VIMC.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:

Kết quả hợp nhất:

- Sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 114,8 triệu tấn, bằng 93% so với năm 2022 và bằng 85% so với kế hoạch năm 2023.

- Sản lượng vận tải biển đạt 20,8 triệu tấn, bằng 95% so với năm 2022 và bằng 117% so với kế hoạch năm 2023.

- Doanh thu hợp nhất đạt 13.964 tỷ đồng, bằng 91% so với năm 2022 và bằng 105% so với kế hoạch năm 2023.

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 2.126 tỷ đồng, bằng 70% so với năm 2022 và bằng 91% so với kế hoạch năm 2023.

Kết quả Công ty mẹ:

- Sản lượng vận tải biển đạt 5,6 triệu tấn, bằng 100% so với năm 2022 và bằng 137% so với kế hoạch năm 2023.

- Doanh thu đạt 2.067 tỷ đồng, bằng 86% so với năm 2022 và bằng 102% so với kế hoạch năm 2023.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 357 tỷ đồng, bằng 55% so với năm 2022 và bằng 115% so với kế hoạch năm 2023.

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024:

Kế hoạch hợp nhất:

- Sản lượng hàng thông qua cảng: 123,6 triệu tấn.
- Sản lượng vận tải biển: 15,9 triệu tấn.
- Doanh thu: 13.447 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 2.736 tỷ đồng.

Kế hoạch Công ty mẹ:

- Sản lượng vận tải biển: 3,8 triệu tấn.
- Doanh thu: 2.415 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 935 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư các dự án năm 2024: 436,7 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp: 199,6 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới: 237,1 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư tài chính: 1.208 tỷ đồng.
- Đầu tư 02 tàu hàng rời, trọng tải 38.000 DWT, tổng mức đầu tư 72,6 triệu USD.
- Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại 07 doanh nghiệp.
- Thực hiện thoái vốn/giảm vốn của VIMC tại 09 doanh nghiệp có vốn góp (03 doanh nghiệp chuyển tiếp, 04 doanh nghiệp theo kế hoạch năm 2024, góp vốn bằng giá trị cổ phiếu tại 02 doanh nghiệp).

9. Trình Đại hội về Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC

Bà Phan Thị Nhị Hà - Thành viên Ban Kiểm soát VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm.
- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

- Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

10. Trình Đại hội về điều chỉnh, bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của VIMC

Ông Nguyễn Đình Chung - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về điều chỉnh, bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của VIMC.

(i) Bổ sung ngành nghề kinh doanh Hoạt động kiến trúc:

Mã ngành: 7110

Tên ngành: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Hoạt động kiến trúc (71101).

(ii) Rút/bỏ ngành nghề kinh doanh Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài:

Mã ngành: 7830

Tên ngành: Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (78302).

11. Trình Đại hội về sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC

Ông Đỗ Tiến Đức - Thành viên HĐQT VIMC trình bày trước Đại hội Tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ VIMC; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC.

12. Thảo luận, đóng góp ý kiến đối với nội dung các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày nêu trên

Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT VIMC đề nghị các cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày nêu trên về các nội dung liên quan đến Kết quả hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024; Báo cáo tài chính năm 2023; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023; Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS; Cập nhật Đề án Cơ cấu lại

VIMC giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT.

Ý kiến của các cổ đông:

(Không có cổ đông nào tham gia ý kiến).

12. Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo/trình tại Đại hội

Ông Lê Anh Sơn - Chủ tịch HĐQT VIMC đề nghị các cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung trình tại Đại hội.

Kết quả biểu quyết như sau:

(i) Thông qua Báo cáo của HĐQT về Kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(ii) Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD năm 2023

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(iii) Thông qua Báo cáo của BKS tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và BKS năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(iv) Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(v) Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(vi) Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(vii) Thông qua nội dung cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(viii) Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(ix) Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(x) Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(xi) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(xii) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

(xiii) Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT VIMC

- Tán thành: 1.194.756.600 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần biểu quyết của cổ đông tham gia biểu quyết.



**E. THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VÀ BẾ MẠC
ĐẠI HỘI**

Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được đọc trước toàn thể Đại hội và được biểu quyết thông qua với: (i) 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất thông qua Biên bản Đại hội; (ii) 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại hội kết thúc vào 11h00 cùng ngày.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**



Chu Diệu Linh

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Lê Anh Sơn

Số: 229/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CỦA TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (VIMC) ngày 16/4/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị VIMC về Kết quả hoạt động năm 2023, Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị VIMC (theo Báo cáo số 219/BC-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Điều 2.

Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát VIMC về Kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMC, giám sát HĐQT và TGD VIMC năm 2023 (theo Báo cáo số 650/BC-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Ban Kiểm soát VIMC).

Điều 3.

Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát VIMC về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên và Ban Kiểm soát VIMC năm 2023, phương hướng hoạt động năm 2024 (theo Báo cáo số 651/BC-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Ban Kiểm soát VIMC).

Điều 4.

Thông qua Báo cáo tài chính Hợp nhất; Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP năm 2023 đã được kiểm toán (theo Tờ trình số 220/TTr-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh về các chỉ tiêu có liên quan đến kết quả sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2023, Hội đồng quản trị VIMC chỉ đạo VIMC điều chỉnh các chỉ tiêu để phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 5.

Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của VIMC (theo Tờ trình số 221/TTr-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Phương án phân phối, trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023 như sau:

STT	Nội dung	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (VND)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023	357.283.201.651	
2	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	(217.032.223.045)	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối (3)=(1)+(2)	140.250.978.606	
4	Trích quỹ Đầu tư phát triển	42.075.293.582	Trích 30% lợi nhuận sau thuế được phân phối
5	Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	50.673.000.000	Trích 03 tháng lương bình quân thực tế của NLĐ
6	Trích quỹ thưởng người quản lý	1.176.115.000	Trích 1,5 tháng lương bình quân thực tế của NQL
7	Lợi nhuận chia cổ tức bằng tiền (7)=(3)-(4)-(5)-(6)	46.326.570.024	
	Tỷ lệ chia cổ tức	0,39%	
8	Lợi nhuận còn lại (8)= (3)-(4)-(5)-(6)-(7)	0	

Điều 6.

Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Hội đồng

quản trị, Ban Kiểm soát (theo Tờ trình số 222/TTr-DHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2023:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 7.403.744.064 đồng; tiền lương bình quân: 77.122.334 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 185.093.602 đồng.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của HĐQT, BKS:

HĐQT gồm 04 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và 01 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm (thành viên HĐQT kiêm TGD). BKS gồm 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Quỹ tiền lương thành viên HĐQT, BKS chuyên trách: 8.640.000.000 đồng; tiền lương bình quân: 90.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 216.000.000 đồng.

- Thực hiện phân phối theo Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với Người quản lý, Ban Kiểm soát VIMC.

Điều 7.

Thông qua nội dung cập nhật Đề án Cơ cấu lại VIMC giai đoạn 2021-2025 (theo Tờ trình số 223/TTr-DHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Nội dung cập nhật Đề án gồm:

(i) Đầu tư góp vốn thành lập công ty liên doanh giữa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và Công ty Aries Energy Corporation - Hy Lạp.

(ii) Thoái vốn góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại (Transco).

(iii) Một số dự án ĐTXD các ICD/Depot tại các khu vực kinh tế trọng điểm:

- Dự án ĐTXD trung tâm logistics, cảng thủy nội địa Ninh Giang.

- Góp vốn đầu tư để thực hiện Dự án Cảng tổng hợp và container Cái Mép Hạ.

- Góp vốn thành lập Liên doanh để thực hiện Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng logistics tại Bắc Ninh (ICD Bắc Ninh).



Điều 8.

Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Tờ trình số 224/TTr-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:

- Sản lượng vận tải biển: 3,8 triệu tấn.
- Doanh thu: 2.415 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 935 tỷ đồng.

Kế hoạch đầu tư Công ty mẹ:

- Tổng vốn đầu tư các dự án năm 2024: 436,7 tỷ đồng, trong đó, các dự án chuyển tiếp: 199,6 tỷ đồng, các dự án đầu tư mới: 237,1 tỷ đồng.
- Tổng vốn đầu tư tài chính: 1.208 tỷ đồng.
- Đầu tư 02 tàu hàng rời, trọng tải 38.000 DWT, tổng mức đầu tư 72,6 triệu USD.
- Tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp, giảm tỷ lệ sở hữu của VIMC tại 07 doanh nghiệp.
- Thực hiện thoái vốn/giảm vốn của VIMC tại 09 doanh nghiệp có vốn góp (03 doanh nghiệp chuyển tiếp, 04 doanh nghiệp theo kế hoạch năm 2024, góp vốn bằng giá trị cổ phiếu tại 02 doanh nghiệp).

Điều 9.

Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC (theo Tờ trình số 652/TTr-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Ban Kiểm soát VIMC).

Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ các tiêu chí lựa chọn: (a) Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, thương hiệu, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao và nhiều kinh nghiệm; (b) Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng, lựa chọn đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các công ty kiểm toán đủ tiêu chuẩn do Bộ Tài chính công bố hàng năm để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP; (c) Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Tổng

công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP; (d) Cung cấp khoá học đào tạo về chuyên ngành tài chính kế toán miễn phí cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP; căn cứ danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC.

Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VIMC cần đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10.

Thông qua về điều chỉnh, bổ sung một số ngành, nghề kinh doanh của VIMC (theo Tờ trình số 225/TTr-DHDCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

(i) Bổ sung ngành nghề kinh doanh Hoạt động kiến trúc:

Mã ngành: 7110

Tên ngành: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Hoạt động kiến trúc (71101).

(ii) Rút/bỏ ngành nghề kinh doanh Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài:

Mã ngành: 7830

Tên ngành: Cung ứng và quản lý nguồn lao động

Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (78302).

Điều 11.

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Tờ trình số 226/TTr-DHDCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Điều 12.

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Tờ trình số 226/TTr-DHDCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).

Điều 13.

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (theo Tờ trình số 226/TTr-DHDCĐ ngày 15/4/2024 của Hội đồng quản trị VIMC).



Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP triển khai thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Cổ đông VIMC (qua website);
- UBCKNN, HNX (để CBTT);
- HĐQT, BKS VIMC (để t/hiện);
- Lưu: VT, TKTH, TT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Lê Anh Sơn